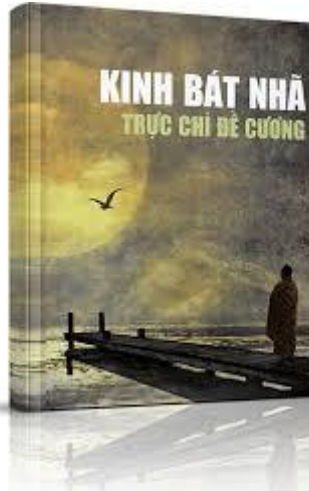


Kinh Bát Nhã

Trực Chỉ Đê Cương



HT Từ Thông

---o0o---

Nguồn

<http://www.tuvienquangduc.com.au/>

Chuyển sang ebook 10-11-2015

Người thực hiện :

Nguyễn Ngọc Thảo - thao_ksd@yahoo.com.vn

Lan Vi - dvlanvi@gmail.com

Nam Thiên - namthien@gmail.com

[Link Audio Tại Website http://www.phapthihoi.org](http://www.phapthihoi.org)

Mục Lục

LỜI NÓI ĐẦU

I. BỐI CẢNH THỜI PHÁP BÁT NHÃ BA LA MẬT ĐA

II. VẤN ĐỀ CƠ BẢN CỦA MỘT BỒ TÁT PHẢI LÀM

III. VẤN ĐỀ HÀNG PHỤC TÂM MÌNH

IV. PHÁT TÂM VÔ THƯỢNG CHÁNH ĐẲNG CHÁNH GIÁC, PHẢI TRỤ TÂM MÌNH NHƯ THỂ NÀO?

V. THỂ NÀO LÀ ĐỨC TIN CÓ GIÁ TRỊ?

VI. VẤN ĐỀ THÀNH PHẬT VÀ THUYẾT PHÁP CỦA MỘT NHƯ LẠI

VII. ĐỆ TỬ PHẬT PHẢI LÀM GÌ ĐỂ CÓ ĐƯỢC PHƯỚC ĐỨC NHIỀU?

VIII. VẤN ĐỀ CHỨNG ĐẮC TRONG ĐẠO PHẬT, NGƯỜI PHẬT TỬ PHẢI HIỂU NHƯ THỂ NÀO?

IX. LÀM THỂ NÀO ĐỂ TRANG NGHIÊM CHO MÌNH MỘT CÔI PHẬT

X. NGƯỜI ĐỆ TỬ PHẬT PHẢI LÀM GÌ ĐỂ CÓ ĐƯỢC PHƯỚC ĐỨC NHIỀU?

XI. BÁT NHÃ BA LA MẬT ĐA LÀ MỘT THỨ KINH ƯU VIỆT

XII. PHẢI HIỂU RÕ Ý PHẬT VÀ ĐÚNG NHƯ PHÁP MÀ THỌ TRÌ, PHƯỚC ĐỨC MỚI NHIỀU

XIII. LY NHẤT THIẾT CHƯ TƯỚNG CÁCH NÀO ĐỂ ĐƯỢC GỌI LÀ CHƯ PHẬT

XIV. SỰ LỢI ÍCH CỦA NGƯỜI THỌ TRÌ ĐỌC TỤNG VÀ XIÊN DƯƠNG GIÁO LÝ BÁT NHÃ BA LA MẬT

XVI. TỌT CÙNG CHÂN LÝ NGÃ PHÁP ĐỀU KHÔNG

XVII. QUA SỰ NHẬN THỨC CỦA PHẬT NHÃN THÌ TẤT CẢ LÀ MỘT VÀ MỘT LÀ TẤT CẢ

XVIII. VẤN ĐỀ PHƯỚC ĐỨC HÀNH GIẢ PHẢI HIỂU NHƯ THỂ NÀO?

XIX. PHẢI CHIÊM NGƯỖNG THỂ NÀO MỚI ĐÍCH THỰC CHIÊM NGƯỖNG MỘT NHƯ LẠI

XX. NĂNG SỞ SONG VONG, NẾU NHƯ LẠI CÓ THUYẾT PHÁP LÀ PHỈ BÁNG PHẬT

XXI. VÔ THƯỢNG CHÁNH ĐẲNG CHÁNH GIÁC KHÔNG PHẢI LÀ QUẢ VỊ CHỨNG ĐẮC CỦA NHƯ LẠI

XXII. GIÁ TRỊ CỦA BÁT NHÃ BA LA MẬT VƯỢT NGOÀI TỶ LỆ THÔNG THƯỜNG

XXIII. VỚI BÁT NHÃ BA LA MẬT, NĂNG SỞ SONG VONG

XXIV. PHẢI CHIÊM NGƯỖNG CÁCH NÀO MỚI ĐÍCH THỰC THẤY NHƯ LẠI?

XXV. SẮC THÂN 32 TƯỚNG VỚI NHƯ LẠI BÁT TỨC BÁT LY

XXVII. PHẢI HIỂU THỂ NÀO VỀ MỘT NHƯ LẠI?

XXVIII. VI TRẦN VÀ THỂ GIỚI LÀ HAI MẶT CỦA MỘT THỰC THỂ TỒN TẠI KHÁCH QUAN

**XXIX. PHẢI HIỂU THẾ NÀO VỀ TƯ TƯỞNG CỦA NHƯ LẠI NÓI
XXX. NHƯ NHƯ BẤT ĐỘNG LÀ ĐẠT ĐÁO ĐIỂM CỦA BÁT NHÃ
BA LA MẬT
XXXI. VẤN ĐỀ SẮC TÂM QUA CÁI NHÌN CỦA BÁT NHÃ BA LA
MẬT
XXXII. MƯỜI HAI NHẬP, MƯỜI TÁM GIỚI VẪN LÀ PHÁP
DUYÊN SANH Y THA KHỞI
XXXIII. PHÁP TỨ ĐẾ, THẬP NHỊ NHÂN DUYÊN LÀ PHƯƠNG
THUỐC DĨ ĐỘC TRỊ ĐỘC CỦA NHƯ LẠI
XXXIV. BÁT NHÃ BA LA MẬT LÀ DUYÊN NHÂN CỦA VÔ
THƯỢNG CHÁNH ĐẲNG CHÁNH GIÁC
PHỤ LỤC**

---o0o---

LỜI NÓI ĐẦU

BÁT NHÃ BA LA MẬT là một trong những hệ tư tưởng của Đại thừa Phật giáo Bắc tông. Bát Nhã Ba La Mật, Trung Hoa dịch: **TRÍ TUỆ ĐÁO BỈ NGẠN**. Thành ngữ đạo bỉ ngạn, chỉ cho sự viên mãn cứu kính, sự hoàn thành trọn vẹn về một lãnh vực tri thức, một công hạnh lợi tha, một sự giải thoát giác ngộ hoàn toàn..

Bát Nhã Ba La Mật, với nhà Phật học được xem là thứ trí tuệ cứu kính, so với các trí tuệ. Sử dụng trí tuệ đạo bỉ ngạn, con người có khả năng nhận thức thế giới, thông qua ngũ nhãn của mình. Khi đề cập thứ trí tuệ cứu kính, nhà Phật ít dùng từ trí tuệ theo nghĩa thông thường. Để chỉ thứ trí tuệ đạo cứu kính ấy, nhà Phật thường sử dụng nguyên âm bằng cái từ Bát Nhã. Nói đến Bát Nhã, người Phật học hiểu ngay là thứ trí tuệ đạo cứu kính, có khả năng nhận thức vũ trụ nhân sinh.

Các thiền đường, nói nôm na là chỗ các tu sĩ Phật giáo ăn cơm, ngồi thiền, tham cứu kinh điển, tiếp khách thập phương, thường có tám biển chữ to. Biển đẹp hay tầm thường tùy khả năng tài chánh của nhà chùa, nhưng tuyệt đại đa số chùa đều có tám biển với ba chữ:

“BÁT NHÃ ĐƯỜNG”

Ba chữ đó, vừa có ý nghĩa cảnh tỉnh, vừa có ý nghĩa biểu trưng: Rằng người tu sĩ Phật giáo phải sống bằng Bát Nhã, nên sống trong Bát Nhã, vì đây là ngôi nhà BÁT NHÃ của chôn tòng lâm.

Theo Thiên thai phái giáo, hệ tư tưởng Bát Nhã chiếm khoảng 22 trên 49 năm trong đời giáo hóa của Đức Phật. Cho nên nhìn vào công trình phiên dịch, sớ giải, trước thuật của các tiền bối Phật học mà kinh khiếp. Chỉ đọc đề mục, tên kinh, niên đại, dịch giả, thuật giả, sớ giải giả, trong hệ tư tưởng Bát Nhã Ba La Mật thôi, tôi cảm thấy đã mệt. Dưới đây tôi xin nêu một số nhỏ danh mục kinh, thuộc hệ tư tưởng Bát Nhã để giới thiệu đại khái, cùng chư thiện hữu tri thức tòng lâm, và cũng thưa là xin miễn nêu tôn danh các dịch giả tiền bối để khỏi rườm rà, vì đây không cần thiết:

- 1. Phóng quang Bát Nhã Ba La Mật Kinh 20 quyển, 90 phẩm.**
- 2. Ma Ha Bát Nhã Ba La Mật Kinh 30 quyển, 90 phẩm.**
- 3. Quang tán Bát Nhã Ba La Mật Kinh 10 quyển, 27 phẩm.**
- 4. Đạo hạnh Bát Nhã Ba La Mật Kinh 10 quyển, 30 phẩm.**
- 5. Tiểu phẩm Bát Nhã Ba La Mật Kinh 10 quyển, 29 phẩm.**
- 6. Phật Mẫu Xuất Sanh Tam Pháp Tạng, Bát Nhã Ba La Mật Kinh 25 quyển, 32 phẩm.**
- 7. Phẩm Mẫu Bảo Đức Tạng, Bát Nhã Ba La Mật Kinh 3 quyển, 20 phẩm.**
- 8. Đại Minh Độ Vô Cực Kinh (hệ Bát Nhã) 6 quyển, 30 phẩm.**
- 9. Ma Ha Bát Nhã Ba La Mật Sao Kinh 5 quyển, 13 phẩm.**
- 10. Thắng Thiên Vương, Bát Nhã Ba La Mật Kinh 7 quyển, 16 phẩm.**
- 11. Văn Thù Sư Lợi sở thuyết Ma Ha Bát Nhã Ba La Mật Kinh 1 quyển.**
- 12. Phật Thuyết Nhục Thủ Bồ Tát Vô Thượng Thanh Tịnh phân Vệ Kinh 2 quyển.**
- 13. Kim Cang Bát Nhã Ba La Mật Kinh 1 quyển. Cựu Ma La Thập dịch (Tài liệu căn bản giáo án này).**
- 14. Kim Cang Bát Nhã Ba La Mật Kinh 1 quyển. Chân Đế dịch.**
- 15. Đại Bát Nhã Ba La Mật Kinh 600 quyển. Hơn 80.000 lời. 785 phẩm, Tam Tạng Pháp Sư Huyền Trang dịch. Đời Nhà Đường. 600 = 666 niên đại.**

Nêu đại cương mà đã có từng ấy kinh hệ tư tưởng Bát Nhã Ba La Mật Đa. Xem thế, nghiên cứu Bát Nhã mà tham khảo hết ngàn ấy tài liệu, có lẽ

đến chết già. Đã bao lần tôi định bụng lội khơi vào biển Bát Nhã bao la ấy. Rồi lòng tự nhủ lòng. Không thể lội trong biển mênh mông không bờ bến. Mà biển nào cũng phải có bờ chứ. Tay lưới dù lớn, dài bao nhiêu cũng phải có giềng. Áo rộng cỡ nào cũng phải có bầu. Tôi cương quyết phải tìm bờ để vào, phải nắm giềng để phăng lưới, phải xách bầu mới xếp áo được. Nghĩ vậy tôi để tâm nghiên cứu viết tài liệu giáo án này. Trước hết lợi mình, đồng thời hướng dẫn đàn em hậu học đang theo học ở các trường Phật học Cao cấp: Thủ đô Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh, tôi là một trong số giảng viên được phân công hướng dẫn các môn Kinh luận Đại thừa.

Theo nội dung tài liệu giáo án này được gọi là: **BÁT NHÃ BA LA MẬT KINH TRỰC CHỈ ĐỀ CƯƠNG.**

Không biết có chủ quan lắm không, chứ theo tôi, nghiên cứu **Bát Nhã Ba La Mật Kinh Trực Chỉ Đề Cương** này, rồi dựa theo cơ sở tư duy đó, phát triển tự nhiên trí, vô sư trí của mình, theo đó, các độc giả có thể xem các bộ kinh Bát Nhã khác, ta sẽ thấy giáo lý không còn khó khăn lắm.

BÁT NHÃ BA LA MẬT KINH TRỰC CHỈ ĐỀ CƯƠNG, do bị nhân tôi tóm lược từ chất liệu ở bộ kinh Kim Cang Bát Nhã Ba La Mật Đa và Bát Nhã Ba La Mật Đa Tâm Kinh viết thành giáo án này.

Phần trực chỉ, đề giảng rộng, giải thích lý nghĩa của kinh văn. Phần này cũng do bị nhân tôi, tư duy tìm hiểu nghĩa lý ẩn tàng trong chất giáo lý Bát Nhã mà viết ra. Về văn tự vựng về, chẳng đáng là bao. Nhưng pháp dược này được bỏ ích nhiều hay ít đối với xã hội nhân quần, cần có sự diễn đạt để hướng dẫn tư tưởng người đọc qua phần TRỰC CHỈ đó. Nếu nó là pháp dược, là thuốc quý, lợi ích chúng sanh, thì người ta sẽ vun trồng chăm quén, gầy giống lâu dài. Nếu nó là thứ cỏ dại, có nó chỉ làm tổn thương sự sanh trưởng của lúa mạ hoa màu, nhân quần xã hội sẽ đào thải nó đi. Nếu chưa nhổ bỏ lúc này, thì người ta cũng để cho nó chết khô một ngày nào đó.

Còn một bộ Kim Cang Bát Nhã Ba La Mật mà xưa nay khó có thể đếm hết phương danh những người dịch, giải, diễn đạt lý kinh. Nhưng phong phú thay! Ý tưởng không ai giống ai cả. Có giống nhau chẳng là giống ở những chỗ ngôn từ “vô thường vô phạt” “rẻ rẻ” ấy!

Đó là do sự tìm hiểu, tư duy **THÂM NGHĨA** theo Tri kiến Phật ở mỗi con người.

Những tiểu đề phân đoạn mục ở kinh văn cũng do bĩ nhân tôi tự đặt. Công dụng của nó gần như đại ý của mỗi đoạn kinh văn ấy.

Tôi đề nghị các bạn đọc: Đọc Bát Nhã Ba La Mật Kinh Trục Chỉ Đề Cương, tiếp theo là tư duy phân tích, rồi so sánh nghĩa lý của bộ Kim Cang Bát Nhã Ba La Mật và Bát Nhã Ba La Mật Đa Tâm Kinh, làm như thế rất có lợi cho phần tri kiến. Vận dụng cơ sở tư duy đó, đọc nhiều kinh Bát Nhã khác càng được lợi lớn hơn.

Vì là một giáo án, đề cương không thể đáp ứng yêu cầu đa diện cho các hàng thức giả muốn tìm hiểu Phật học uyên thâm. Nếu đòi hỏi triết lý sâu xa, chứng minh đa diện, tài liệu này không thể thỏa mãn yêu cầu to lớn như vậy.

Nếu có sự bất như ý trong đây, xin chư thiện hữu tri thức niệm tình tha thứ

Viết tại Huỳnh Mai Tịnh Thất

28-2-1985

Thích Từ Thông

Cẩn Chí

---o0o---

I. BỐI CẢNH THỜI PHÁP BÁT NHÃ BA LA MẬT ĐA

Ông A-Nan trần thuật:

Một hôm nọ, Đức Phật ở trong vườn Kỳ Thọ Cấp Cô Độc, tại nước Xá Vệ cùng với số chúng đại Tỳ kheo 1250 người câu hội. Lúc gần đến giờ ăn, Đức Thế Tôn mang bát vào đại thành thứ lớp khát thực. Khi trở về tịnh xá, dùng cơm xong, cất bát, thay y, sau đó Đức Phật rửa chân và trải tọa cụ mà ngồi.

TRỰC CHỈ

Bát Nhã Ba La Mật là thứ trí tuệ rất ráo. Sử dụng thứ trí tuệ này, người ta sẽ thấy nó vượt ngoài tập quán lễ nghi có tính cách hình thức rườm rà.

Cho nên đức Phật nói thời Pháp Bát Nhã Ba La Mật trong một bối cảnh thời gian không gian thật là giản dị.

Thành tựu Bát Nhã Ba La Mật, đời sống của một bậc Thế Tôn, giống y như mọi người không có gì cách ngăn, lập dị: Ăn cơm tối rồi, cất bát, đổi y, rửa chân rồi trải tọa cụ ra ngồi. Hành động đó, với nhãn quan của phàm phu ham danh hiếu vị, họ thấy Như Lai Thế Tôn chỉ là một người tầm thường. Nhưng với nhãn quan của người đạt đạo, thì đó là biểu hiện của Bát Nhã Ba La Mật, thể hiện qua nếp sống của một Như Lai.

Với tâm hồn đạt đạo, một thiền sư cũng đã thấy và nói:

*“...Nhậm vận trước y thường
Tùy duyên trừ cụu nghiệp”*

Chuyện tu hành như chuyện mặc áo thay xiêm. Sự đạt đạo giống như việc ăn cơm uống nước. Đang tắm biết mình đang tắm, uống trà biết mình uống trà, trải chiếu ngồi biết mình đang trải chiếu ngồi, nhìn ngắm một cảnh mai biết mình đang ngắm một cảnh mai... Muốn có Bát Nhã Ba La Mật, ta phải học làm cho được những cái tầm thường ấy. Thể hiện hành động tầm thường, có phải chăng Đức Thế Tôn nhằm dạy cho đệ tử mình sử dụng Bát Nhã Ba La Mật trong cuộc sống hằng ngày và qua hành động giản đơn thực tiễn trước mắt.

---o0o---

II. VẤN ĐỀ CƠ BẢN CỦA MỘT BỒ TÁT PHẢI LÀM

Ông Tu Bồ Đề thưa: Bạch Thế Tôn! Thật là hi hữu! Như Lai đã hộ niệm tốt cho các Bồ tát và phú chúc tốt cho các Bồ tát.

Bạch Thế Tôn! Nếu có thiện nam, thiện nữ phát tâm Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác thì phải an trụ tâm như thế nào? và hàng phục tâm như thế nào?

TRỰC CHỈ

Câu hỏi của ông Tu Bồ Đề là nhọn duyên phát khởi của thời pháp Bát Nhã Ba La Mật. Nó có tánh cách quan trọng: Nêu lên một tiền đề lớn, để từ đó Đức Phật dạy cho các đệ tử mình phương pháp sống, vận dụng Bát Nhã Ba La Mật vào cõi đời nhiều va chạm, nhiều phiền não khổ lụy có thể xảy ra.

Tu Bồ Đề là một đại đệ tử xuất sắc trong mười đệ tử xuất sắc của Phật. Cũng vì vậy mà ông có cái tên KHÔNG SANH, lại còn có cái tên THIỆN HIỆN và THIỆN KIẾT. Tương truyền: Rằng lúc cha mẹ sanh ông ra, có điềm lành và hiện tượng tốt.

Qua lời phát biểu, tỏ ra Tu Bồ Đề rất thâm hiểu Như Lai: có bồ tát tâm nào không phát xuất từ Như Lai tâm. Có bồ tát hạnh nào không thể hiện từ Như Lai hạnh. Như Lai tâm và Như Lai hạnh hàm dung châu biến cả thập giới thánh phàm, thì có Bồ tát nào không được Như Lai hộ niệm tốt cho!

Thiện tai! Thiện tai! Là lời ẩn chứng thể hiện sự bằng lòng của Như Lai. Vì đó là sự thật, là chân lý, hiểu như thế là hiểu được giáo lý liễu nghĩa của kinh, hiểu như thế mới là hiểu rõ về NHƯ LAI, hiểu rõ thế nào là một pháp thân Phật!

---o0o---

III. VẤN ĐỀ HÀNG PHỤC TÂM MÌNH

Người phát tâm Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác phải hàng phục tâm mình như thế nào?

Phật bảo ông Tu Bồ Đề: Phàm có mười loại chúng sanh như: thai sanh, noãn sanh, thấp sanh, hóa sanh, hữu sắc, vô sắc, hữu tướng, vô tướng, phi hữu tướng, phi vô tướng. Ta đều khiến cho diệt độ hết vào vô dư niết bàn. Diệt độ vô lượng vô số vô biên chúng sanh như thế mà đừng thấy có chúng sanh nào được diệt độ.

Tu Bồ Đề! Nếu Bồ tát thấy rằng: ta là người diệt độ chúng sanh, chúng sanh là người được ta diệt độ, thì Bồ tát còn có tướng chấp ngã, chấp Nhơn, chấp chúng sanh và chấp thọ mệnh, thì không phải Bồ tát thật.

TRỰC CHỈ

Tuyệt diệu thay! Hệ tư tưởng Bát Nhã Ba La Mật! Bát Nhã Ba La Mật là thứ trí tuệ cao vút tuyệt vời, nó đưa người đệ tử Phật đến đỉnh cao của trí tuệ, đào tạo cho người Phật tử một sức sống lạc quan tích cực, một tâm hồn vị tha vong kỷ. Với tâm hồn lạc quan, vị tha vong kỷ, người Phật tử sống trong thực tế giữa hiện tượng vạn pháp của cuộc đời, mà mỗi bước đi không rời chân như thật tướng.

Một tâm ta có khả năng xây dựng ra mười pháp giới, thì mười loại chúng sanh ấy sanh trưởng ở lòng ta. Nói rõ ra, chúng là những tư tưởng, những quan niệm phát xuất từ ý thức ở lòng ta, những khái niệm, tư tưởng vi tế đến thô động, từ trừu tượng đến cụ thể, luôn luôn chuyển biến trong tâm thức con người còn trong tam giới.

Thai sanh là những loại sanh do kết tinh từ phôi thai. Noãn sanh là những loài sanh trứng rồi phát triển hình thành từ trứng. Thấp sanh là những loại sanh từ nước, từ chỗ ẩm ướt sanh ra. Hóa sanh là những loại sanh ra do biến hóa, do thoát xác mà thành. Hữu sắc là những loại có hình hài sắc chất. Vô sắc là những loại tư tưởng không nương gá sắc chất hình hài. Phi hữu tướng là những loại tư tưởng vi tế, không còn tướng thô. Phi vô tướng là những khái niệm vi tế gần như bất hủ không còn niệm. Gọi mười loại sanh ấy là chúng sanh, vì “giả chúng duyên nhi sanh, cố viết chúng sanh”: Tất cả đều nương các duyên mà sanh khởi, nên gọi “chúng sanh”. Là Bồ tát cần diệt độ (diệt trừ, độ tận) tất cả, khiến cho chúng vào vô dư Niết bàn. Nói rõ hơn: Bồ tát cần xóa sạch hình bóng, tác động, cho đến khái niệm vi tế của chúng trong tư duy, trong ký ức của mình. Diệt độ xóa sạch hết mà nên quên đi mình là người diệt và chúng sanh là đối tượng bị diệt độ.

Vĩnh Gia Huyền Giác nói:

*“Ngũ uẩn phù hư không khứ lai
Tam độc thủy bào hư xuất một”*

Vạn vật không ngoài năm uẩn, nhưng xét cho tột, ngũ uẩn chỉ là sự hợp tan. Vô minh không ngoài tam độc, nhưng tư duy cho cùng, tam độc tự tán như bọt nước đầu ghềnh. Năng độ và sở độ chỉ có thể dùng khi còn:

“...Mộng lý minh minh hữu lục thú”: Con người còn mê muội trong sáu nẻo luân hồi.

Và nó không còn tác dụng lúc:

“Giác hậu không không vô đại thiên”: Đến lúc giác ngộ rồi thì cõi tam thiên đại thiên trở thành “Nhất chân pháp giới”, “cảnh giới bất nhị”.

Bởi vậy Bồ tát hàng phục tâm mình bằng cách xóa hết năng độ, sở độ ở lòng mình. Bồ tát thấy rõ là:

*“Vô minh thật tánh tức Phật tánh”
“Ảo hóa không thân tức pháp thân”*.

---o0o---

IV. PHÁT TÂM VÔ THƯỢNG CHÁNH ĐẲNG CHÁNH GIÁC, PHẢI TRỤ TÂM MÌNH NHƯ THỂ NÀO?

Đáp câu hỏi: **Vân hà ung trụ kỳ tâm**

Phật dạy: Đúng như pháp tánh, Bồ tát làm việc bố thí mà không nên trụ chấp việc bố thí của mình làm. Đối với sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp Bồ tát nên bố thí hết. Bố thí mà không chấp nơi hành động bố thí, bố thí như vậy phước đức nhiều vô lượng vô biên. Hư không ở tám hướng, mười phương nhiều không thể dùng trí óc suy lường. Bồ tát bố thí mà không trụ, không chấp tướng, thì phước đức nhiều như hư không vô lượng vô biên của mười phương kia vậy.

Tu Bồ Đề! Bồ tát nên trụ tâm như lời dạy của Như Lai!

TRỰC CHỈ

Pháp tánh và Phật tánh chỉ là tên gọi khác của bản thể CHÂN NHƯ. Nhận thức trên mặt ĐỒNG, ta thấy Phật tánh và Pháp tánh là một. Nhận thức qua mặt DỊ, ta thấy Phật tánh và Pháp tánh không phải một.

*“Phật tánh tại hữu tình
Pháp tánh tại vô tình
Phật tánh bản lai vô nhị tánh
Nhất hóa năng tiêu bách vạn sai”*

Pháp tánh tự nó thanh tịnh. Pháp tánh tự nó không xan tham, không có thủ xả, không có cái của ta của mi. Cái tự tánh thanh tịnh sẵn có của hữu tình chúng sanh gọi là Phật tánh. Cái tự tánh thanh tịnh sẵn có của vô tình chúng sanh gọi là Pháp tánh. Phật tánh và Pháp tánh không hai, ví như cùng một thứ lửa tùy đốt vào củi mà tên lửa và độ nóng có khác. Sự thật, Pháp tánh là tự tánh “như thị bản nhiên” của hiện tượng vạn pháp. Nó không là sắc, là thanh, là hương, là vị, là xúc, là pháp... Cho nên sống đúng với Pháp tánh, thì gọi là bố thí, kỳ thật Bồ tát chẳng có bố thí gì.

Sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp là vật chất tồn tại khách quan, là hiện tượng vạn vật tồn tại của vũ trụ. Tham lam mù quáng, chấp mắc si mê, bảo thủ, ù lì, đăm mê rò dại, thương cảm yếu hèn, luyến ái đần độn, nghĩ ngợi viễn vông là những thứ làm cho con người sống trái với Pháp tánh thanh tịnh “như thị bản nhiên” của vạn hữu an bài.

Bồ tát sống với ý thức an nhiên, theo quy luật vận hành biến dịch:

*...Chư pháp từng bản lai
Thường tự tịch diệt tướng
Xuân đảo bách hoa khai*

Hoàng oanh đề liễu thượng...

Trạng thái bố thí của Bồ tát là thí tất cả mà chẳng thấy có thí gì. Tu như thế, gọi là **XỨNG TÁNH KHỞI TU**. Sống như thế, gọi là **TÙY THUẬN PHÁP TÁNH**. Cho nên, gọi là làm việc bố thí, nhưng Bồ tát không **TRỤ TUỞNG**, không chấp đó là **CÔNG ĐỨC**, đó là hành động bố thí do mình làm. Bởi vì sự tu hành đó chỉ là sống cho phù hợp với pháp tánh vốn vậy của chính mình. Sống đúng pháp tánh, tùy thuận pháp tánh là có phước đức, mà không cần **TRỤ CHẤP CÔNG LAO** để mong chờ, để đòi hỏi phước đức ở nơi ai khác ưu ái ban cho. “**Ứng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm**”

Là Bồ tát đối với hạnh bố thí phải cảnh giác với tự tâm: “**UNG VÔ SỞ TRỤ**” đừng chấp việc bố thí của mình. Bố thí như thế, phước đức nhiều như hư không trong mười phương, phước đức vô lượng vô biên vậy.

---o0o---

V. THẾ NÀO LÀ ĐỨC TIN CÓ GIÁ TRỊ?

Ông Tu Bồ Đề thưa: Bạch Thế Tôn! Có thể có chúng sanh nghe những lời lẽ, ý thú về vấn đề hàng phục tâm và trụ tâm như thế, sanh lòng tin thật chẳng?

Phật bảo: Tu Bồ Đề! Ông đừng lo nghĩ như vậy, sau Như Lai diệt độ, 500 năm về sau vẫn có người tu hành và sanh lòng tin thật đối với vấn đề hàng phục và trụ tâm như thế.

Tu Bồ Đề! những người sanh lòng tin thật là những người từng vun trồng căn lành không những ở một, hai, ba, bốn, năm Đức Phật. Họ đã trồng căn lành với vô lượng ngàn muôn Đức Phật rồi.

Nếu có người nghe ý thú kinh này, sanh lòng tin trong sạch thì Như Lai đều biết đều thấy những chúng sanh đó phước đức vô lượng vô biên, như hư không của mười phương. Vì những chúng sanh đó, không có tướng ngã, tướng nhơn, tướng chúng sanh và tướng thọ mệnh. Họ cũng không còn tướng chấp chánh pháp hay là phi pháp. Vì sao? Vì nếu họ còn chấp bốn tướng thì đã không tin nổi lời của Như Lai nói. Vì vậy, Bồ tát không nên chấp: Ngã, nhơn, chúng sanh và thọ mệnh, cũng không nên chấp chánh pháp hay phi chánh pháp.

Do nghĩa đó, Như Lai thường nói: Các tỳ khưu, phải biết pháp của Như Lai nói ví như thuyền bè. Chánh pháp còn phải bỏ, huống hồ phi pháp!

TRỰC CHỈ

TIN là cửa ngõ vào đạo. Người không có đức tin coi như tự mình đóng bít cửa ngõ vào đạo của mình. Nhưng có đức tin quá nhẹ dạ, tin điên đảo quàng xiên, tin cậu cốt, cô đồng thì không phải là những đức tin cần có cho người Phật tử muốn đi trên đường giải thoát giác ngộ. Trái lại, đạo Phật xem những đức tin quàng xiên, nhằm nhí, như một thứ bùn đen, khi chiếc áo trắng bị nhuộm rồi, thì khó mà nhuộm những màu sắc thắm tươi, xinh đẹp. Người đệ tử Phật phải hết sức thận trọng đức tin.

Về đức tin, trong nền giáo lý Phật được phân tích chọn lọc kỹ càng. Đại để chia thành sáu thứ:

1. Tín tự: Phải tin mình là Phật và tin khả năng thành Phật của mình.
2. Tín tha: Tin lời Phật dạy là thật. Hành đúng lời Phật dạy sẽ có giải thoát, giác ngộ thật.
3. Tín nhân: Rằng muốn ăn quả, tất phải trồng cây. Không trồng cây, chỉ cầu nguyện van xin để được có quả ăn là điều không thể có.
4. Tín quả: Quả ngọt được ăn hiện nay là do ta đã trồng cây ở những năm tháng trước. Không bao giờ có quả mà chẳng phát xuất từ hạt nhân.
5. Tín sự: Làm tất cả việc thiện, không phải Phật, diệt trừ vô minh phiền não nội tâm, cũng không phải Phật. Nhưng do làm những việc đó mà Phật tánh sẵn có của ta mới được hiện ra.
6. Tín lý: Si mê thì ta là chúng sanh, sống triền miên đau khổ ở cõi Ta Bà. Giác ngộ thì ta là Bồ tát, Phật, Bồ Đề, Niết Bàn, Cực lạc thế giới, ở tại chỗ mà ta đang ở.

Giáo lý kinh Bát Nhã Ba La Mật nghe mà sanh lòng tin trong sạch là người chánh tín. Sự chánh tín đó được nhân lên gấp nhiều lần. Vì người có được chánh tín là người đã dứt trừ được bốn tướng chấp....Người đó cũng dứt hết tướng chấp về **CHÁNH PHÁP** và **PHI PHÁP** nữa. Họ đã có Bát Nhã Ba La Mật và sống với Bát Nhã Ba La Mật rồi vậy. Người đó đã trồng căn lành với vô lượng nghìn muôn Đức Phật rồi. Do vậy, phước đức của họ nhiều vô lượng vô biên.

Là Phật tử chân chính, phải hết sức thận trọng đức tin. Phải tránh xa những gì **MÊ TÍN**, có tánh cách huyễn hoặc hoang đường. Giá trị của một

lòng tin **CHƠN CHÁNH** phải được phát xuất từ Bát Nhã Ba La Mật, một thứ trí tuệ đến nơi đến chốn. Thứ trí tuệ tột chót đỉnh cao!

---o0o---

VI. VẤN ĐỀ THÀNH PHẬT VÀ THUYẾT PHÁP CỦA MỘT NHƯ LAI

Phật bảo ông Tu Bồ Đề: Ý ông nghĩ sao? Như Lai có chứng quả Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác chăng? Như Lai có thuyết pháp chăng?

Ông Tu Bồ Đề thưa: Bạch Thế Tôn! Như con hiểu ý nghĩa của Phật nói, không có pháp cố định nào gọi là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác và Như Lai cũng chẳng nói pháp nào cố định. Vì vậy pháp Như Lai nói ra không nên khư khư chấp thủ, cũng không nên phê phán hời hợt: Rằng pháp này đúng, pháp nọ không đúng. Vì sao? Vì Như Lai chỉ thuyết một thứ giáo pháp mà người thì nghe chứng được quả thánh, lại cũng có kẻ chỉ chứng đến bậc hiền.

TRỰC CHỈ

Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác là quả vị Phật, quả vị của một Như Lai. Thế mà ở đây, Phật lại hỏi ông Tu Bồ Đề: “Như Lai có chứng quả Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác không?”. Đây là câu hỏi kỳ lạ bất bình thường. Đặt vấn đề đúng, giải thích đúng câu hỏi đó, thì nên mừng rằng mình đã nếm được hương vị Bát Nhã Ba La Mật, đã phá vỡ cái vỏ tri thức, vượt ra cái khung lồng kiến giải tầm thường về Như Lai, Phật. Thật ra, vấn đề không phải phức tạp khó khăn nhiều, chỉ cần sự nhận thức tư duy trong sáng, dám lột bỏ chiếc áo thần tượng thiêng liêng do cảm tình thấp kém, người ta đã khoát lên cho Đức Phật, cho các bậc Như Lai, thì ta sẽ thấy rõ vấn đề.

GIÁC đối với **MÊ**, nếu không có **MÊ** thì cũng không có **GIÁC**. **PHẬT** là đối với **CHÚNG SANH**, nếu không có **CHÚNG SANH** thì không có **PHẬT**. **VÔ THƯỢNG** là đối với **HỮU THƯỢNG**, nếu không có **HỮU THƯỢNG** thì **VÔ THƯỢNG** bất thành.

Phật thì sống theo giác tánh, sống đúng giác tánh, sống hợp giác tánh. Bất cứ ai sống theo giác tánh, đúng giác tánh, hợp giác tánh gọi là người giác ngộ, người tỉnh thức, là **Phật**. Trình độ giác ngộ của Phật, là trình độ giác ngộ tuyệt đỉnh cao của trí tuệ, không còn mức độ nào trên, cho nên gọi

là **VÔ THƯỢNG CHÁNH ĐẲNG CHÁNH GIÁC**: Bậc Chánh Giác **VÔ THƯỢNG**, trong những người chánh giác. Thế thôi!

MÊ là chúng sanh. Tuy nhiên, chúng sanh cũng có giác tánh như Phật. Song, chúng sanh sống trái giác tánh, sống ngược và sống sai giác tánh, nên gọi người mê. Mê là người có nhiều **tham, sân, si, mạn, nghi, thân kiến, biên kiến, tà kiến, kiến thủ, giới cấm thủ, phân, hận, phú, não, tật, xan, cuồng, xiêm, hại, kiêu, vô tâm, vô quý, điều cũ, hôn trầm, bất tín, giải đãi, phóng dật, thất niệm, tán loạn, bất chánh tri**. Chúng sanh là thế đấy!

Qua nhận thức đó, ta thấy Như Lai chẳng có **CHỨNG ĐẮC** gì.

Phật là người. Chúng sanh cũng là người. Phật có giác tánh, chúng sanh cũng có giác tánh. Chỉ khác nhau ở chỗ:

Phật thì sống theo, sống hợp, sống đúng giác tánh. Còn chúng sanh thì sống trái, sống sai, sống ngược giác tánh, mà thôi.

Bởi lẽ đó, trên bước đường tu tập, người đệ tử Phật chơn chính, không nên có ý mong cầu **CHỨNG ĐẮC**. Bởi vì quả Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác không phải cái ở ngoài ta. Lại cũng không phải do ai cho mới có. Cầu **CHỨNG ĐẮC PHẬT QUẢ** bên ngoài, vô tình ta xua đuổi mất ông Phật thật, ông Phật thường trú của chính ta!

Pháp Phật là bất định pháp. Khư khư chấp cố định một pháp nào là không hiểu Phật, là kẻ vu oan giá họa Phật.

Pháp tà bỏ đi đã đành, pháp chánh cũng không được khư khư bảo thủ. Mà có lúc cần phải bỏ nốt nó đi. Một thầy thuốc đại tài không bao giờ tuyên bố một “điều dược thần phương” nào cố định. Phật là “vô thượng y vương” luôn luôn gia giảm phương thang pháp dược, tùy đối tượng, tùy tâm bệnh của mỗi người mà cắt thuốc. Ta hãy học tập cái nhìn Phật pháp qua nhận thức của các bậc tiền bối như sau:

“Lãm ngũ thời bát giáo, kỹ cương kinh luật luận, chân tam muội hai”. **“Chiếu thất đại tứ khoa, khai hợp văn tự tu đệ nhất nghĩa thiên”**.

Phải hiểu Phật pháp bằng tri kiến bao quát suốt thông, ta mới sử dụng pháp dược đúng yêu cầu của chúng sanh tâm bệnh.

Sở dĩ Phật phủ nhận sự thuyết pháp của mình, nhằm ngăn ngừa những tư tưởng chấp mắc, bảo thủ ở pháp Như Lai nói. Cùng hấp thụ nước của một trận mưa mà cỏ cây lùm rừng sanh trưởng khác nhau. Phật nói một thứ VÔ VI PHÁP, nghe ra có kẻ chứng THÁNH, còn người chỉ chứng đến bậc HIỀN. Đó không phải: PHẬT PHÁP BẤT ĐỊNH PHÁP là gì! “Thuyết pháp giả vô pháp khả thuyết”. Gọi là thuyết pháp mà Như Lai chẳng nói pháp gì, Phật sẽ dạy rõ ở một chương sau.

---o0o---

VII. ĐỆ TỬ PHẬT PHẢI LÀM GÌ ĐỂ CÓ ĐƯỢC PHƯỚC ĐỨC NHIỀU?

Phật bảo: Này Tu Bồ Đề! Giả như có người đem thất bảo đầy tam thiên đại thiên thế giới, để làm việc bố thí, vậy phước đức của người đó có nhiều chăng?

- Bạch Thế Tôn: rất nhiều. Ông Tu Bồ Đề thưa, nhưng phải hiểu đúng lời Như Lai dạy: Không nên chấp phước đức có tự tánh. Nếu không chấp phước đức có tự tánh, Như Lai nói phước đức nhiều.

Phật bảo: Đối với kinh này, có người thọ trì, nếu không được nhiều thì chừng bốn câu kệ, rồi giảng nói cho người khác nghe, phước đức của người này nhiều hơn người làm việc bố thí trước.

Tu Bồ Đề! Tất cả chư Phật và pháp Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác của chư Phật đều từ kinh này ra.

Này! Tu Bồ Đề! Gọi là Phật pháp mà không phải Phật pháp!

TRỰC CHỈ

Người đời thường gọi phước đức, nhưng nào ai thấy được phước đức là gì. Phước đức là một danh ngôn trừu tượng. Người ta chỉ có thể khái niệm về phước đức qua cuộc sống hàng ngày. Đại để: Sự bình an, vui tươi, khỏe mạnh, sự êm đẹp, may mắn của đời sống con người. Nếu có người hỏi: Phước đức là gì? Người ta sẽ lúng túng và thấy phước đức không là gì cả. Nó không có kích thước, dung lượng, không thể tích trọng lượng, không

màu sắc: xanh, vàng, đỏ, trắng...Tóm lại, phước đức không có tự thể. Thế nên, người trí làm việc phước đức mà không chấp phước đức, Như Lai nói là phước đức nhiều.

Trong vô lượng pháp môn tu, ta tìm xét: Phước đức không phải bất sát, bất đạo, bất dâm, bất vọng ngôn, ý ngữ, lưỡng thiện, ác khẩu, bất tham, bất sân, bất vô minh. Phước đức cũng không phải bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định và trí tuệ. Đó là ý nghĩa phước đức **bất tức** (không là). Nhưng người đệ tử Phật, cũng nên nhớ rõ rằng: Ngoài những việc tu sửa thân tâm nói trên, không có điều kiện làm nên phước đức. Đó là nghĩa phước đức **bất ly** (là). Vậy phước đức nhiều, có nghĩa là người Phật tử phải sống phù hợp với tự tâm thanh tịnh, sống đúng thật tướng Bát Nhã của mình. Như Lai nói đó là người được phước đức nhiều.

Bồ thí thất bảo...phước đức đã nhiều. Thọ trì đọc tụng giảng nói kinh Bát Nhã Ba La Mật, phước đức lại nhiều hơn. Vì sao? Vì người tu học, truyền bá kinh Bát Nhã Ba La Mật là mầm tược cây trí tuệ đã sanh sôi, phát triển mạnh. Họ gần đạt đến mục tiêu hái được hoa trái **GIÁC NGỘ GIẢI THOÁT** hoàn toàn mỹ mãn rồi vậy!

Không có Bát Nhã Ba La Mật là mê mờ, gọi là chúng phàm phu. Có Bát Nhã Ba La Mật, không bao lâu đạt đến Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Do nghĩa đó, Bát Nhã Ba La Mật là kinh sản sanh ra chư Phật và pháp của chư Phật.

Nói rằng Phật pháp, người trí không cho là cái gì xa lạ và kinh khiếp gớm ghê. Phật vốn là một con người như tất cả con người. Pháp của Phật, cũng chẳng phải cái gì huyền bí xa xăm. Pháp chẳng phải là một thứ sở hữu riêng của một đức Phật. Pháp Phật nói ra đều nhằm chỉ bày sự thật của hiện tượng vạn hữu. Hiện tượng vạn hữu (pháp) là của chung, mọi người đều có quyền biết, có quyền sống đúng theo quy luật của sự thật hiện hữu, của vạn pháp, và mọi người đều có quyền thừa hưởng một đời sống an lành, hạnh phúc trong sự nghiệp giải thoát giác ngộ của chính mình.

Thế nên nói rằng: Phật Pháp, kỳ thật chẳng phải **PHÁP RIÊNG CỦA PHẬT**.

VIII. VẤN ĐỀ CHỨNG ĐẮC TRONG ĐẠO PHẬT, NGƯỜI PHẬT TỬ PHẢI HIỂU NHƯ THẾ NÀO?

Phật bảo: Tu Bồ Đề! Ông hiểu thế nào? Những người chứng đắc tứ quả Thanh văn, có thể nghĩ rằng chính mình đã chứng được tứ quả Thanh văn chăng?

Ông Tu Bồ Đề thưa: Không thể, theo con hiểu

- Tu Đà Hoàn là được quả nhập lưu, nhưng thực ra không nhập vào đâu cả. Tại vì không nhập, không dính mắc với sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp gọi là Tu Đà Hoàn.

- Tu Đà Hàm là được quả nhất lai, nhưng thật ra chẳng thấy có vắng lai, nên gọi là Tu Đà Hàm.

- A Na Hàm là người được quả bất lai, mà không thấy có tướng bất lai, nên gọi là A Na Hàm.

Bạch Thế Tôn! Gọi là A La Hón, kỳ thực chẳng có cái chi là A La Hón cả. Bạch Thế Tôn! Nếu có vị A La Hón nghĩ rằng: Tôi được quả A La Hón thì mắc vào bốn tướng chấp: Ngã, nhơn, chúng sanh và thọ mệnh, thế thì không còn được gọi là A La Hón nữa.

Bạch Thế Tôn! Phật đã khen: Rằng Tu Bồ Đề được vô tránh tam muội, là người bậc nhất, là A La Hón ly dục đứng đầu.

Bạch Thế Tôn! Nếu con có ý nghĩ: Rằng con được quả A La Hón thì Thế Tôn đã hẳn chẳng khen: Tu Bồ Đề là con người ưa hạnh tịch tịnh. Do vì con không móng niệm chấp mắc, Thế Tôn mới khen: Tu Bồ Đề là con người ưa hạnh tịch tịnh.

TRỰC CHỈ

Vấn đề chứng đắc là phương tiện giả lập danh ngôn. Hành giả chân chính không bao giờ để tâm ước mong chứng đắc. Ước mong chứng đắc và xem sự chứng đắc như một chức tước, phẩm trật thụ phong là một sự sai lầm trầm trọng đáng thương. Người đó vĩnh viễn ở ngoài lẽ Phật pháp. Phải hiểu rằng: Tất cả quả vị từ thấp tới cao là do sự giác ngộ chân lý, giải thoát vô minh phiền não trọn vẹn hay chưa của hành giả mà ước định. Không một

đáng tha nhân, một thế lực siêu nhiên nào có quyền ân sủng ban cho hay thương tình phong tặng. Sự giải thoát giác ngộ đến mức độ nào, tùy thuộc sự nhận thức của hành giả đối với: Vô minh, hoặc lậu và công dụng hóa giải, đấu tranh, giữa hai lực lượng **GIÁC** và **MÊ** của thâm tâm mình trong cuộc sống hằng ngày. Theo Phật học: Mâu thuẫn cơ bản và cũng là mâu thuẫn đối kháng giữa triền phược và giải thoát, giữa giác ngộ và mê mờ của hành giả, được thể hiện qua ba từng hoặc lậu. Đó là những đối tượng cần được hóa giải và đấu tranh của một hành giả phát tâm đi con đường Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

Những hoặc lậu đó là:

1.HOẶC KIẾN, TU: Hoặc này ràng buộc chúng hữu tình trôi lăn trong tam giới, lên xuống ở sáu đường (hoặc giới nội). Gọi là hoặc KIẾN TU cho nên có:

A.Kiến hoặc: Kiến hoặc là sự sai lầm về nhận thức, hoặc này gồm có:

1. Thân kiến, 2. Biên kiến, 3. Tà kiến, 4. Kiến thủ kiến, 5. Giới cấm thủ kiến

B.Tu hoặc: Đây là sự sai lầm cả nhận thức lẫn hành động, gồm có:

1. Tham, 2. Sân, 3. Si, 4. Mạn, 5. Nghi, 6. Ác kiến

2.HOẶC TRẦN SA: Hoặc trần sa che chướng chân lý, làm cho năng lực giác ngộ bị kềm hãm, sự giáo hóa chúng sanh bị hạn chế tiêu cực. Những người đã được ra ngoài ba cõi, vẫn còn bị tác động bởi hoặc này. Còn hoặc trần sa, chưa hóa giải hết, địa vị chỉ đến được A La Hón quả và Bích chi Phật của nhị thừa. Khác với hoặc kiến tu, hoặc trần sa không biểu hiện một trạng thái một cụ thể nhất định nào ở chủ quan nội tại. Nó là hậu quả của sự nhận thức chân lý chưa hoàn thiện. Vì nó cũng chỉ là thứ hoặc lậu vốn dĩ hư huyền của tha nhân. Nói một cách dễ hiểu: Đối với chân lý, người nhị thừa chỉ nhận thức ước độ 60 phần trăm. Do trần sa hoặc che chướng 40 phần trăm chân lý còn lại.

3.HOẶC VÔ MINH: So với hoặc trần sa của người nhị thừa, hoặc vô minh che chướng một phần vi tế đối với chân lý. Hoặc vô minh làm hạn chế một phần nhỏ sự giác ngộ chân lý của Bồ tát. Nó chỉ có thể làm cho Bồ tát còn

một chút ngần ngại bước tiến của mình trên đường đến đích: Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

Tóm lại, vấn đề chứng đắc quả vị chỉ là sự ước định cái năng lực hóa giải đấu tranh, diệt trừ hoặc chướng trên đường tu tập từ phàm phu đến Phật quả. Nó chỉ được xem như những trụ số, lưu luyện trụ số, không thể tiến đến xa hơn. Hành giả Phật tử chấp mê tham luyện quả vị là phạm phải sai lầm nghiêm trọng, bước tiến sẽ bị chặn đứng trên đường giác ngộ giải thoát. Vương mắc vào quả vị cũng là vương mắc bốn tướng: ngã, nhơn, chúng sanh, thọ mệnh. Vương mắc vào chứng đắc, cũng tức là vương mắc bốn chứng bịnh trầm kha: ngã, nhơn, chúng sanh, thọ mệnh. Đã vương mắc rồi, tinh tấn bao nhiêu, có khổ công khổ hạnh thế nào, cũng chỉ là người mò trắng đáy nước, nấu cát mong được thành cơm! Không có ngày hiện thực. Vấn đề chứng đắc, người đệ tử Phật nên thận trọng, lưu tâm!

---o0o---

IX. LÀM THẾ NÀO ĐỂ TRANG NGHIÊM CHO MÌNH MỘT CÔI PHẬT

Phật bảo ông Tu Bồ Đề: Ông hiểu thế nào? Trong thời Phật Nhiên Đăng xa xưa, đối với Phật pháp lúc bấy giờ, Như Lai có chứng đắc gì không?

_ Bạch Thế Tôn: Không, ở thời Phật Nhiên Đăng, Như Lai không đắc một pháp gì.

Tu Bồ Đề! Ông hiểu thế nào? Bồ tát có thể trang nghiêm cho mình một côi Phật không?

_ Bạch Thế Tôn: Không, vì sao? Vì gọi rằng trang nghiêm côi Phật, nhưng thực ra không có trang nghiêm mà gọi trang nghiêm vậy thôi.

Đúng vậy, Tu Bồ Đề! Các Đại Bồ tát nên sanh tâm trong sạch như thế. Không nên sanh tâm trụ chấp nơi sắc, không nên sanh tâm trụ chấp nơi thanh, nơi hương, vị, xúc, pháp, nên sanh tâm vô sở trụ.

Tu Bồ Đề! Ví như có người thân lớn như núi chúa tu di, ông nghĩ thế nào? Thân người đó có lớn không?

_ Bạch Thế Tôn: Rất lớn. Vì sao? Vì theo lời Phật: Sự to lớn đó, phải được hiểu là tương đối lớn và đừng chấp lớn thì được gọi là rất lớn.

TRỰC CHỈ

Nếu hiểu được phẩm NHƯ LẠI THỌ LƯỢNG ở kinh Pháp Hoa, ta sẽ thấy rõ thêm nghĩa NHƯ LẠI ở kinh Bát Nhã này: Như Lai giả, vô sở tùng lai, diệc vô sở khứ. Như Lai là cái bản thể chân như, bất tăng bất giảm, bất diệt bất sanh. Đến không chỗ từ, đi không chỗ tới: Như Lai vô thị vô chung. Hiểu như vậy rồi, thì Như Lai hiện tại hay Như Lai ở thời Phật Nhiên Đăng xa xưa, cũng chẳng có gì gọi là CHÚNG ĐẮC, hưởng hồ địa vị một Như Lai! Mê thì vô minh phiền não tác động hoành hành gọi là phạm phu chúng sanh. Giác thì vô minh phiền não tự tan biến hết. Có giải thoát, giác ngộ thì gọi là Như Lai, Phật. Thế nên, biết rằng, xưa kia cũng như hiện nay, Như Lai nào có CHÚNG ĐẮC Phật pháp gì đâu!

Vấn đề, trang nghiêm cõi Phật, cần có chất liệu gì?

Bồ tát trang nghiêm một cõi Phật tôn nghiêm, để khi thành Phật, mình có một cõi nước bằng thất bảo đẹp đẽ huy hoàng như cõi nước chư Phật mười phương, được kinh điển mô tả. Muốn trang nghiêm cõi Phật, là nguyện vọng chánh đáng, Phật không cấm đoán quở rầy. Vấn đề là ở chỗ: phải biết lấy chất liệu gì để trang nghiêm xây dựng. Dem vàng ròng cúng chùa, xây cất trai đường, tặng xá, để ngày thành Phật mình có cõi nước Phật bằng vàng ròng ư? - Không được.

Dem bạc lát nền chùa, dem vàng đúc tượng Phật, tạo khánh ngọc, chuông vàng, để sau này thành Phật, có được cõi Phật bằng vàng bạc kim cương châu báu ư? - Không phải

Dem tất cả của cải quý giá cúng chùa, khắc tên họ vào bia đồng, bảng đá trước điện Phật, nhờ chư tăng chú nguyện hồi hướng công đức cho, để sau này thành Phật, mình sẽ có cõi nước toàn những thứ quý giá lộng lẫy ấy ư? - Mê tín lắm!

Nếu có những ý nghĩ trên, thật rất ngây thơ. Dem cái nhân vật chất hữu vi, trang nghiêm xây dựng để mong cầu cái quả giải thoát giác ngộ vô vi, vĩnh viễn trong tương lai không có ngày hiện thực.

Theo giáo lý Bát Nhã Ba La Mật, mọi người có khả năng trang nghiêm cho mình một cõi Phật mà không cần khởi tâm dụng ý trang nghiêm. Tùy

khả năng hoàn cảnh thích hợp với mình, hành giả có thể thực hành từng phần hay toàn phần những pháp môn sau đây:

1.
QUÁN
TỨ
NIỆM
XỨ

1. Quán thân bất thọ
2. Quán thọ thị khổ
3. Quán tâm vô thường
4. Quán pháp vô ngã

2.
TU
TỨ
CHÁNH
CĂN

1. Việc thiện chưa sanh siêng năng kích khởi
2. Việc thiện đã sanh siêng năng phát triển
3. Việc ác chưa sanh siêng năng ngăn chặn
4. Việc ác đã sanh cương quyết dứt trừ

3.
ĐỀ
KHỞI
TỨ
NHƯ Ý
TÚC

1. Dục
2. Tinh Tấn
3. Hỷ
4. Nhất tâm

4.
KÍCH
KHỞI
NGŨ
CĂN

1. Tín
2. Tấn
3. Niệm
4. Định
5. Tuệ

5.
PHÁT
TRIỂN
NGŨ
LỰC

1. Tín
2. Tấn
3. Niệm
4. Định
5. Tuệ

6.	1. Trạch pháp
TU	2. Tinh tấn
DUY	3. Hỷ
THẤT	4. Khinh an
BỒ	5. Niệm
ĐỀ	6. Định
PHẦN	7. Xả

7.	1. Chánh kiến
THỰC	2. Chánh tư duy
HÀNH	3. Chánh ngữ
BÁT	4. Chánh nghiệp
CHÁNH	5. Chánh mệnh
ĐẠO	6. Chánh tinh tấn
	7. Chánh niệm
	8. Chánh định

8.	1. Bồ thí
VẬN DỤNG	2. Ái ngữ
TỨ NHIỆP	3. Lợi hành
PHÁP	4. Đồng sự

9.	1. Bồ thí
THỂ NHẬP	2. Trì giới
LỤC ĐỘ	3. Nhẫn nhục
TRONG	4. Tinh tấn
CUỘC SỐNG	5. Thiền định
HẰNG NGÀY	6. Trí tuệ

Thực hiện những điều trên hành giả sẽ có cõi Phật TRANG NGHIÊM mà không cần chất liệu: kim, ngân...thất bảo để trang nghiêm xây dựng. Đó là thâm nghĩa của câu: **TRANG NGHIÊM PHẬT ĐỘ GIẢ, TỨC PHI TRANG NGHIÊM, THỊ DANH TRANG NGHIÊM:** gọi là trang nghiêm cho mình một cõi Phật, kỳ thật chẳng có trang nghiêm gì!

Vấn đề nhiều ít lớn nhỏ cũng vậy. Hành giả Bát Nhã Ba La Mật luôn luôn trong tỉnh giác, cho nên khi nhận thức một sự vật, có phân biệt lớn nhỏ. Rất lớn hay rất nhỏ. Nhưng hành giả hiểu rằng: lớn là lớn đối với cái

nhỏ. Rất lớn là lớn đối với cái khá to. Cho nên dù là rất lớn, nhưng cái lớn đó phải hiểu cái lớn trong vòng tương đối, hiểu như vậy, Bồ tát sanh tâm **VÔ SỞ TRỤ**. Vì **TRỤ** thì tự khắc đã sai lầm. Sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp cũng thế. Chúng là đối tượng của lục căn, là pháp nhân duyên sanh khởi. Hãy nhìn sự vật hiện tượng bằng Bát Nhã Ba La Mật và luôn luôn thức tỉnh: **ỦNG VÔ SỞ TRỤ NHI SANH KỲ TÂM**

---o0o---

X. NGƯỜI ĐỆ TỬ PHẬT PHẢI LÀM GÌ ĐỂ CÓ ĐƯỢC PHƯỚC ĐỨC NHIỀU?

Đức Phật bảo: Tu Bồ Đề! Ông hãy tưởng tượng: Nếu số sông Hằng nhiều bằng số cát của sông Hằng thì số sông Hằng đã là nhiều vô số kể. Nói đến số cát của những sông Hằng kia quả là vô lượng vô biên, vượt ngoài con số tính toán suy lường.

Tu Bồ Đề! Như Lai nói thật cho ông biết: Nếu có thiện nam thiện nữ nào đem thất bảo chứa đầy cõi tam thiên đại thiên và nhiều bằng số cát của những sông Hằng kia dùng làm việc bố thí, người này được phước rất nhiều.

Nhưng này! Tu Bồ Đề! Nếu có thiện nam thiện nữ nào thọ trì đọc tụng kinh Bát Nhã Ba La Mật, rồi giảng nói cho người khác nghe, nếu không được nhiều thì chừng bài kệ bốn câu, phước đức của người này nhiều hơn người bố thí của cải trước.

TRỰC CHỈ

Nỗi thống khổ của con người có nhiều dạng khác nhau, nhưng chung quy có hai thứ: khổ thân và khổ tâm.

Giúp cho người bớt khổ thân thì giúp cho của cải vật chất. Giúp cho con người hết khổ tâm thì giúp cho sự hiểu biết chân lý, thông qua giáo pháp Phật. Giúp cho của cải vật chất đem lại sự an vui hiện tại trong cuộc sống gia đình. Giúp cho giáo pháp Phật hiểu biết chân lý sẽ đem lại an vui giải thoát giác ngộ cho hiện tại và tương lai. Theo giáo lý Phật, hành vi của cuộc sống hiện tại, ảnh hưởng sự vui khổ của con người trong hiện tại cả

tương lai. Vật chất tồn tại khách quan trong quá trình vận động sinh diệt, diệt sinh của nó. Con người là một dạng vật chất, ngũ uẩn hợp thành, con người cũng tồn tại, cũng theo quá trình sinh diệt, diệt sinh. Nhưng con người khác vạn vật ở chỗ con người có tạo tác hành vi. Hành vi tạo tác thiện ác của con người sẽ là một dẫn lực hấp dẫn con người đến hậu quả an vui hay sâu khổ.

Nghiệp nhân (hành vi) thiện ác, quả báo khổ vui hấp thụ nhau trong định luật “Đồng khí tương cầu” “Đồng thanh tương ứng”. Theo giáo lý Phật, vạn tượng vật chất và con người vật chất cùng có chung một bản tánh chơn như. Tánh chơn như tác động vào vạn tượng vật chất gọi là Pháp tánh. Tánh chơn như tác động vào con người vật chất gọi là Phật tánh. Tánh chơn như duy thức học còn gọi là tánh THẮNG NGHĨA là THỰC TÁNH DUY THỨC.

Duy thức luận nói:

“Thử chư Pháp thắng nghĩa.

Diệt tức thị chân như

Thường như kỳ tánh cố

Tức duy thức thực tánh.”

Giúp cho của cải vật chất dù nhiều vô lượng vô biên, nhưng sự giúp đỡ đó chỉ trừ được khổ thân cho con người trong giai đoạn. Với giáo lý Phật, nếu con người chỉ biết hưởng thụ dục lạc cho thỏa mãn hả hê trong hiện tại mà không gieo hạt giống lành, trồng nơn tốt là một thiếu sót lớn lao. Theo giáo lý Phật, chết không có nghĩa là đoạn diệt. Cũng như vật chất có hư hoại nhưng hư hoại không có nghĩa là vĩnh viễn tiêu ma.

Hướng dẫn cho nhiều người nghe học Bát Nhã Ba La Mật là gieo vào lòng người ta hạt giống Bồ đề, Niết bàn để có ngày đơm bông kết trái. Thế nên, phước đức của người làm việc bố thí của cải không thể sánh bằng.

---o0o---

XI. BÁT NHÃ BA LA MẬT ĐA LÀ MỘT THỨ KINH ƯU VIỆT

Phật bảo: Tu Bồ Đề! Nếu chỗ nào có người giảng nói kinh Bát Nhã Ba La Mật chỉ được chừng bốn câu kệ, trời, người, A Tu La đều nên cúng dường và xem chỗ đó như tháp miếu Phật.

Người thọ trì đọc tụng toàn kinh thì phước đức vô lượng vô biên, là người thành tựu pháp tối thượng hi hữu bậc nhất. Chỗ nào có kinh điển này là ở chỗ đó có Phật hoặc hàng đệ tử lớn của Phật ở đó.

TRỰC CHỈ

Phật là người giác ngộ chân lý hoàn toàn. Căn bản của sự giác ngộ chân lý là trí tuệ Ba La Mật. Kinh này dạy con người sử dụng trí tuệ để nhận thức chân lý. Mà trí tuệ ở đây là thứ trí tuệ Ba La Mật ấy. Sử dụng thứ trí tuệ này, quả Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác bước đến chẳng còn xa. Thế cho nên, giảng nói ý nghĩa chừng bốn câu kệ mà phước đức đã là nhiều, giảng nói hết ý nghĩa của toàn kinh thì công đức lại càng nhân lên gấp vạn bội.

Kinh là lời dạy của Phật. Kinh dạy con người phương pháp để trở thành Phật. Do đó, ở đâu có kinh như có Phật ở đó, hoặc đệ tử tôn túc của Phật ở đó. Chẳng những thế, người ta còn hiểu: Rằng “Bát Nhã Ba La Mật, còn là mẹ sanh ra chư Phật”. Vậy mà chẳng mắc tội hỗn xược với Phật tí nào!

---o0o---

XII. PHẢI HIỂU RÕ Ý PHẬT VÀ ĐÚNG NHƯ PHÁP MÀ THỌ TRÌ, PHƯỚC ĐỨC MỚI NHIỀU

Bạch Thế Tôn! Kinh này gọi tên là chi? Chúng con phải tụng trì như thế nào?

Phật bảo: Tu Bồ Đề! Kinh này tên là Bát Nhã Ba La Mật, ông nên theo danh tự đó mà phụng giáo hành trì.

Này! Tu Bồ Đề! Như Lai nói Bát Nhã Ba La Mật, không phải Bát Nhã Ba La Mật mà gọi là Bát Nhã Ba La Mật, đấy thôi!

Tu Bồ Đề! Ông hiểu như thế là đúng: Như Lai không có nói pháp.

Tu Bồ Đề! Vi trần và thế giới nhiều người cũng hiểu như ông, rằng: vi trần của tam thiên đại thiên thế giới là nhiều, còn tam thiên đại thiên thế giới là ít.

Tu Bồ Đề! Vi trần, Như Lai nói chẳng phải vi trần, gọi rằng vi trần. Thế giới Như Lai nói chẳng phải thế giới gọi là thế giới vậy thôi.

Tu Bồ Đề! Ông hiểu như thế là đúng:

Không thể nhìn sắc thân 32 tướng mà cho là được thấy Như Lai. Như Lai nói 32 tướng là phi tướng, gọi là 32 tướng vậy thôi.

Tu Bồ Đề! Giả sử có thiện nam thiện nữ đem thân mạng nhiều như cát sông Hằng để bố thí, nếu có người thọ trì đọc tụng kinh này chừng bốn câu kệ, giảng nói cho nhiều người nghe, thì phước đức của người này nhiều hơn người trước.

TRỰC CHỈ

Bát Nhã Ba La Mật là thứ trí tuệ có khả năng nhận thức vũ trụ vạn hữu. Vì là một công năng nhận thức cho nên trí tuệ không có kích thước: ngắn, dài, rộng, hẹp....Cũng không có màu sắc: đỏ, trắng, xanh, vàng...Lẽ ra nó cũng chẳng có danh xưng. Vũ trụ vạn hữu là pháp NHƯ THỊ nó tồn tại khách quan. Cái công năng nhận thức cũng là NHƯ THỊ mới nhận thức được thật tướng. Gạn hỏi chi ly, giải đáp tỉ mỉ, càng tỉ mỉ, chi ly càng rời xa thật tướng. Nhằm hướng dẫn cho đệ tử mình sử dụng thứ trí tuệ đó, bất đắc dĩ, Phật vận dụng hành xử ngôn từ: Bát Nhã Ba La Mật, để mà khai thị. Trong quá trình tu tập, người đệ tử Phật, sử dụng Bát Nhã Ba La Mật vào tri kiến mình, để ngấm nhìn vạn hữu, nhận thức thật tướng của vạn pháp. Sử dụng Bát Nhã Ba La Mật mà không chấp mắc Bát Nhã Ba La Mật, Phật tử hãy luôn luôn nhớ rõ!

PHẬT THUYẾT BÁT NHÃ BA LA MẬT, TỨC PHI BÁT NHÃ BA LA MẬT, THỊ DANH BÁT NHÃ BA LA MẬT.

Vì sao Như Lai phủ nhận sự thuyết pháp của mình trong suốt cuộc đời hóa độ chúng sanh?

Tìm hiểu nguyên nhân, ta thấy có hai lý do:

1. Pháp được gọi là pháp, Như Lai đã nói, nó không phải sở hữu riêng của Như Lai. Nó là sự sự vật vật tồn tại khách quan trong vũ trụ, là sở hữu chung của loài người. Phật là người giác ngộ chân lý, Phật đem cái vốn liếng quý báu đó, hướng dẫn cho con người, đưa con người vượt ra sự si mê lầm lạc về tư tưởng, vượt ra sự đói nghèo khổ cực, vì sự áp bức bất công của xã hội. Thuyết được những điều lợi lạc cho thế nhân, đều có thể gọi là thuyết pháp. Do đó, Như Lai phủ nhận sự thuyết pháp của mình, nhằm dạy

cho các đệ tử biết: pháp là chân lý, là sở hữu chung của nhân loại, chứ không phải độc quyền sở hữu của Như Lai.

2.Đã có lần Phật nói: Những pháp Phật đã nói, ít như chút đất dính ở móng tay, còn pháp Phật chưa nói đến, nhiều như đất của ba ngàn đại thiên thế giới.Nếu nói, Phật nói pháp, chấp chặt pháp Phật nói thì mắc tội đóng khung tri kiến Phật. Tri kiến Như Lai không chỉ gói gọn trong những ngôn từ văn tự ghi lại trong kinh điển mà người ta cho là pháp của Như Lai nói.

Vấn đề thế giới và vi trần: Nếu bảo rằng thế giới chỉ có một, thế giới ít, vi trần vô lượng vô số, vi trần nhiều. Nói như vậy không đúng. Thử hỏi: vi trần nhiều, vậy vi trần từ đâu mà có? Thế giới ít, thế giới kết hợp bởi những gì?

Chẳng qua, thấy vi trần nhiều, do ta nhìn ở mặt **DI**. Nhìn thế giới ít, do ta thấy phía mặt **ĐÔNG**. Vi trần nhiều do nhìn ở mặt **HOẠI** và **DIỆT** của thế giới. Thế giới ít do nhìn ở mặt **TỔNG** và **THÀNH**. Vi trần và thế giới không phải khác mà cũng không phải một. Đó là diệu lý: **bất tức bất ly, tương tức tương nhập** của vạn pháp. Tu học Bát Nhã Ba La Mật hãy như vậy mà nhận thức, như vậy mà tư duy, như vậy mà thọ trì. Và do như vậy mà Như Lai nói:

NHƯ LAI THUYẾT VI TRẦN, TỨC PHI VI TRẦN, THỊ DANH VI TRẦN, NHƯ LAI THUYẾT THẾ GIỚI TỨC PHI THẾ GIỚI, THỊ DANH THẾ GIỚI.

Rằng Như Lai có 32 tướng tốt, Như Lai nói đó là những tướng của tướng sư, theo sự thấy biết của họ mà đề ra. Phóng xử có tướng sư khác theo sự thấy biết của mình, ông ta viện ra thêm hai tướng nữa. Thế là một Như Lai có 34 tướng tốt! Một tướng sư khác, cũng theo sự thấy biết của mình, nhìn xem kỹ càng, ông ta tuyên bố rõ là Như Lai có 30 tướng chắn. Thế nào? Phật có vì thế mà tăng giảm địa vị vô thượng chánh đẳng chánh giác của Như Lai?

Như Lai, Phật là căn cứ trình độ giác ngộ chân lý trọn vẹn, giải thoát vô minh phiền não tận cùng. Vấn đề 30, 32, hay 34 tướng, tùy trình độ hiểu biết và ấn định của các tướng sư. Thế nên, đệ tử Phật, tu học Bát Nhã Ba La Mật, không dựa trên 32 tướng, tùy thuộc trình độ hiểu biết và ấn định của các tướng sư. Thế nên, đệ tử Phật, tu học Bát Nhã Ba La Mật, không dựa trên 32 tướng. Thấy Như Lai qua 32 tướng, không phải là cái thấy đích thực của chính mình, mà ta nhìn Như Lai qua con mắt của các tướng sư Ấn độ 25 thế kỷ trước!

Phật e sợ đệ tử mình học đòi tướng sư hoặc đam mê tướng số, nên dạy kỹ cho các môn đệ rằng:

NHƯ LAI THUYẾT TAM THẬP NHỊ TƯỚNG, TỨC THỊ PHI TƯỚNG, THỊ DANH TAM THẬP NHỊ TƯỚNG.

Giảng nói giáo lý Bát Nhã là tạo cái duyên tăng thượng cho người muốn đi con đường giải thoát giác ngộ, thành Phật. Cho nên Phật nói: Người bố thí thân mạng như số cát sông Hằng, phước đức đã là nhiều, người làm việc pháp thí, truyền bá Bát Nhã Ba La Mật, phước đức nhân lên vạn bội.

---o0o---

XIII. LÝ NHẤT THIẾT CHƯ TƯỚNG CÁCH NÀO ĐỂ ĐƯỢC GỌI LÀ CHƯ PHẬT

Ông Tu Bồ Đề thưa: Bạch Thế Tôn! Từ khi được tuệ nhãn đến nay, lần đầu tiên con được nghe kinh điển thậm thâm này. Bạch Thế Tôn! Con nghĩ rằng: người nào được nghe kinh này, lòng tin thanh tịnh thì có thể sống trong thật tướng, họ là người hi hữu bậc nhất.

Bạch Thế Tôn! Nói là thật tướng mà không phải tướng, Như Lai gọi là thật tướng vậy thôi.

Bạch Thế Tôn! Kinh này con nghe hiểu không lấy làm khó lắm. Sau 500 năm có người nghe hiểu tin nhận mới là hi hữu. Bởi vì phải xóa hẳn bốn tướng chấp: ngã, nhơn, chúng sanh, thọ mạng, mới tin nổi kinh này! Người đó phải nhận thức được: ngã, nhơn, chúng sanh, thọ mạng là phi tướng mới tin nổi kinh này, và con người đó chắc chắn đạt đến quả vị Phật và đã rời hết tất cả tướng.

Phật bảo: Tu Bồ Đề! Đúng như lời ông nói. Người nghe kinh này mà tâm ý không kinh hãi, không ngờ vực là người hi hữu.

Tu Bồ Đề! Như Lai nói: Bồ thí Ba La Mật, không phải bố thí Ba La Mật gọi là bố thí Ba La Mật, nhẫn nhục Ba La Mật cũng vậy.

Tu Bồ Đề! Xưa kia ta bị vua Ca Lợi chặt đứt thân thể. Lúc đó ta không khởi tướng chấp nào. Nếu ta khởi một tướng nào trong tứ tướng thì ta đã nổi tâm sân hận.

Tu Bồ Đề! Ta nhớ lại thuở xa xưa, về quá khứ năm trăm đời, ta là một nhân nhục tiên. Suốt thời gian đó, ta không hề có nổi lên bốn tướng chấp...

Tu Bồ Đề! Bồ tát phát tâm vô thượng chánh đẳng chánh giác, nên xóa sạch các tướng chấp. Không nên sanh tâm trụ chấp nơi sắc, nơi thanh, hương, vị, xúc, pháp. Nên sanh tâm vô trụ. Nếu có trụ là phạm phải sai lầm.

Tu Bồ Đề! Vì ích lợi tất cả chúng sanh, nên bố thí như vậy, Như Lai nói: Tất cả các tướng là phi tướng. Tất cả chúng sanh phi chúng sanh.

Tu Bồ Đề! Lời nói của Như Lai là chơn là thật, là không lật lọng, là không tráo trở phỉnh phờ.

Tu Bồ Đề! Nếu Bồ tát bố thí mà còn chấp, thì như người đi vào chỗ tối, chẳng thấy được gì. Bồ tát bố thí không chấp như người mắt tốt ở dưới bầu trời trong sáng, thấy hết cảnh vật sắc màu.

Tu Bồ Đề! Đời sau có chúng sanh nào nghe kinh này, thọ trì đọc tụng, Như Lai dùng trí tuệ Phật, sẽ thấy hết và biết hết. Những người đó đã thành tựu vô lượng vô biên công đức!

TRỰC CHỈ

Giáo lý Bát Nhã Ba La Mật là thứ giáo lý thậm thâm. Ông Tu Bồ Đề đến nay mới nghe được lần đầu kể từ khi ông được tuệ nhãn. Bởi vì giáo lý này chưa đến lúc, không nói, chưa phải đối tượng, không trao truyền. Người nghe giáo lý này không kinh sợ, không nghi ngờ, sanh tâm hâm mộ, đọc tụng thọ trì là người có khả năng sống trong **THẬT TUỐNG**. Người đó sẽ tự tại an nhiên, trong pháp thân hiện hữu, trước cảnh trúc biếc mai vàng, trắng thanh mây bạc. Họ sẽ có cái nhìn **NHU THỊ** đối với hiện tượng vạn pháp trong vũ trụ bao la. Đó là mẫu người hi hữu trên đời. Cuối cùng người đó đạt đến quả **PHẬT**.

Bởi vì **PHẬT** là con người. Là một con người thôi. Phật chỉ khác hơn người thường ở chỗ: Phật có Bát Nhã Ba La Mật là thứ trí tuệ sắc bén, có khả năng nhận thức xuyên suốt **THẬT TUỐNG**. Nói cách khác là nhận thức đúng qui luật khách quan tồn tại của vạn pháp hiện tượng.

Nói rằng **THẬT TUỐNG**, kỳ thật chẳng có thật tướng gì. Thật tướng chỉ là tướng trạng của sự vật tồn tại khách quan thông qua sự vận hành sanh

diệt, và diệt để rồi sanh. Nó là tướng duyên sanh **NHU' THỊ** của vũ trụ vạn hữu. Nó vô thí, vô chung, vô cùng, vô cực.

Vấn đề “lục Ba La Mật” kỳ thật chẳng có Ba La Mật gì! Bồ thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí tuệ chỉ là những đức tánh vốn có của con người. Tự tánh con người không xan tham, không sai quấy, không thô bạo, không biếng lười, không loạn động và không si mê. Nhưng bởi con người không biết giữ gìn đức tánh tốt đẹp vốn có đó, để cho xông ướp vào tâm ý những chứng xấu tật hư: tham lam, sai quấy, thô bạo, biếng lười, tạp loạn và si mê, làm cho Phật chất của con người bị phai mờ hoen ố, như tấm gương trong sáng bị khói bụi cuộc đời bám phủ. Phật là vị đạo sư sáng suốt, chỉ bày phương pháp đối trị những chứng xấu tật hư: hãy lấy bồ thí trị xan tham. Lấy trì giới trị sai trái. Lấy nhẫn nhục trị thô bạo. Lấy siêng năng trị biếng lười. Lấy định tâm trị tạp tưởng. Lấy trí tuệ trị si mê. Nói tóm, dùng lục độ trị lục tệ. Sự đối trị được kết quả viên mãn, Phật gọi cho nó cái từ “Ba La Mật:”, kỳ thật chẳng có Ba La Mật gì!

Chuyện vua Ca Lợi chặt đứt thân thể mà hồi ấy Phật không sanh tâm sân hận. Đó là cách nói điển hình về cái từ “Ba La Mật” qua nhẫn nhục độ. Để hành giả tư duy, so sánh sự vô trụ, vô trước, của những độ còn lại. Chữ từ bi trong đạo Phật không có nghĩa lim dim thụ động, còn khiếp nhược không có nghĩa đầu hàng. Đức Phật sanh thời cũng như nhiều đời trong quá khứ, đã từng hàng phục độc long, chế ngự cuồng tượng, diệt trừ giặc cướp... Những việc làm đó đã được ghi vào kinh sử Phật học. Có phải chăng tu hành là không phân biệt thiện ác, ù ù cạc cạc, đàn độn ngu si...?

UNG VÔ SỞ TRỤ NHI SANH KỲ TÂM. Bồ tát mà có chỗ trụ là sai quấy rồi. Trụ chấp: sắc, thanh, hương, vị, xúc pháp sai quấy đã đành. Trụ chấp: Bồ đề, Niết bàn vẫn là sai quấy. Bởi vì: Bồ đề, Niết bàn không phải là thứ đối tượng **CHỨNG ĐẮC**, có ai đó ban cho. Cũng không phải là cảnh giới xa xôi nào, do sự thoát xác vãng sanh mới có. Ta hãy đọc đoạn kinh văn:

***“Nhất thiết chư pháp vô vi Phật pháp.
Nhi ngã bất liễu tùy vô minh lưu
Thị tắc w Bồ đề trung kiến bất thanh tịnh
Ư giải thoát trung nhi khởi triền phục”...***

Theo tư tưởng đại thừa: tất cả pháp đều là Phật pháp. Tại vì ta không hiểu, buông xuôi theo dòng trôi chảy của vô minh. Thế nên ở trong Bồ đề,

mà chỉ thấy vô minh phiền não. Ở trong Niết bàn mà thấy rặt ràng buộc khổ đau.

Hãy tin nhận lời dạy của Như Lai. Lời nói của Như Lai: Chân ngữ giả, thật ngữ giả, bất dị ngữ giả, bất cưỡng ngữ giả.

Đừng tưởng rằng Như Lai có **CHỨNG ĐẮC THẬT**, đối với một pháp nào. Vì sao? Vì nó không có hình dáng kích thước. Nhưng đừng tưởng pháp của Như Lai **CHỨNG ĐẮC LÀ HƯ**. Vì sao? Vì Như Lai có giác ngộ chân lý thật sự và giải thoát vô minh thật sự. Như Lai là bậc **PHÁP VƯƠNG**.

Bồ thí mà chấp, là bồ thí có điều kiện, thì chẳng khác bao nhiêu, so với sự đổi chác tầm thường. Thế nên, phước đức chẳng là bao. Bồ thí vô trụ tướng, phước đức vô biên vô lượng. Vì bồ thí như vậy, có nghĩa là mình trở về, sống với tự tánh thanh tịnh, không tham lam vốn có của mình là sống đúng theo chân lý của hiện tượng vạn pháp trong vũ trụ.

Kinh này là thứ kinh khó nghe khó nhận. Nghe mà hiểu và tin nhận là người này gần gũi Như Lai. Phật sẽ thấy hết, biết hết, người này được vô lượng vô biên công đức, vì đã có cái vốn Bát Nhã Ba La Mật, đủ để xây dựng lâu đài Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác rồi.

---o0o---

XIV. SỰ LỢI ÍCH CỦA NGƯỜI THỌ TRÌ ĐỌC TỤNG VÀ XIÊN DƯƠNG GIÁO LÝ BÁT NHÃ BA LA MẬT

Phật bảo: Tu Bồ Đề! Giả sử có thiện nam, thiện nữ, cứ mỗi ngày ba lần: sáng trưa và chiều, đem thân mạng nhiều như cát sông Hằng bồ thí, làm như vậy trải qua trăm ngàn muôn ức kiếp. Thế nhưng, phước đức không bằng người nghe kinh này mà lòng tin không chống trái.

Tu Bồ Đề! Kinh này có vô lượng vô biên công đức. Như Lai vì người phát tâm đại thừa mà nói, vì người tối thượng thừa mà nói. Người nào thọ trì đọc tụng biên chép giảng nói kinh này cho nhiều người nghe là người thành tựu công đức không ngần mé, không thể cân lường. Đó là người gánh vác Vô Thượng Chánh Giác, Như Lai.

Tu Bồ Đề! Người chuộng pháp nhỏ (tiểu thừa) không thể nghe và tin nhận nổi kinh này, lại càng không thể thọ trì, đọc tụng, giảng nói. Vì họ vương mắc tứ tướng: ngã, nhơn, chúng sanh, thọ mệnh.

Tu Bồ Đề! Chỗ nào có kinh này, trời, người, A Tu La, đều nên cúng dường và hãy xem đó là tháp Phật, nên đem hương hoa tung rải mà cúng dường. Nên lễ lạy và đi nhiễu quanh, để tỏ lòng cung kính tôn trọng.

TRỰC CHỈ

Đọc đoạn kinh trên ta thấy: chỉ có trí tuệ Ba La Mật, mới là nhân tố quyết định để thành một vị Phật. Không có trí tuệ, sẽ không có giác ngộ. Muốn giác ngộ phải trau dồi trí tuệ. Có trí tuệ, có giác ngộ mới nhận thức được chân lý. Có nhận thức đúng chân lý, mới tự chủ lấy mình, tự chủ trước sự sai sử của vô minh dục vọng. Vết tan vô minh mới hóa giải, cải tạo phiền não. Hết phiền não vô minh gọi là người giải thoát. Giải thoát tức là đã đến Niết bàn. Do vậy, ta thấy yếu tố căn bản của Bồ đề, Niết bàn là trí tuệ: Bát Nhã Ba La Mật.

Đoạn kinh này Phật cho biết: Bồ thí thân mạng nhiều như cát sông Hằng, bồ thí như vậy, ngày ba lần, trải trăm nghìn muôn ức kiếp, thế mà phước đức không bằng người nghe kinh Bát Nhã Ba La Mật mà lòng tin không trái. Lời dạy của Phật không ít người cho là chuyện lạ kỳ. Nhưng đó là sự thật, Phật không hề dối gạt chúng sanh. Người bồ thí thân mạng, phải biết bồ thí để làm gì. Bồ thí thân mạng phải nhằm đúng mục tiêu; không biết để làm gì, không nhắm đúng mục tiêu, đó chỉ là một hành động điên rồ, như người tự tử, thiệt thân mình, cũng chẳng lợi ích cho ai.

Theo giáo lý Phật, bồ thí thân mạng là cách nói, nhằm mục đích dạy diệt trừ **NGÃ CHẤP**, xóa bỏ cái **TA** Tuy nhiên nếu đạt đến mục đích đó thôi, vẫn còn là phiền diện, vì nếu **PHÁP CHẤP** hãy còn thì chưa tìm thấy được yếu tố căn bản để thành Phật. Như vậy, thì quả Phật hãy còn xa.

Trí tuệ Ba La Mật là yếu tố quyết định thành Phật. Cho nên, người nghe mà lòng tin không trái, nghe mà ham mộ thọ trì đọc tụng, truyền bá cho nhiều người, điều đó chứng minh rằng: Hạt giống Bát Nhã của người này đã gieo trồng đến hồi đơm hoa kết trái. Người này sắp thu hoạch quả Vô Thượng Bồ Đề. Vì vậy, Phật nói: Kinh Bát Nhã Ba La Mật có ở đâu, xem như ở đó có Phật. Cúng dường tôn trọng kinh, cúng dường tôn trọng người thọ trì đọc tụng, được xem như cúng dường tôn trọng tháp miếu Phật. Công đức của kinh Bát Nhã Ba La Mật vốn lớn lao, truyền bá kinh Bát Nhã lại càng lớn lao hơn vạn bội, vì đã gieo hạt giống Bát Nhã nơi thửa đất tâm của nhiều người. Công hạnh tự lợi, lợi tha của một Bồ tát sắp đến thời kỳ viên mãn.

XV. BÁT NHÃ BA LA MẬT VỚI VẤN ĐỀ NGHIỆP CHƯỚNG BA THÌ

Phật bảo: Tu Bồ Đề! Người thiện nam, thiện nữ nào thọ trì đọc tụng kinh này mà bị người khinh khi xài xể, phải biết người đó đã có gây nhơn không tốt, đáng lẽ phải triền miên trong địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh. Hiện tại thọ trì kinh Bát Nhã Ba La Mật mà bị người xài xể, thì tội nghiệp đã gây được tiêu diệt, người này sẽ được vô thượng chánh đẳng chánh giác.

Tu Bồ Đề! Ta nhớ lại, vô lượng vô biên kiếp quá khứ, ở thời Phật Nhiên Đăng, ta được gặp trăm trăm bốn mươi nghìn muôn ức na do tha Phật, ta đều hầu hạ cúng dường, không hề mỗi một bỏ qua. Vậy mà, sau này nếu có thiện nam, thiện nữ nào thọ trì đọc tụng kinh này, công đức của người đó, còn vô cùng to lớn. Công đức ta được trước kia, không bằng một phần trăm, một phần nghìn, muôn ức. Nó nhỏ tí ti, thậm chí không tỉ lệ được.

Tu Bồ Đề! Nếu ta nói cặn kẽ công đức của người thọ trì đọc tụng Bát Nhã Ba La Mật, sẽ có người nghe mà sanh tâm cuồng loạn, hồ nghi, không tin nổi! Vì kinh này nghĩa lý không nghĩ bàn, cho nên quả báo của nó cũng không thể nghĩ bàn.

TRỰC CHỈ

Xét cho tội nhân lý của cuộc đời, cái kết quả nào cũng sanh từ mầm nhân của nó. Nếu hiện tại thọ trì Bát Nhã Ba La Mật mà bị người xài xể khinh khi, cái quả này hẳn là do gieo nhân không tốt ở một lúc nào trước đó. Đã là quả thì quả nào rồi cũng chín, muôi, rồi rụng. Thế là chấm dứt một giai đoạn của dòng nhân quả đó.

Xài xể, chửi bới, chửi bới đã rồi thôi. Thôi là kết thúc, chấm dứt một giai đoạn nhân quả.

Hiện tại, thọ trì đọc tụng Bát Nhã Ba La Mật, là người đã gieo hạt nhân trí tuệ. Thế là dòng nhân quả mới, nảy mầm, phát triển trong một chu trình mới. Dựa trên chu trình nhân quả mà luận xét, việc gì sẽ xảy đến, chắc hẳn nhiều người đã đoán biết được rồi. Đó là: quả Vô Thượng Chánh Đẳng

Chánh Giác. Thử tìm hiểu ý nghĩa của sự cúng dường và nên lấy gì để cúng dường Phật?

- Nếu bảo rằng đem vật **SẮC** cúng dường Phật, để cầu được thành Phật. Sai rồi. Vì quả Phật không phải hình sắc: dài, ngắn, vuông, tròn...Cũng không phải hiển sắc: xanh, vàng, đỏ, trắng....
- Bảo rằng đem **HƯƠNG** cúng Phật, để cầu thành Phật. Không được. Vì Phật không phải là một thứ chất thơm tho.
- Bảo rằng đem **THANH** cúng Phật, để cầu thành Phật. Không đúng. Vì Phật không phải là tiếng nói, hay tiếng trống, tiếng chuông.
- Bảo rằng đem **VỊ** cúng Phật, để cầu thành Phật. Không phải. Vì Phật không chua, cay, mặn, lạt...
- Bảo rằng đem **XÚC** cúng Phật, để cầu thành Phật. Không, nhầm. Vì Phật không phải là sự nặng, nhẹ, lạnh, nóng...
- Nếu bảo rằng đem **PHÁP TRẦN** cúng Phật, để cầu thành Phật. Viển vông. Vì Phật không phải là thứ khái niệm mông lung, thứ ký ức dĩ vãng, thứ sản phẩm của bộ óc con người.

Tóm lại, dùng lục trần làm nhân để mong được quả Phật là phi lý. Đem cái nhân **VÔ TRI**, mong kết thành cái quả **HỮU GIÁC** (Phật = Giác giả), người trí không tin có việc đó xảy ra.

Nếu bảo: **SẮC, THANH, HƯƠNG, VỊ, XÚC, PHÁP**, xem như một thứ “lễ vật” là những món quà, để gây cảm tình với Phật. Rồi tiếp theo là cầu nguyện, khăn vái, van xin.

Chư Phật sẽ rửa lòng từ bi mà hộ độ. Nhờ vậy, ta được thành Phật sau này!

Phật ơi! Nếu người đệ tử Phật nghĩ ra kiểu cúng dường đó thì thật là chua xót cho thế tôn! Đau đớn cho Phật biết chừng nào! Thà đừng có đệ tử đó, để khỏi tai tiếng rằng: Như Lai Thế Tôn mà còn tham ...ăn...hồi lộ!

Từ nhận thức trên, ta thấy rõ nguyên nhân vì sao trong vô lượng kiếp, Phật cúng dường hầu hạ chư Phật rất nhiều, thế mà công đức bé nhỏ tí ti. Bởi vì sự cúng dường đó chưa đạt mục đích yêu cầu, đối với quả Vô Thượng Bồ Đề, chưa tạo được cái duyên nhân thành Phật. Duyên nhân

thành Phật là Bát Nhã Ba La Mật. Thọ trì tu học Bát Nhã Ba La Mật là bồi dưỡng cho mình cái duyên nhân mạnh mẽ nhất.

Vì vậy, thọ trì đọc tụng giảng nói Bát Nhã Ba La Mật công đức vô cùng to lớn. Thảo nào, người thiên trí nghe mà chẳng sanh tâm cuồng loạn, bất tín, hồ nghi!

---o0o---

XVI. TỆT CÙNG CHÂN LÝ NGÃ PHÁP ĐỀU KHÔNG

Ông Tu Bồ Đề thưa:

Bạch Thế Tôn! Người thiện nam, thiện nữ, khi phát tâm Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, phải trụ tâm như thế nào? Hàng phục tâm như thế nào?

Phật bảo: Người phát tâm Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, lòng dạn lòng: Ta nên diệt độ tất cả chúng sanh. Diệt độ tất cả chúng sanh rồi mà đừng thấy có chúng sanh thật được diệt độ. Bởi vì một Bồ tát cần phải xóa sạch bốn tướng chấp ở lòng mình. Một Bồ tát, cũng không nên chấp mắc ở sự phát tâm, dù là phát tâm Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Vì thật ra có cái Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác gì đâu!

Tu Bồ Đề! Như ông đã hiểu. Hồi thời Phật Nhiên Đăng, Như Lai cũng chẳng có ý nghĩ mình sẽ được pháp Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, dù Phật Nhiên Đăng đã thọ ký cho ta như vậy. Nếu lúc đó, ta có ý mừng là mình sẽ được Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, thì Phật Nhiên Đăng đã chẳng thọ ký cho ta, đời sau sẽ thành Phật hiệu Thích Ca Mâu Ni. Vì ta hiểu rằng: Như Lai là bản thể như như của vạn pháp. Cho nên, nếu có người nói Như Lai được quả Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác là không đúng.

Tu Bồ Đề! Pháp Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác Như Lai chứng được, không thật cũng không hư, thế nên, Như Lai nói tất cả pháp đều là Phật pháp.

Tu Bồ Đề! Nói rằng tất cả pháp, kỳ thật chẳng phải tất cả pháp, gọi rằng tất cả pháp, vậy thôi

Tu Bồ Đề! Đúng như ông hiểu, Như Lai nói con người vĩ đại, nhưng đừng chấp vĩ đại thì mới vĩ đại.

Tu Bồ Đề! Thật ra chẳng có Bồ tát gì cả. Vì vậy, Phật nói: Tất cả pháp không ngã, không nhọn, không chúng sanh, không thọ mệnh.

Tu Bồ Đề! Nếu Bồ tát có ý nghĩ: Ta phải trang nghiêm Phật độ. Có ý nghĩ đó, không gọi Bồ tát được. Vì trang nghiêm Phật độ, kỳ thật chẳng trang nghiêm, gọi là trang nghiêm vậy thôi.

Tu Bồ Đề! Bồ tát hiểu được chân lý: Ngã, Pháp đều không, Như Lai gọi đó là Bồ tát thật.

TRỰC CHỈ

Do tánh cách quan trọng của vấn đề **TRỤ TÂM** và **HÀNG PHỤC TÂM**, của người phát tâm Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, ông Tu Bồ Đề nêu lại câu hỏi lần hai để hỏi Phật.

Phật dạy: Nhiệm vụ của một Bồ tát là phải phát tâm Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác và diệt độ chúng sanh. Đó là ý nghĩa “Thượng cầu hạ hóa”, là nguyên tắc phải theo, là mục tiêu hành động của một Bồ tát. Nhưng Bồ tát phải hiểu rõ: Thượng cầu là cầu đạt đến mục tiêu mình đã vạch ra. Đừng hiểu cầu như van xin cầu nguyện ở một ai khác. Cầu nguyện ở kẻ khác, ở một đấng tha nhân nào phù hộ cho ta được cái quả tốt, nhưng bản thân không hành động, không tạo nguyên nhân thích hợp với cái quả mong muốn của mình, đó là việc làm, ý nghĩ của con người tham vọng đến độ cuồng si, cho nên họ trở thành người mê tín dị đoan không còn lý trí.

Hạ hóa, là vấn đề trách nhiệm của một Bồ tát. Bồ tát mà không giáo hóa chúng sanh, đua đòi vàng bạc, gây dựng sự nghiệp công danh, thì ý nghĩa: **AN BÀN THỦ ĐẠO, DUY TUỆ THỊ NGHIỆP** Bồ tát cất để ở chỗ nào? Không hoàn thành nhiệm vụ **HẠ HÓA**, không thể gọi Bồ tát, dù có nhện đói, có chặt bớt mấy ngón tay, có đốt thân thể trèm trèm. Chờ đón, nhận lãnh cái giáo chỉ, cái huân chương, cái độ điệp..gì gì...đó, của một lễ “thụ phong” lại càng quá bết! Đó là hiện tượng tăng già thất học, Phật pháp suy đồi đã đến lúc vô cùng trầm trọng. Dẫm đạp nền giáo lý Phật lún tận bùn đen.

Bồ tát không thể thụ phong được.

Bởi vì Bồ tát là gì?

- Là giác hữu tình
- Là hữu tình giác
- Là đại đạo tâm thành tựu chúng sanh

Thế nên, sự **THƯỢNG CẦU** của Bồ tát không phải làm một điều kiện, để đổi lấy phước đức **THÀNH PHẬT. HẠ HÓA** của Bồ tát cũng không phải làm một điều kiện, để được nhận sự đền công. Được quả Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, không do sự đổi chác, lại càng không phải do Đức Phật thưởng hoặc li xi...Do nghĩa đó, Bồ tát diệt độ vô lượng, vô số chúng sanh mà không thấy có chúng sanh thật diệt độ, vì Bồ tát cần viên ly tứ tướng. Nếu còn chấp tướng là Bồ tát giả danh, chỉ là người mang nhãn hiệu dỏm.

Quả Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, Như Lai chứng, thật ra có Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác gì đâu: Mê 100% gọi là bất giác (mê), dứt bớt được 30% gọi là người **GIÁC**, dứt được 60% gọi là người **CHÁNH GIÁC**, dứt được 90% gọi là người **CHÁNH BIẾN TRI GIÁC**, dứt 100% vô minh, gọi là **VÔ THƯỢNG CHÁNH BIẾN TRI GIÁC** hay **VÔ THƯỢNG CHÁNH ĐẲNG CHÁNH GIÁC** cũng thế. Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, không phải là một địa vị quyền năng, dành riêng cho một vị thánh thần nào, càng không phải để dành riêng cho Như Lai, Phật. Đó là một danh ngôn giả lập, để chỉ cho con người dứt hết tạp tướng của ý thức vô minh công vọng. Phật là người đạt đến trình độ trong sạch đó, gọi Ngài là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, vậy thôi.

Bồ tát nên học như vậy để làm tiêu chuẩn cho sự phát tâm “thượng cầu”, “hạ hóa” của mình.

Hiểu Như Lai là bản thể như như của vạn pháp, con người là một đơn vị của vạn pháp, thì Như Lai cũng là bản thể như như của con người. Như Lai của con người là **NHƯ LAI VIÊN GIÁC DIỆU TÂM**. Biết mình có Như Lai viên giác diệu tâm, có nghĩa là biết trước, sau, sớm, muộn gì mình cũng có ngày thành Phật. Bởi thế, nên thuở xa xưa ấy, Phật Nhiên Đăng có thọ ký, nhưng Phật Thích Ca lúc đó, như chẳng thấy nghe mình được thọ ký gì. Bởi quan niệm rằng: Hễ có trồng giống cây quý, nhất định sẽ được hưởng quả ngọt ngon. Cho nên không thọ ký cũng chẳng buồn, được thọ ký cũng không móng tâm phấn khởi, Phật Nhiên Đăng mới thọ ký: sau này ông sẽ thành Phật hiệu Thích Ca Mâu Ni. Cái lý trí nhận thức chân lý, thường trái ngược với cái hiểu biết tình cảm của con người là vậy.

Nhưng này! Hãy chín chắn mà tư duy!

- Nói Như Lai có **CHỨNG ĐẮC** là *phi báng Như Lai*
- Nói Như Lai **không CHỨNG ĐẮC**, lại cũng *phi báng Như Lai*.

Vì Vô Thượng Bồ Đề mà Như Lai **CHỨNG ĐẮC**, nó không **THẬT**, không **HU**. Không **THẬT** vì nó không có kích thước: dài, ngắn, vuông, tròn; không có sắc màu: xanh, vàng, đỏ, trắng...Không **HU**, vì Như Lai có giác ngộ, giải thoát thật sự. Như Lai làm chủ bản thân, làm chủ vạn pháp, làm Thầy chúng sanh trong tam giới (không được hiểu lầm chữ **TAM GIỚI**). Như Lai là **PHÁP VƯƠNG**. Như Lai nói: Tất cả các pháp đều là **PHẬT PHÁP**. Vì sự giải thoát giác ngộ của Như Lai, không rời tất cả pháp, ở trong tất cả pháp. Như Lai hành xử Bồ đề, Niết bàn của mình ngay trong cảnh: trúc biếc, mai vàng, thông xanh, mây bạc, ở vạn tượng sum la, trước mắt mọi người!

Tu Bồ Đề ơi! Như Lai có **CHỨNG ĐẮC** thật! Hãy nhận thức vạn tượng sum la qua cái nhìn **NHU THỊ** của nó. Mọi người đều có khả năng **CHỨNG ĐẮC** Tu Bồ Đề à!

Tu Bồ Đề! Ông đã hiểu rồi chứ! Như Lai nói: **TẤT CẢ PHÁP**, sự thật không có gì là **TẤT CẢ PHÁP** cả.

Bởi vì:

*...”Chúng nhân duyên sanh pháp
Ngã thuyết tức thị không
Diệc vi thị giả danh
Diệc thị trung đạo nghĩa
Vị tăng hữu nhất pháp
Bất tùng nhân duyên sanh
Thị cố nhất thiết pháp
Vô bất thị không giả”.*

Đó là ý tứ của người đệ tử Phật, sau Phật khoảng 600 năm: Pháp do các duyên sanh. Cho nên, nói pháp là **KHÔNG**, **KHÔNG** cũng là giả danh. Hiểu thế là trung đạo. Chưa từng có một pháp. Chẳng từ nhân duyên sanh. Thế nên tất cả pháp, không pháp nào chẳng không.

Nếu ai đó, cho rằng: Ta là người vĩ đại, thì họ đã lọt trong vòng tương đối rồi. Vả lại, vĩ đại là một danh ngôn, để cho người ta khái niệm về một sự vật nào. Tự thân nó không có thực chất. Cũng vậy, Bồ tát là phải thông qua hành động. Nếu không hành động thì chẳng có gì gọi là Bồ tát hay không Bồ tát.

Vấn đề trang nghiêm, xây dựng một cõi Phật, đến đây thì ông Tu Bồ Đề đã hiểu rõ lắm rồi. Không thể đem vật chất để trang nghiêm dù đó là vàng, bạc, lưu ly... cũng không thể đem tinh thần: bố thí, trì giới, nhẫn nhục... để trang nghiêm. Nhưng muốn có cõi Phật thanh tịnh, phải biết sử dụng hai thứ chất liệu đó. Sử dụng đúng, hai thứ chất liệu đó biến thành cõi Phật trang nghiêm thanh tịnh. Sử dụng sai, nhọc công vô ích, như đem giống lúa, ngô, đậu, gieo rải trên đỉnh núi đá hoa cương, không có ngày bén mầm sanh cây được.

Là Bồ tát, phải tu học, phải thông hiểu vấn đề trọng đại: **NGÃ PHÁP ĐỀU KHÔNG**. Bằng ngược lại, ôm cây đọi cỏ, khổ công vô ích, làm trò cười cho thức giả, thì còn gì là Bồ tát hay không Bồ tát.

---o0o---

XVII. QUA SỰ NHẬN THỨC CỦA PHẬT NHÃN THÌ TẤT CẢ LÀ MỘT VÀ MỘT LÀ TẤT CẢ

Phật bảo: Này Tu Bồ Đề! Ông hiểu thế nào? Với các thứ mắt: nhục nhãn, thiên nhãn, tuệ nhãn, pháp nhãn, và Phật nhãn, Như Lai có đủ chẳng?

- Bạch Thế Tôn! Như Lai có đủ.

- Tu Bồ Đề! Ông hiểu thế nào? Những cát của sông Hằng Như Lai có nói là cát không?

- Bạch Thế Tôn! Như Lai vẫn nói là cát.

- Tu Bồ Đề! Phỏng có những số sông Hằng nhiều bằng số cát của sông Hằng và cõi Phật trong mười phương nhiều bằng số cát của những sông Hằng kia. Ông hiểu thế nào? Cõi Phật như thế có nhiều chẳng?

- Bạch Thế Tôn! Rất nhiều.

- Tu Bồ Đề! Bao nhiêu tâm niệm của chúng sanh trong ngàn ấy cõi Phật, Như Lai đều biết rõ. Vì sao? Vì Như Lai nói: Các tâm đều phi tâm, mà gọi tâm vậy thôi. Vì sao Như Lai nói vậy? Vì tâm quá khứ tìm không có, tâm hiện tại tìm không có và tâm vị lai tìm cũng có.

TRỰC CHỈ

Sự hỏi đáp qua lại giữa Đức Phật và ông Tu Bồ Đề, về năm thứ mắt, hàm chứa ý nghĩa bên trong, nhằm nói lên: Sự thấy biết của Như Lai là thấy biết toàn diện, khi nhận thức về một đối tượng. Theo Phật học, nhận thức của con người đối với vũ trụ vạn hữu khách quan, phải trải qua quá trình tư duy từ cạn tới sâu, từ thô đến tế, thông qua “ngũ nhãn” của con người. Nói cách khác là nhận thức một đối tượng phải tư duy, cân nhắc, gạn lọc, phân tích qua năm tầng trí tuệ, thì sự nhận thức mới chính xác, đáng tin cậy. Thuật ngữ Phật học gọi năm tầng trí tuệ ấy bằng cái từ “ngũ nhãn”.

Ở đoạn Bát Nhã Ba La Mật này, Phật cho biết: Tất cả giáo lý, Như Lai dạy cho các đệ tử, Như Lai đã tư duy, cân nhắc, gạn lọc, phân tích kiểm nghiệm phẩm chất của mọi sự việc, mọi vấn đề rồi: rằng sự thấy biết thông thường bằng nhục nhãn Như Lai vẫn có như tất cả mọi người đã có. Sự thấy biết trong sáng hơn, phẩm chất nhận thức cao hơn, của người trí thức, Như Lai cũng đã có. Sự thấy biết của người có trình độ giác ngộ, nhận thức được một phần sự thật ở phía bản thân, thấy được chân lý **NGÃ KHÔNG** của pháp nhãn. Như Lai vẫn sử dụng. Sự thấy biết tinh tường, thâm diệu hơn, trong nhận thức nhân sanh vũ trụ, quán triệt cạn nguồn chân lý: **NGÃ PHÁP ĐỀU KHÔNG** của tuệ nhãn, Như Lai đã thường xuyên vận dụng. Cuối cùng là sự thấy biết qua tri kiến Như Lai, Như Lai sử dụng cách ngấm nhìn, cách tư duy nhận thức vạn hữu vũ trụ qua tự tánh **NHƯ THỊ** của chính nó.

Đó là:

NHƯ THỊ Tánh

NHƯ THỊ Tướng

NHƯ THỊ Thể

NHƯ THỊ Lực

NHƯ THỊ Tác

NHƯ THỊ Nhon

NHƯ THỊ Duyên
NHƯ THỊ Quả
NHƯ THỊ Báo
NHƯ THỊ Bồn mặt cứu kính

Cát của một sông Hằng vốn đã nhiều, số sông Hằng nhiều bằng số cát, quả là vô số kể. Vậy mà, cõi nước chư Phật mười phương nhiều bằng số cát của những sông Hằng kia, rõ là vô lượng vô biên, vượt ngoài tất cả số. Chúng sanh ở trong những cõi nước Phật ấy, nhiều phải nhân lên gấp nghìn muôn ức triệu lần. Thế mà Như Lai nói: Bao nhiêu Tâm chúng sanh trong ngàn ấy cõi Phật, Như Lai đều biết rõ. Có phải chăng Như Lai muốn đề cao sự ly kỳ, hi hữu của một đấng siêu nhân?

Như Lai không là người kiêu hãnh, tự đề cao. Càng không bao giờ xem mình là một đấng siêu nhân, như những người đệ tử kém cõi đề cao Như lai vô ý thức.

Theo giáo lý Phật, **TÂM** là ngôn thuyết giả danh để chỉ một **TỔNG** thể bao trùm tất cả **BIỆT** thể. Một **ĐỒNG** thể dung nhiếp hết thảy **DI** thể. Một **THÀNH** thể tồn tại trong **HOẠI** thể của hiện tượng vạn pháp. Nói cách khác: **TÂM** là chỉ sự bao hàm, sự dung nhiếp và duy trì sự vật hiện tượng tồn tại trong mối liên hệ mật thiết bất khả phân ly. Mọi sự vật tồn tại, đều được biểu hiện qua “**Sáu tướng viên dung**”. Nhìn ở mặt **BIỆT, DI, HOẠI**, ta sẽ thấy tướng riêng của sự vật hiện tượng. Nhìn qua mặt **TỔNG, ĐỒNG, THÀNH**, ta nhận thức được tánh chung của vạn pháp.

Vì thế, **TÂM** chúng sanh dù nhiều bất khả thuyết vô lượng vô biên. Như Lai đều biết rõ mà không vướng phải sự khó khăn nào. Mà đó là một sự thật biện chứng rành rành: **TẤT CẢ LÀ MỘT, MỘT LÀ TẤT CẢ**, trong hệ tư tưởng triết học của Đại thừa Phật giáo, Bát Nhã Không Tôn.

Như Lai nói tâm vốn không phải Tâm mà gọi Tâm vậy thôi. Bởi vì Tâm quá khứ tìm không có, Tâm hiện tại tìm không có, và Tâm vị lai cũng không tìm có!

---o0o---

XVIII. VẤN ĐỀ PHƯỚC ĐỨC HÀNH GIẢ PHẢI HIỂU NHƯ THỂ NÀO?

Tu Bồ Đề! Ông hiểu thế nào? Giả như có người đem thất bảo đầy ngập cõi tam thiên đại thiên để bố thí, với việc làm đó, người ấy được phước đức nhiều chăng?

- Bạch Thế Tôn! Đúng vậy. Theo con hiểu: Do nhân duyên đó, người bố thí được phước đức rất nhiều.

- Tu Bồ Đề! Nếu phước đức có thật, Như Lai chẳng nói phước đức nhiều, vì phước đức vốn không, Như Lai mới nói phước đức nhiều.

TRỰC CHỈ

Hãy tìm một tiêu chuẩn, để định nghĩa thế nào là phước đức. Đó là vấn đề cần được đặt ra để nghiên cứu. Có thể nói không sợ lầm. Rằng: Không ít Phật tử chỉ nhận thức mơ hồ về vấn đề phước đức. Cho nên, nếu có người hỏi: Phước đức là gì? Thì mỗi người có thể nói một cách theo cái hiểu của mình. Đại để:

- Có người cho rằng: Phước đức là người có nhà cao cửa rộng, lắm tiền, nhiều của, ăn tiêu sang trọng là người có phước đức. Vậy: Phước đức là Tiền của và sang trọng!
- Người khác bảo: Có vẻ đẹp yêu kiều, diện mạo khôi ngô là người có tướng phước đức.
Vậy; Phước đức là Vẻ đẹp, tướng oai!
- Người thì bảo: Phước đức là người làm Quốc trưởng, Tổng thống là những bậc quyền cao, chức lớn.
Vậy: Phước đức là Chức tước địa vị!
- Có người lại nói: Làm một Hòa thượng, Thượng tọa, có được chùa to, vườn rộng, có diện mạo phương phi, có dáng đi lững thững, trông vẻ đạo cốt tiên phong, là người có phước đức.
Vậy: Phước đức là Sự nghiệp và dáng điệu!

Những ý tưởng đó, dựa trên sự nhận thức thông thường, chắc hẳn cũng có nhiều người đồng ý. Nhưng qua nhận thức của Bát Nhã nếu không nói đó là sai, thì những thứ phước đức đó, không phải là thứ phước đức trong kinh Bát Nhã Ba La Mật nói, và cũng không phải là thứ phước đức mà đức Phật muốn dạy cho các hàng đệ tử mình.

Theo giáo lý Phật, phước đức được phân chia rành rẽ:

- *Phước đức hữu lậu và*
- *Phước đức vô lậu*

Những thứ phước đức, theo quan niệm thông thường được nêu ở trên, là phước đức hữu lậu. Hữu lậu là người thụ hưởng phước đức này, sẽ còn lọt rớt trong khổ lụy đau thương. Nó chỉ đem lại sự an lạc cho con người trong giai đoạn. Căn bản khổ đau của con người là vấn đề sanh, lão, bệnh, tử, ưu bi, khổ não, những thứ phước đức đó, không giúp ích giải quyết được gì. Tệ hơn nữa, chính những thứ đó, lại có thể là nguyên nhân gây ra khổ lụy đau thương. Những tấm gương sờ sờ trước mắt: người ta vẫn tự tử, trong cảnh gia cư sung mãn. Người giết nhau, vì vẻ đẹp bá mị yêu kiều. Người ta đánh đấu nhau, vì dáng điệu uy phong lẫm lẫm. Người ta lật đổ nhau vì cái ngôi Tổng thống, địa vị Quốc vương. Người ta triệt hạ nhau, để rồi kể ung dung trước điện Phật, người đau khổ rũ xác trong tù!

Nếu bảo rằng: Phước đức phải là giàu sang, sự nghiệp; phải là lẫm lẫm oai phong; phải là vương hầu, khanh tướng; phải là chùa to, vườn rộng; phải là cảnh đẹp, dáng thần tiên thì Phật Thích Ca, sau giờ phút xuất gia, sau ngày chứng quả Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, Ngài đã trở thành người vô phước đức nhất đời chăng?

*“Nhất bát thiên gia phạn
 Cô thân vạn lý du
 Chỉ vi sanh tử sự
 Giáo hóa độ xuân thu”*
 (Một bát xin nhà nhà
 Đơn thân hành cước khắp
 Sanh tử việc hàng đầu
 Giáo hóa môn xuân thu).

Có phải chăng là hình ảnh của những người vô phước nhất trong nền giáo lý Phật?

Vậy những gì là phước đức, theo quan điểm của Bát Nhã Ba La Mật Đa?

Theo quan điểm của Bát Nhã Ba La Mật, phước đức chỉ là một từ phát xuất từ khái niệm trừu tượng (Phước đức tức phi phước đức tánh), phước đức phải được hiểu qua sự giải thoát, giác ngộ, qua sự bình an thanh thoát, sự tự tại an nhiên trong đời sống con người. Có ngàn ấy điều kiện có thể gọi

là người có phước đức. Ngoài ra, người có phước đức còn là người có thể làm gương mẫu, mực thước: đức nhẫn nhục, tánh ôn hòa, lòng từ bi, hành động vị tha, tinh thần vô ngã. Từ đó, đem lại cho nhiều người sự kính phục cảm mến, có thể học tập làm theo.

Phước đức vốn không, cho nên làm phước đức, đừng sanh tâm chấp mình làm. Không chấp, mà làm phước đức, thì phước đức mới nhiều. Chấp mình là người làm phước đức rất dễ bị tiêu tan. Vì tướng **NGÃ**, tướng **NHƠN**, tướng **CHÚNG SANH**, tướng **THỌ GIẢ** đồng khởi. Chẳng những phước đức không còn, mà còn mang thêm ác nghiệp!

*Đã mang lấy nghiệp vào thân
Chớ mong cầu cứu Phật gần, Phật xa
Thiện căn ở tại lòng ta
Nào đâu có phải ở ba bạc vàng!*

---o0o---

XIX. PHẢI CHIÊM NGƯỠNG THỂ NÀO MỚI ĐÍCH THỰC CHIÊM NGƯỠNG MỘT NHƯ LAI

Tu Bồ Đề! Ông hiểu thể nào? Có thể chiêm ngưỡng sắc thân cụ túc là chiêm ngưỡng Phật chăng?

- Bạch Thế Tôn! Không, không thể chiêm ngưỡng sắc thân cụ túc mà cho là chiêm ngưỡng Như Lai được. Vì, Như Lai nói: sắc thân cụ túc không phải sắc thân cụ túc, gọi là sắc thân cụ túc vậy thôi

- Tu Bồ Đề! Ông hiểu thể nào? Có thể trông vào các tướng cụ túc cho là thấy Như Lai không?

- Bạch Thế Tôn! Không, không thể trông vào các tướng cụ túc cho là thấy Như Lai được. Vì sao? Vì Như Lai nói: các tướng cụ túc, không phải các tướng cụ túc, gọi là các tướng cụ túc, vậy thôi.

TRỰC CHỈ

Thân cụ túc là thân đầy đủ lục căn. Đó là thân cấu tạo hình thành do tứ đại ngũ uẩn. Người đời ai cũng có thân ngũ uẩn tứ đại. Nếu thân cụ túc là

Như Lai thì mọi người trên mặt đất đều Như Lai cả hay sao? **CỤ TÚC SẮC THÂN, NHƯ LAI THUYẾT: TỨC PHI CỤ TÚC SẮC THÂN, THỊ DANH CỤ TÚC SẮC THÂN.** Thân cụ túc Như Lai đã phủ định giá trị của nó, thì không thể nào thân đó là Như Lai được.

Chiêm ngưỡng Như Lai qua sắc thân cụ túc đã không đích thực, nhìn thấy Như Lai qua **CHU TƯỚNG CỤ TÚC** cũng không đáng tin cậy. 32 tướng là do các nhà tướng số Ấn Độ đề ra, 32 tướng không phải là tiêu chuẩn của một vị Phật. Tuy nhiên, khi vận dụng “Thê giới tất đàn” thỉnh thoảng Phật có đề cập vấn đề 32 tướng tốt: rằng đó biểu hiện người có phước, là tướng của bậc đại nhân. Các Chuyển Luân Thánh Vương là người cũng có được những tướng tốt đó.

Do đó, phải hiểu Như Lai qua sự giải thoát giác ngộ, Phật chất ở bên trong. Đừng nhìn Như Lai qua sắc thân cụ túc có 32 tướng tốt. Như Lai đã phủ định các tướng cụ túc, cũng như từng phủ định sắc thân cụ túc vậy.

---o0o---

XX. NĂNG SỞ SONG VONG, NẾU NHƯ LAI CÓ THUYẾT PHÁP LÀ PHỈ BẢNG PHẬT

Tu Bồ Đề! Ông đừng cho rằng Như Lai có ý nghĩ: Như Lai có thuyết pháp. Nếu người nào nói Như Lai có thuyết pháp là hủy báng Phật. Người đó không hiểu những gì Như Lai nói. Tu Bồ Đề! Nói là thuyết pháp, thật ra không có pháp khả thuyết, gọi là thuyết pháp, vậy thôi.

- Bạch Thế Tôn! Chúng có chúng sanh trong vị lai, nghe nói pháp này sanh lòng tin nhận nổi chăng?

- Tu Bồ Đề! Họ không là chúng sanh, mà cũng không phải là không chúng sanh, vì sao? Vì chúng sanh mà gọi chúng sanh, Như Lai nói không phải chúng sanh, gọi là chúng sanh, vậy thôi.

TRỰC CHỈ

NĂNG, SỞ. Người học Phật nên hiểu kỹ ý nghĩa của hai từ này. Học Phật lờ mờ ý nghĩa **NĂNG, SỞ**, khó mà hiểu được giáp điệp. Người tu theo

đạo Phật, vương vào cái chấp **NĂNG, SỞ** tai hại như vương vào bệnh tứ tướng: ngã, nonh, chúng sanh, thọ mệnh.

Năng sở là dị dạng của tứ tướng. **NĂNG THUYẾT** là **TÔI**, **SỞ THUYẾT** là **ANH**. **NĂNG THUYẾT** là **PHẬT**, **SỞ THUYẾT** là **PHÁP**. Chủ thể và đối tượng đối lập rõ ràng.

Một Bồ tát, còn có tướng **NĂNG, SỞ**, vẫn không là Bồ tát thực. Cho rằng Như Lai có thuyết pháp, hóa ra Như Lai chưa rời cái chấp **NĂNG, SỞ**. Thế không phải báng Như Lai là gì?

Vả lại, pháp Như Lai nói không phải pháp của Như Lai. Như Lai chỉ nói lên sự thật của cuộc đời, sự thật của hiện tượng vạn hữu: rằng các pháp sanh như vậy, trụ như vậy, dị như vậy và diệt như vậy. Pháp tướng như vậy sanh ra thiện pháp, Pháp tướng như vậy sanh ra ác pháp...Đấy là khổ, đấy là nguyên nhân của khổ, đấy là Niết bàn, đấy là nguyên nhân của Niết bàn...Những sự thật đó, không có pháp nào Phật tự đặt bày ra. Phật chỉ là người, một con người giác ngộ, nhận rõ chân lý, hướng dẫn cho mọi người một nếp sống an vui lành mạnh, nhịp nhàng cùng sức sống của vũ trụ vạn hữu thiên nhiên. Do đó, Như Lai nói: **RẰNG THUYẾT PHÁP, MÀ KHÔNG CÓ THUYẾT PHÁP GÌ**.

Ông Tu Bồ Đề sợ giáo lý quá sâu, có thể chúng sanh đời sau nghe không nhận nổi. Phật cho đó là cái lo không cần thiết. Vì trong một chúng sanh, vừa có chúng sanh, vừa có chẳng phải chúng sanh. Hễ mê là chúng sanh. Giác là Phật. Đừng sanh tâm khinh rẽ chúng sanh mà có tội. Hãy tin tưởng, đời sau vẫn có bậc trí giả nhận hiểu và phát tâm ham mộ.

(Bỉ phi chúng sanh, chúng sanh giả, Như Lai thuyết tức phi chúng sanh, thị danh chúng sanh).

---o0o---

XXI. VÔ THƯỢNG CHÁNH ĐẲNG CHÁNH GIÁC KHÔNG PHẢI LÀ QUẢ VỊ CHỨNG ĐẶC CỦA NHƯ LAI

Bạch Thế Tôn! Phật được quả Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác là không có được gì ư?

- Đúng vậy, Tu Bồ Đề! với pháp Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, Như Lai không có được tí ti nào, gọi là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, vậy thôi. Tu Bồ Đề! Tại vì pháp đó bình đẳng không có thấp cao, gọi là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Vì không có ngã, nhơn, chúng sanh, thọ giả, vì chuyển hóa hết chất ác, phát triển toàn pháp lành, gọi là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, vậy thôi.

Này! Tu Bồ Đề! Nói rằng pháp lành, kỳ thực không có pháp lành, Như Lai nói pháp lành, vậy thôi.

TRỰC CHỈ

Nếu Như Lai **CHỨNG ĐẮC** Như Lai đã mắc vào tứ tướng, thì không là Như Lai được nữa.

Nếu Như Lai **CHỨNG ĐẮC**, Như Lai mắc vào **NĂNG SỞ**, cũng đã mất chất Như Lai rồi.

Vì thế, Phật nói:

Với quả Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, Như Lai không có **CHỨNG ĐẮC** một tí ti nào, gọi là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, vậy thôi.

Như Lai không là người **NĂNG CHỨNG NĂNG ĐẮC THÌ PHÁP VÔ THƯỢNG CHÁNH ĐẲNG CHÁNH GIÁC**, tự nó hóa giải tiêu vong. Vì **SỞ**, không **NĂNG** thì **SỞ** không có lý do tồn tại.

---o0o---

XXII. GIÁ TRỊ CỦA BÁT NHÃ BA LA MẬT VƯỢT NGOÀI TỶ LỆ THÔNG THƯỜNG

Tu Bồ Đề! Giả sử cõi tam thiên đại thiên có bao nhiêu núi chúa Tu Di, nếu đem gộp lại, thật là to lớn. Thế mà, nếu có người đem thất bảo chất thành đồng to như những núi Tu Di kia để làm việc bố thí, phước đức của người này vẫn là hữu hạn.

Kinh Bát Nhã Ba La Mật, nếu thọ trì, đọc tụng, giảng nói cho người khác nghe, không được nhiều, thì chùng bốn câu kệ, phước đức của người này nhiều hơn người bố thí thất bảo. Và nếu so sánh, phước đức người bố thí thất bảo không bằng một phần trăm, một phần nghìn, một phần muôn, một phần triệu... thậm chí không thể tỷ lệ được.

TRỰC CHỈ

Đọc Bát Nhã Ba La Mật, nếu chưa hiểu thâm ý của kinh, người đọc có thể cảm nghe nhàm chán, vì những đoạn tán thán công đức Bát Nhã quá nhiều lần. Nhưng nếu để tâm nghiên cứu, sẽ thấy sự tán thán và so sánh nhiều thứ nhiều lần, có hàm chứa dụng ý thâm sâu. Đành rằng kinh điển có câu “Tài pháp nhị thí đẳng vô sai biệt, đàn Ba La Mật cụ túc thanh mãn”. Làm việc bố thí viên mãn, thì phải thí pháp lẫn cả thí tài. Nhưng cần hiểu rõ rằng: Chư cúng dường trung, pháp cúng dường tối. Trong các cách cúng dường, cúng dường **PHÁP** là ưu việt. Vì Bát Nhã Ba La Mật là pháp sản sanh ba đời chư Phật.

---o0o---

XXIII. VỚI BÁT NHÃ BA LA MẬT, NĂNG SỞ SONG VONG

Tu Bồ Đề! Ý ông thế nào? Các ông chớ cho rằng Như Lai có ý nghĩ: Ta có độ chúng sanh! Tu Bồ Đề! Ông đừng nghĩ thế. Thực ra không có chúng sanh nào Như Lai độ cả.

Nếu có chúng sanh Như Lai độ, hóa ra Như Lai có tướng ngã, nhơn, chúng sanh, thọ giả?

Tu Bồ Đề! Như Lai nói: Có ngã, chẳng có ngã, người phàm phu cho là có ngã đây thôi!

Tu Bồ Đề! Như lai nói phàm phu khôn phải phàm phu, gọi là phàm phu, vậy thôi.

TRỰC CHỈ

Nếu cho rằng Như Lai có độ chúng sanh, thì đó là người đệ tử chỉ hiểu Phật ở mây lông ngoài. Phật chất của một vị Phật, họ chưa hề biết đến.

Một Bồ tát khởi ý niệm: “Ta hóa độ chúng sanh” đã là phi Bồ Tát. Bồ Tát giả danh rồi. Như Lai khởi ý niệm có độ chúng sanh, sao còn là Như Lai được?

Theo giáo lý Phật, chúng sanh ví như đơn vị tế bào của toàn thân Như Lai, Phật. Làm cái việc lẽ gai, khi bàn chân mình bị dẫm phải, người trí có ai kể công với cái bàn chân của mình? Nặng mụn ở mặt, dán nhọt ở lưng mình, không phải là vấn đề ơn với nghĩa mà ai cũng tinh tấn làm với một nhiệt tâm vô điều kiện.

Phật là toàn thân của con người ấy. Chúng sanh là những tế bào bị nhiễm bệnh trong cơ thể của toàn thân. Chăm sóc vết thương nhiễm bệnh của mình, không thể có ý nghĩ: làm cho ta, cho người, cho chúng nó. Càng không có ước vọng nghĩa trả, ơn đền. Thế cho nên, độ chúng sanh mà Như Lai nói Như Lai chẳng có ý nghĩ độ sanh gì cả.

Tại vì chúng sanh chấp cái TA, TÔI nên Như Lai gọi sự chấp mắc đó là chấp NGÃ. Từ quan niệm NGÃ chấp, sanh khởi đối tượng chấp NHƠN. Đó là tụi mày, chúng nó, bọn bây... Chủ thể đối tượng phân biệt ranh giới rồi thì ĐỒNG THỂ ĐẠI BI TÂM bị nát vụn ra từng mảnh vụn.

Như Lai dạy đừng chấp NGÃ, có nghĩa là đừng có quan niệm chỉ nghĩ đến cái TA, để rồi sanh tâm tham lam ích kỷ, khuynh loát, triệt hạ: mày, nó, tụi kia... Không chấp ngã, có thể được hiểu đồng nghĩa với “diệt trừ nguyên nhân chia rẽ”. Không chia rẽ thì đoàn kết. Đoàn kết thì nhân loại thương yêu nhau. Thương yêu nhau thì hoạn nạn tương cứu, sanh tử bất ly. Nhân loại sẽ sống yên vui. Thế giới toàn một màu xanh hy vọng. Mọi người sinh hoạt trong ánh sáng hiền dụ của **ĐỒNG THỂ ĐẠI BI TÂM**.

Diệt NGÃ là diệt cái chia rẽ, cái giành ăn, cái ích kỷ, cái triệt hạ, cái thủ tiêu nhau cạn tài ráo máng ấy. Thật ra chẳng có cái NGÃ gì.

Vì vậy Như Lai mới nói: **HỮU NGÃ GIẢ, NHƯ LAI THUYẾT TỨC PHI HỮU NGÃ, NHI PHÀM PHU CHI NHƠN DĨ VI HỮU GIẢ.**

Vấn đề PHÀM PHU, thật ra chẳng có gì cố định phàm phu.

Phàm phu là con người

Bồ Tát là con người

Phật là con người

*MÊ trọn vẹn là phàm phu
Giác có mức độ là Bồ Tát
Giác trọn vẹn là Phật*

Bởi thế kinh nói: **PHÀM PHU GIẢ, NHƯ LẠI THUYẾT TỨC PHI PHÀM PHU THỊ DANH PHÀM PHU.**

---o0o---

XXIV. PHẢI CHIÊM NGŨƠNG CÁCH NÀO MỚI ĐÍCH THỰC THẤY NHƯ LẠI?

Tu Bồ Đề! Ông hiểu thế nào? Có thể trông vào thân 32 tướng cho là đích thực thấy Như Lai chăng?

- Bạch Thế Tôn! Đúng vậy, trông vào thân 32 tướng là được thấy Như Lai.

- Tu Bồ Đề! Nếu trông vào thân 32 tướng mà cho là Như Lai, thì Chuyển Luân Thánh Vương cũng là Như Lai sao? Vì Chuyển Luân Thánh Vương cũng có thân 32 tướng.

- Bạch Thế Tôn! Con hiểu ý Phật: Không thể trông vào 32 tướng cho là đích thực Như Lai.

* Bấy giờ Đức Thế Tôn nói kệ:

**Nếu dựa vào sắc thân cho là Phật
Dựa vào âm thanh thuyết pháp cho là Phật
Người ấy tu cái đạo tà
Họ không thể biết được Như Lai**

TRỰC CHỈ

Tu Bồ Đề là một trong mười đại đệ tử Phật. Ông được Phật khen là giải không đệ nhất. Thế mà ở đây ông đã hiểu sai lệch về lý không. Sự chột tính chột mê đó, của ông Tu Bồ Đề, nói lên cái tính bất ổn chung của hàng

Thanh văn, Duyên giác. Đạo diễn ra sự kiện đó, với dụng ý cảnh giác hành nhị thừa, rằng các ông hãy khéo giữ vững lập trường tư tưởng, chớ nên lo đến trên đường tiến đến Bồ Đề Niết Bàn Vô Thượng.

Sự giải thoát giác ngộ không dựa vào một sắc chất, âm thanh cố định nào. Dựa trên sắc chất, âm thanh cho là Phật, người đó chưa hiểu Phật, là người tu đạo tà không thể biết đích thực Như Lai.

Bởi vì:

Với sắc thân 32 tướng không phải Như Lai, nếu thiếu giác ngộ và giải thoát

Phàm thiếu giác ngộ giải thoát thì không phải Như Lai, ví như Chuyển Luân Thánh Vương

---o0o---

XXV. SẮC THÂN 32 TƯỚNG VỚI NHƯ LAI BẤT TỨC BẤT LY

Tu Bồ Đề! Ông Đừng nghĩ rằng Như Lai nhờ không do thân tướng cụ túc mà Như Lai được Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

Tu Bồ Đề! Ông đừng nghĩ như vậy. Không phải vì không do thân tướng cụ túc mà được Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

Này Tu Bồ Đề! Ông đừng nghĩ rằng người phát tâm Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, nói các pháp đoạn diệt. Ông đừng nghĩ thế. Người phát tâm Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, không chủ trương vạn pháp đoạn diệt đâu!

TRỰC CHỈ

Sắc thân 32 tướng còn được gọi là sắc thân cụ túc. Sắc thân này Phật có và Chuyển Luân Thánh Vương cũng có. Thế nhưng Phật là Phật, Chuyển Luân Thánh Vương là Chuyển Luân Thánh Vương. Vấn đề âm thanh tốt cũng thế. Phật nói chim Ca lăng tần già cũng có âm thanh tốt.

Do đó với nhân thức của người trí:

Với sắc thân 32 tướng không phải Như Lai.

Nếu thiếu chất giác ngộ giải thoát đối với chân lý.

Phàm thiếu chất giác ngộ giải thoát đối với chân lý thì không là Như Lai. Ví như Chuyển Luân Thánh Vương..

Âm thanh hay, tiếng nói tốt không phải là Phật.

Vì là duyên sanh, vô tri giác.

Phàm là pháp duyên sanh vô tri giác thì không là Phật, ví như tiếng đàn, tiếng hót của chim...

Hai luận cứ đó, nhằm giới thiệu cho người Phật tử một căn bản nhận thức, thế nào là một Như Lai, qua tinh thần Bát Nhã.

Sắc thân 32 tướng cụ túc không phải Phật.

Âm thanh nói pháp không phải Phật.

Vậy hãy tìm Phật ở đâu để được thấy biết Như Lai?

Tìm ở cõi hư vô xa thăm trong vũ trụ mông lung?

- Không được. Vì Phật không phải cùng loại với hư vô.

Tìm Phật ở trong những điềm chiêm bao đẹp, có áng mây hồng, có hồ sen trắng, có dáng điệu tha thướt của đấng...thần tiên?

- Không phải. Trong chiêm bao không bao giờ có Phật...Vì Phật không là mộng ảo băng quơ.

Hay là tìm Phật trong “thiền định xuất hồn”?

- Rất là tai họa. Xuất hồn không thể gặp Phật, vì Phật không phải loại vía quỷ hồn ma.

Xưa kia, khi còn tại thế, Phật có 1250 đệ tử A La Hón, luôn luôn tùy tùng thân cận, nghe Phật thuyết pháp rày đó mai đây, có phải chăng Phật là một cái hồn? Các vị Đại A La Hón vận dụng những 1250 cái hồn phiêu phiêu phưởng phưởng để được gần gũi Đức Như Lai?

- Không. Phật không phải ông gì xa lạ, cũng không phải vía thánh hồn ma.

Phật cũng là con người. Ngoài con người ra, không thể tìm đâu cho ra Phật. Người đệ tử quy y Phật cũng chỉ là quy y với con người: con người **LƯƠNG TỨC TÔN, LƯƠNG TỨC TÈ TÔN**

Mê là chúng sanh

Giác là Phật.

Giác và Mê là tiêu chuẩn để kiểm tra chất lượng chúng sanh và Phật. 32, 42, 52 tướng có chăng, cũng không phải là yếu tố quyết định địa vị của một Như Lai.

Bảo rằng: Do có 32 tướng cho nên là Phật. Hiểu thế đã sai lầm.

Bảo rằng: Phải không do 32 tướng mới được quả Phật. Đó là đối chấp đoạn diệt, càng tai hại lớn.

Phật nói: Người phát tâm Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác không nói vạn pháp đoạn diệt, không chủ trương cái thuyết đoạn diệt ấy.

Với sắc thân 32 tướng, Như Lai bất tức, bất ly.

Tìm thấy Phật và biết chúng sanh, phải nhận thức trên tiêu chuẩn **MÊ** và **GIÁC**.

---o0o---

XXVI. LÝ VÔ NGÃ THỂ NHẬP NHƯ PHÁP NHÃN VÔ SANH NGƯỜI ĐÓ PHƯỚC ĐỨC RẤT NHIỀU

Tu Bồ Đề! Giả sử: Số thể giới nhiều như cát sông Hằng, Bồ tát chứa thật bảo đầy ngập tất cả để làm việc bố thí, phước đức của Bồ tát này đã là nhiều. Vậy mà nếu có người nhận biết tất cả pháp vô ngã như thể nhập pháp nhãn vô sanh, thì công đức của Bồ tát này nhiều hơn Bồ tát trước. Vì Bồ tát này là người không nhận lấy phước đức.

- Bạch Thế Tôn! Bồ tát không nhận lấy phước đức là nghĩa thế nào?

- Không nhận lấy phước đức, nghĩa là Bồ tát làm việc phước đức mà không khởi tâm tham chấp công việc của mình làm. Gọi đó là không nhận lấy phước đức.

TRỰC CHỈ

Muốn nhận biết “tất cả pháp vô ngã” đòi hỏi phải có quá trình tư duy sâu sắc, từ tích không đến quán thể không. Nhận thức lý vô ngã đến độ như thể nhập pháp nhãn vô sanh lại càng đòi hỏi sự nỗ lực đấu tranh gay gắt, phải kiên trì bền bỉ đối với bản thân. Bởi vì NGÃ CHẤP là vấn đề then chốt. Chúng là đối tượng đối kháng của người chiến sĩ của người Phật giáo xung kích diệt giặc phiền não vô minh. Nhận biết tất cả pháp vô ngã là công việc đầu tiên, người chiến sĩ Phật giáo phải làm. Nhưng nếu chỉ biết tất cả pháp vô ngã thì người chiến sĩ ấy mới vừa nhận biết mục tiêu đối tượng. Diệt hết, quét sạch “kẻ thù” cần phải có hành động. Hành động thể nhập lý vô ngã như thể nhập pháp nhãn vô sanh, đó mới là mục tiêu của người chiến sĩ đạt đến. Nói cách khác, vấn đề vô ngã và tất cả pháp vô ngã đối với người này

đã đến trình độ tự tại. Nhận biết lý vô ngã, không còn trải qua công dụng quán niệm tư duy. Nó tự động, nó thành thực như hơi thở ra vào, như sự thấy của mắt, như cái bước của chân đi. Thể nhập đến độ hòa tan vào tự tánh vô ngã bản nhiên không ý niệm. Trạng thái ý thức đó, gọi là trạng thái không nhận lấy phước đức của một Bồ tát ở đoạn kinh này. Nói rõ ra: Không nhận lấy phước đức, có nghĩa là làm tất cả việc phước đức mà Bồ tát không chấp lấy công việc của mình làm. Tuy nhiên, không vì vậy mà Bồ tát ấy, không có phước đức.

Vì theo Phật giáo:

LỢI THA TỨC LÀ TỰ LỢI, cũng như CỨU NƯỚC LÀ ĐÃ CÓ CỨU NHÀ RỒI.

---o0o---

XXVII. PHẢI HIỂU THẾ NÀO VỀ MỘT NHƯ LAI?

Tu Bồ Đề! Nếu có người nói: Như Lai có Như Lai có đi, có đứng, có nằm, có ngồi, người đó không hiểu gì về Như Lai của Phật nói.

- Vì sao?

- Như Lai giả vô sở tùng lai diệt vô sở khứ cố danh Như Lai. Đến không chỗ từ, đi không chỗ tới. Đúng nghĩa Như Lai, phải hiểu như vậy.

TRỰC CHỈ

Có đủ 32 tướng “NHƯ LAI” mà vẫn chưa phải Như Lai thật. Có 32 tướng giống Như Lai, đã chẳng phải Như Lai! Dựa trên tướng đi, dáng đứng, cách nằm, kiểu ngồi hoặc tổng hợp tất cả những cử chỉ đó cho là Như Lai lại càng xa với nghĩa NHƯ LAI, Phật muốn chỉ cho chúng sanh cung dưỡng (cúng dường).

NHƯ LAI GIẢ TỨC CHƯ PHÁP NHƯ NGHĨA (Như Lai là bản thể như như).

NHƯ LAI GIẢ VÔ SỞ TÙNG LAI, DIỆC VÔ SỞ KHỨ: Đi không chỗ từ, đến không chỗ tới, Như Lai là vô thủ vô chung..

- Phải hiểu NHƯ LAI qua bản thể chân như của các pháp.
- Phải hiểu NHƯ LAI qua pháp thân vô thủ vô chung.

- Phải hiểu NHƯ LAI qua Tỳ lô Giá Na Phật: Thân NHƯ LAI BIẾN NHẬT THIẾT XÚ.

Hiểu như thế, mới tìm thấy THỂ NÀO LÀ MỘT NHƯ LAI để mà tôn trọng cúng dường.

NHẤT THIẾT CHÚNG SANH CỤ HỮU TRÍ HUỆ NHƯ LAI ĐỨC TUỞNG. Chính là thứ đức tướng NHƯ LAI mà Phật vừa khai thị ở đoạn kinh này.

---o0o---

XXVIII. VI TRẦN VÀ THẾ GIỚI LÀ HAI MẶT CỦA MỘT THỰC THỂ TỒN TẠI KHÁCH QUAN

Tu Bồ Đề! Nếu có người thiện nam, thiện nữ đem thế giới đại thiên nghiền nát ra vi trần, ông hiểu thế nào? Những vi trần đó có nhiều chẳng?

- Bạch Thế Tôn! Rất nhiều. Vì sao? Vì nếu những vi trần ấy thật có, Phật chẳng nói đó là những vi trần, vì những vi trần, Phật nói chẳng phải những vi trần, gọi là những vi trần, vậy thôi.

- Bạch Thế Tôn! Thế giới tam thiên đại thiên, Như Lai nói chẳng phải thế giới gọi là thế giới, vậy thôi, vì sao? Vì thế giới nếu thật có thì đó là tướng hợp nhất, Như lai nói tướng hợp nhất, không phải tướng hợp nhất, gọi là tướng hợp nhất, vậy thôi.

Tu Bồ Đề! Tướng hợp nhất không thể nói khẳng định, chỉ do những phàm phu họ chấp mắc việc ấy thôi.

TRỰC CHỈ

Vi trần và thế giới chỉ là hai mặt của một thực thể tồn tại khách quan.

Nếu hỏi thế giới là gì? Người ta sẽ trả lời: Thế giới là quả địa cầu của chúng ta đang ở chứ còn gì nữa. Thế giới có cả ngàn chủng tộc ngôn ngữ khác nhau. Còn ai chẳng nghe các Hòa thượng, thượng tọa thỉnh thoảng đi hội nghị Phật giáo thế giới đó sao? (Chỉ tạm khoanh vùng thế giới trong phạm vi nhiều người cùng chung hiểu).

Nếu có người hỏi: Vi trần là gì? Sẽ có người trả lời: Muốn có vi trần thì lấy thế giới nghiền ra. Nghiền nát thế giới thành vi trần. Hợp nhất vi trần thành thế giới. Có gì nghĩ ngợi khó khăn.

Khác với số người trên, có hàng thức giả nhiều tư duy, thích tìm hiểu thế giới tường tận bằng cách: phân tích nguyên nhân cấu tạo, phát hiện yếu tố hình thành, tìm nguồn gốc của vạn pháp phát sanh... Từ xưa nay có chẳng biết bao nhiêu lý thuyết, bao nhiêu con người đóng góp kiến thức để cùng phục vụ cho một mục đích ấy. Người ta gọi sự tìm hiểu nguồn gốc vũ trụ vạn hữu là vấn đề triết học. Nói đến triết học là đề cập vấn đề không giản đơn chút nào! Hồi sinh tiền, Phật có nói câu chuyện: Những người mù sờ voi. Chỉ một con voi thôi, thế mà những người mù diễn tả con voi qua nhiều hình dạng. Rồi họ cãi vã nhau, đi đến đánh đấm nhau, làm cho nhà vua nọ chứng kiến cuộc thi tài ấy một trận cười ý vị. Người nói voi như cái quạt mo, kẻ nói voi như cây cột nhà. Người nói: rõ ràng, tôi đã biết con voi như cái chổi. Tùy sự sờ mó của họ: trúng đuôi, trúng chân, và trúng phải cái vành tai...

Nói đến triết học là nói đến “thế giới quan”, “nhân sinh quan” những vấn đề rất lớn. Ở đoạn kinh này, đề cập vi trần và thế giới. Có phải chăng Phật dạy cho đệ tử mình về môn triết học Phật giáo, theo đường hướng nhận thức:

VŨ TRỤ VẠN HỮU, TẤT CẢ NHÂN DUYÊN SANH VÀ TỒN TẠI KHÁCH QUAN

Bởi vì, nếu ta trả lời thế giới là gì? Ta sẽ thấy:

THẾ là thời gian. GIỚI là không gian. Thế giới là thời gian và không gian cộng lại.

Nhưng thời gian và không gian sẽ không là gì hết, nếu không có một thật thể tạm đứng yên nào đó, tồn tại khách quan. Nói cách khác, phải có sắc pháp, hiện hữu tồn tại khách quan, vấn đề thời gian không gian mới được đặt ra, mới có lý do tồn tại.

Theo định nghĩa của Phật học: THẾ GIẢ THIÊN LƯU CHI NGHĨA, thời gian chỉ là một khái niệm, phản ảnh quá trình biến dịch vô thường vận động từng sát na của sự vật hiện tượng, không có sự vật hiện tượng không có thời gian.

Không gian cũng thế: GIỚI GIẢ GIÁN CÁCH CHI NGHĨA. Không gian cũng chỉ là khái niệm, nếu không có một thể tích to nhỏ, một kích thước rộng hẹp, ngắn dài, một qui mô cao thấp của sự vật để choán một diện tích ít nhiều bé lớn thì không thể có không gian.

Do đó Như Lai nói: thể giới chẳng phải thế giới, gọi là thế giới, vậy thôi. Nói thế giới chẳng qua đứng bên mặt HỢP mà nhìn một thực thể khách quan tồn tại. Mà bất cứ cái HỢP nào cũng là HỢP của cái LY. Cũng như bất cứ cái CHUNG nào cũng là CHUNG của cái RIÊNG vậy.

Ngược lại, vi trần cũng thế. Những vi trần Như Lai nói chẳng phải vi trần, gọi là vi trần, vậy thôi. Thử hỏi: Vi trần là gì? Do đâu mà có? Có phải do nghiền nát thế giới có ra? - Vâng. Đúng vậy. Do nghiền nát thế giới mà có vi trần.

Do vậy, Như Lai nói những vi trần không phải vi trần, gọi là vi trần, vậy thôi. Gọi là những vi trần, chẳng qua đứng về mặt LY mà nhìn một thực thể khách quan tồn tại. Mà bất cứ cái LY nào cũng là LY của cái HỢP. Cũng như bất cứ cái RIÊNG nào cũng là RIÊNG của cái CHUNG.

Vì thế, tướng HỢP NHẤT, Như Lai không thể nói. Không thể nói, nghĩa là không thể nói khẳng định rằng: Đó là THẾ GIỚI hay VI TRẦN.

Chiều hướng nhận thức thế giới quan của Phật giáo qua cái nhìn tổng quát của Bát Nhã Ba La Mật là như vậy.

---o0o---

XXIX. PHẢI HIỂU THẾ NÀO VỀ TỨ TƯỚNG CỦA NHƯ LAI NÓI

Tu Bồ Đề! Với vấn đề chấp ngã, chấp Nhơn, chấp chúng sanh, chấp thọ giả, có người cho rằng Như Lai nói có bốn tướng như vậy.

Tu Bồ Đề! Ông hiểu thế nào? Người đó có hiểu ý Phật nói chẳng?

-Bạch Thế Tôn! Không. Con cho rằng người đó không hiểu ý Như Lai nói. Vì sao? Vì Như Lai nói ngã, Nhơn, chúng sanh, thọ giả tướng không

phải ngã, nhơn, chúng sanh, thọ giả tướng, gọi là ngã, nhơn, chúng sanh, thọ giả tướng vậy thôi.

Tu Bồ Đề! Với tất cả pháp, người phát tâm Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, nên biết bằng cái biết như thị, thấy bằng cái thấy như thị và tin hiểu như thị, đừng sanh tướng chấp.

Tu Bồ Đề! Tướng pháp, Như Lai nói chẳng phải tướng pháp, gọi là tướng pháp, vậy thôi.

TRỰC CHỈ

NGÃ KIẾN là sự phân biệt chấp mắc về cái TA, cái TÔI. Cho TA có cái TA chân thường vĩnh cửu bất biến. Nếu chấp như thế là một quan niệm rất sai lầm.

Theo giáo lý Phật, không có cái TA cái TÔI nào thực NGÃ bất biến cố định trường tồn. Cũng như vũ trụ vạn hữu không có cái gì cố định đứng yên mà không vận động. Mọi sự vật đều tồn tại trong quá trình sanh diệt, diệt sanh luôn luôn trong trạng thái vô thường, vận động. Chính vô thường mới là thực nghĩa của chân thường

*...”Mạc vị xuân tàn hoa lạc tận
Đình tiền tạc dạ, nhất chi mai”*

Bản thân con người, chỉ là một giai đoạn đứng yên tương đối hoặc ngắn hoặc dài của một hiện tượng CHỨNG SANH.

Bảo đừng chấp NGÃ, ý Phật muốn dạy cho các đệ tử cái tinh thần: mình vì mọi người, mọi người vì mình, cái tinh thần vị tha vô vị kỷ ấy. Có như thế để xây dựng cho con người, cho xã hội loài người một cuộc sống an vui, hạnh phúc và hòa bình, tương thân tương ái.

Sự thật, NGÃ KIẾN hay NGÃ TƯỚNG không có một hình sắc một tướng mạo gì.

NHƠN KIẾN cũng thế. Nó là sự phân biệt, sự kỳ thị ở ý thức con người: Ta là ta, tụi nó không phải ta. Tụi nó là phe của bọn mày.

Phật bảo xóa đi cái NHƠN KIẾN, nhằm dạy cho đệ tử mình hãy sống với tinh thần đại bi đồng thể. Hãy thương người như thể thương thân. Đừng

làm đau khổ cho chúng sanh, vì làm đau khổ chúng sanh là làm tổn thương đến một vị Phật.

Sự phân biệt kỳ thị, hành động gây đau khổ chúng sanh, tự nó trái chân lý, ngược lại nếp sống tốt đẹp thân ái của loài người. Phật gọi sự chấp mắc, gây ra sai trái đó, là NHƠN TUỞNG, vậy thôi.

Sự thật chẳng có cái cụ thể nào là hình dáng sắc màu của NHƠN TUỞNG.

Thế nào là chúng sanh tướng?

GIẢ CHÚNG DUYÊN NHI SANH CỐ VIẾT CHÚNG SANH. Đó là tướng vạn pháp do nhân duyên hòa hợp mà sanh. Nó là núi, là sông, đất liền, cỏ cây, hoa, lá. Nó là trời, mây, non, nước, ngân hà thiên thể trong vũ trụ bao la. Nó là đền, đài, nhà, phố, là miếu mạo, đình chùa. Nó là bình, bàn, ly, lọ, là trường kỳ, ẩm chè. Nó là ô tô, máy kéo, quạt máy, tivi...Nói chung tất cả là hiện tượng vạn hữu đều gọi là chúng sanh cả, vì cùng một tính chất : DO NHÂN DUYÊN HÒA HỢP MÀ SANH.

Tướng duyên sanh của vạn pháp, Phật học cho đó là tướng NHƯ THỊ . Người Phật giáo nhìn vạn pháp qua cái chân lý NHƯ THỊ ấy:

...Do nhất thiết chủng thức

NHU THỊ NHU THỊ biến

Dĩ triển chuyển lục cố

Bỉ bỉ phân biệt sanh

(Do nhất thiết chủng thức

Nó biến NHƯ VẬY NHƯ VẬY

Do sức vận động

Hiện tượng vô vàn sanh)

Bảo đừng chấp CHÚNG SANH TUỞNG có nghĩa là bảo phải nhìn hiện tượng vạn pháp qua cái nhìn NHƯ THỊ: NHƯ THỊ tri, NHƯ THỊ kiến, NHƯ THỊ tín giải...bất sanh PHÁP tướng.

Sự thật chúng sanh kiến hay chúng sanh tướng, tự nó chẳng có cái riêng, ngoài sự vật đang tồn tại.

Thế nào là một THỌ GIẢ TUỞNG? Đó là tướng sanh diệt, diệt sanh của sự vật. Nó biểu hiện tính vô thường vận động của sự vật hiện tượng trong một giai đoạn đứng yên tương đối.

Bảo đừng chấp THỌ GIẢ, có nghĩa là bảo phải nhận thức sâu sắc cái quy luật trở thành công lệ: vô thường vận động, hằng chuyển của hiện tượng vạn pháp. Đừng chấp mắc khư khư, để rồi đau khổ vô lý, khi nhìn mọi vật phủ định lấy nhau, để phát triển cái mới ào ạt không ngừng trong vũ trụ thiên nhiên, trong cuộc sống của xã hội loài người không ngừng tiến lên đỉnh cao của trí tuệ.

Nhận thức như vậy, ta thấy THỌ GIẢ TUỞNG không có tướng gì!

CHẤP NGÃ NHƠN TỨC LÀ CHẤP NGÃ CHÚNG CHẤP SANH TỨC LÀ CHẤP PHÁP THỌ GIẢ

Chấp ngã tướng là NGÃ bản thân
Chấp nhơn tướng là NGÃ tụi nó, chúng mày...
Chấp chúng sanh tướng là chấp pháp, mặt không gian.
Chấp thọ giả tướng là chấp pháp mặt thời gian.

Do đó:

NGÃ KIẾN, NHƠN KIẾN, CHÚNG SANH KIẾN, THỌ GIẢ KIẾN
NHƯ LAI NÓI

KHÔNG CÓ NGÃ KIẾN, NHƠN KIẾN, CHÚNG SANH KIẾN, THỌ GIẢ KIẾN, GỌI LÀ NGÃ KIẾN, NHƠN KIẾN, CHÚNG SANH KIẾN, THỌ GIẢ KIẾN VẬY THÔI.

---o0o---

XXX. NHƯ NHƯ BẤT ĐỘNG LÀ ĐẠT ĐÁO ĐIỂM CỦA BÁT NHÃ BA LA MẬT

Tu Bồ Đề! Giả sử có người đem thất bảo đầy vô lượng cõi nước để làm việc bố thí, nhưng nếu có thiện nam, thiện nữ phát tâm Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, thọ trì đọc tụng kinh này rồi giảng nói cho người khác nghe chúng bốn câu kệ, phước đức của người này nhiều hơn người trước.

Nhưng phải giảng nói như thế nào?

- Rằng:

“Không nên chấp thủ pháp tướng và hỷ như như bất động” trước các pháp tướng ấy.

Vì sao thế?

-Vì:

Tất cả pháp hữu vi

Như mộng huyễn, như bóng quáng bọt bèo

Như sương mai, như điện chớp

Nên như vậy mà quán chiếu tư duy.

TRỰC CHỈ

Từ trước đến đây, không cần đếm kỹ là mấy lần, nhưng độc giả đã nhớ vấn đề cơ bản của tư tưởng Bát Nhã mà Phật nói rất nhiều lần. Rằng đem vật chất thất bảo bố thí bao nhiêu, cúng dường cách nào, cũng không thể so sánh với công đức tu tập Bát Nhã Ba La Mật. Ý đó Phật nhắc nhiều lần đến nỗi độc giả có cảm nghĩ lạ, nếu không dám nói là nhầm tai. Nhưng chính điều đó nói rõ với đệ tử Phật rằng:

Thất bảo dù nhiều, nhưng nó không phải là nhân tố quyết định làm nên quả Phật.

Trí tuệ Ba La Mật mới là DUYÊN NHÂN trực tiếp thành tựu một Như Lai.

Hãy lấy trí tuệ cung dưỡng Phật, ngày thành Phật đến rất gần, như người nấu gạo chẳng mấy chốc có cơm ăn.

Lấy thất bảo cúng dường Phật, như nhà nông mới ngâm thóc giống, chờ ngày thu hoạch, phải trải mấy khâu...dài...

Giảng nói Bát Nhã Ba La Mật, tùy đối tượng mà vận dụng ngữ ngôn, không nhất định phải nói bài kệ nào, ý nghĩa đoạn kinh nào. Đó gọi là “PHƯƠNG TIỆN” Bát Nhã.

Từ phương tiện đưa hành giả một bước tiến lên.

Rằng:

***Tất cả pháp hữu vi
Như mộng huyễn, như bóng quáng bọt bèo
Như sương mai, như điện chớp
Nên như vậy mà quán chiếu tư duy.***

Đó là bước thứ hai trên đường đi lên Thật tướng Bát Nhã, là QUÁN CHIẾU Bát Nhã vậy.

Trải qua quá trình quán chiếu Bát Nhã đến độ “hành thâm”. Bấy giờ hành giả sẽ có một nghị lực khinh an, vượt ra khỏi não. Hành giả sẽ có sức trí tuệ sắc bén như lưỡi kiếm kim cương. Trước đối thủ lục dục, thất tình, bát phong, thập xử, hành giả hóa giải chúng bằng một tâm trạng an lành, bình tĩnh hiên ngang như núi chúa, thanh thoát tựa trời xanh, biểu hiện sức sống lạc quan tự tại của con người NHƯ NHƯ BẤT ĐỘNG giữa chốn trần ai. NHƯ NHƯ BẤT ĐỘNG là người đạt đến THẬT TƯỚNG BÁT NHÃ BA LA MẬT rồi.

Có người bảo: Nếu nhìn các pháp hiện hữu như chiêm bao, như ảo thuật, như bọt nước, như bóng quáng, như sương mai, như điện chớp thì hành giả tu Bát Nhã nhìn đời bằng cặp mắt quá bi quan tiêu cực. Đó là thứ triết lý nhồi nhét cho con người một nhãn quan rời rạc xa thực tế: ăn, mặc, ở, ngủ, thờ ...của cuộc đời.

Lời phê phán đó, nghe qua hẵn cũng có người cho là đúng. Nhưng đi sâu lãnh vực tri thức thì nó chỉ đúng với con người biết một mà chẳng biết hai về giáo lý Phật. Hay tệ hơn nữa là những người chưa hiểu Phật pháp tí nào.

Thuyết minh lý “vạn pháp nhân duyên sanh” là giáo lý rời xa thực tế ư?

Thuyết minh y tha khởi tánh của sự vật hiện tượng là bi quan tiêu cực ư?

- Không. Chúng ta hãy tin rằng, với cái tri kiến Bát Nhã Ba La Mật, lòng qua ngũ nhãn của Như Lai, đạo lý DUYÊN SANH và Y THA KHỞI TÁNH của vạn pháp sẽ không là một tội sai lầm.

***Nhất thiết hữu vi pháp
Như mộng huyễn bào ảnh
Như lộ diệt như điện
Ứng tác như thị quán.***

Đó là những thí dụ điển hình cụ thể về đạo lý DUYÊN SINH và Y THA KHỞI TÁNH của các pháp hữu vi (Duyên sanh).

Bởi vì:

- * Mộng là cảnh giả, là duyên sanh bởi một giấc ngủ bất an, không thư giãn tốt.
- * Huyền là trò ảo hóa, là duyên sanh do một ảo thuật gia, cũng có thể do sự phản chiếu gay gắt của cơn nắng hạ.
- * Bào là một nước kết tụ, là duyên sanh của một ngọn thác nhỏ, của dòng nước róc rách chảy cuối ghềnh.
- * Ảnh là bóng quang, ẩn ẩn hiện hiện là duyên sanh của thời điểm tối sáng tương tranh.
- * Lộ là kết tinh của hơi nước ngưng tụ ở không trung, là duyên sanh của thời tiết âm i nóng, lạnh bất thường.
- * Điện là những tia chớp lóe sáng ở không trung, là duyên sanh của hai khí cực âm dương chạm phải, cũng có thể là tia điện của bác thợ hàn nhoáng ra từ que “bagét”.

Thuyết minh vạn pháp duyên sanh trong Phật học cùng một nguyên tắc ấy. Sự vật làm nhân duyên, tác động hỗ trợ cho nhau làm cho hiện tượng vạn pháp được hình thành.

Mộng, huyền, bào, ảnh, như lộ diệp như điện, trong bài kệ, Phật mượn tính duyên sanh y tha khởi của các món ấy, làm ví dụ điển hình để nhắc các đệ tử đừng quên lý “DUYÊN SANH” của vạn pháp, há lại bi quan, tiêu cực, yếm thế, rời xa thực tế ư?

---o0o---

XXXI. VẤN ĐỀ SẮC TÂM QUA CÁI NHÌN CỦA BÁT NHÃ BA LA MẬT

(Từ tiết mục XXXI về sau, thuộc về Bát Nhã Ba La Mật Đa Tâm Kinh)

Xá Lợi Phất! **Sắc** chẳng khác không, không chẳng khác sắc. Sắc là không, không là sắc.

Thọ chẳng khác không, không chẳng khác thọ. Thọ là không, không là thọ. **Tướng** chẳng khác không, không chẳng khác tướng. Tướng là không, không là tướng. **Hành** chẳng khác không, không chẳng khác hành. Hành là không, không là hành. **Thức** chẳng khác không, không chẳng khác thức. Thức là không, không là thức.

Xá Lợi Phát! Cái gọi là không của ngũ uẩn, có nghĩa là không sanh, không diệt, không nhớ, không sạch, không thêm, không bớt.

Thế cho nên, cái không đó là không sắc, không thọ, tướng, hành, thức, nghĩa là ngũ uẩn đều không.

TRỰC CHỈ

Theo giáo lý Phật, vạn pháp cấu tạo hình thành theo quy luật **DUYÊN SANH, Y THA KHỞI**. Dù hình dạng của sự vật nghìn sai muôn khác, nhưng căn bản của chúng, vẫn phát xuất từ ngũ uẩn mà sanh ra.

1.SẮC UẨN. Đó là cái từ gọi chung tất cả vật chất, từ vô tình đến hữu tình, cụ thể như núi sông, nhà đất, cỏ cây hoa lá, cho đến khái niệm trừu tượng, như được phước, có đức, như phạm giới, sợ tội v..v..

2.THỌ UẨN: Đây là loại tác dụng tâm lý phụ thuộc, phát xuất từ ý thức tâm vương.

3.TƯỚNG UẨN: Cũng như thọ uẩn, là loại tác dụng tâm lý phụ thuộc, phát xuất từ ý thức tâm vương.

4.HÀNH UẨN: Hành uẩn là tính năng động, vừa hằng vừa chuyển. Nó là sự biểu hiện tánh vận động vô thường của vật chất lẫn ý thức tâm vương.

5.THỨC UẨN: Là tác dụng nhận thức chủ thể, nó trực tiếp ghi nhận sự phản ảnh của thế giới khách quan, thông qua sáu giác quan: nhãn, nhĩ, tỉ, thiệt, thân và ý căn.

Tổng hợp ngũ uẩn ta sẽ thấy:

SẮC UẨN (sắc chất) : I

HÀNH UẨN(1/2 sắc, 1/2 tâm) : I

THỌ UẨN (Tâm sở) : I

TƯỚNG UẨN (Tâm sở) : I

THỨC UẨN (Tâm vương) : I

Với giáo lý: Bát Nhã Ba La Mật Đa khi hành thâm rồi thì hành giả quán chiếu thấy “**NGŨ UẨN GIAI KHÔNG**” điều đó cho người đệ tử Phật thấy rằng: Đức Phật đã phủ định **TÂM PHÁP** gấp ba lần rưỡi. Sắc pháp chỉ phủ định một lần rưỡi mà thôi.

Vấn đề **SẮC TÂM** qua nhận thức của Bát Nhã, người ta có thể phê phán Đức Phật, nghiêng về bên **VẬT**, Ngài quả là người duy vật thời xưa! Vì Ngài đã đánh đổ mạnh về ý niệm **MỀ TÂM**. Các thứ **DUY TÂM** siêu hình, duy tâm chủ quan, khách quan...hẳn là không có chỗ đứng trong nền giáo lý Phật.

Người đệ tử Phật hành thâm Bát Nhã Ba La Mật, đồng đạc mà rằng:

*“...Tam thế cầu tâm, tâm bất đắc
Tương tâm mịch vọng, vọng nguyên vô”...*

Nhãn quan của Bát Nhã Ba La Mật, nhận thức vấn đề tâm vật là thế.

Còn cái gọi là **KHÔNG**. Đạo Phật không chủ trương có cái **KHÔNG**, không gì hết, như lông rùa sừng thỏ vĩnh viễn không. Người tu mong đạt đến cái **KHÔNG** đó để làm gì? Vả lại, **KHÔNG** đối với **CÓ**. Nếu tất cả là ngoan không thì cái **KHÔNG** đó không có lý do tồn tại. Dù tồn tại với danh nghĩa **KHÔNG**.

KHÔNG của Bát Nhã là: **ĐƯƠNG THỂ TỨC KHÔNG**. **SẮC** là **KHÔNG**. **KHÔNG** là **SẮC**. **KHÔNG** mà không rời **SẮC**. Chính nơi **SẮC** mà thấy có **KHÔNG**. Vì nhận thức rằng:

“...Chúng nhơn duyên sanh pháp

Ngã thuyết tức thị không”...

Tánh tướng của vạn pháp là **NHU THỊ**. Rằng các pháp không sanh, không diệt, không như, không sạch, không thêm, không bớt, mục đích nhằm diễn đạt tánh **NHU THỊ SANH, NHU THỊ TRỤ, NHU THỊ DI, NHU THỊ DIỆT...**của vạn pháp. Rằng chúng có sanh, nhưng không phải thật sanh, vì sanh để rồi diệt. Chúng có diệt, nhưng không phải thật diệt, vì diệt để rồi sanh...cho nên nào có thêm bớt cấu tịnh gì!

---o0o---

XXXII. MƯỜI HAI NHẬP, MƯỜI TÁM GIỚI VẪN LÀ PHÁP DUYÊN SANH Y THA KHỞI

Xá lợi Phát! Không có nhãn căn, nhĩ căn, tỷ căn, thiệt căn, thân căn, ý căn:

Không có sắc trần, thanh trần, hương trần, vị trần, xúc trần, pháp trần.

Không có nhãn căn giới, nhĩ căn giới, tỷ căn giới, thiệt căn giới, thân căn giới, ý căn giới.

Không có sắc trần giới, thanh trần giới, hương trần giới, vị trần giới, xúc trần giới, pháp trần giới

Cho đến không có nhãn thức giới, nhĩ thức giới, tỷ thức giới, vị thức giới, thân thức giới, ý thức giới, **KHÔNG CÓ GÌ HẾT.**

TRỰC CHỈ

Sự tồn tại của hiện tượng vạn pháp, nhìn qua hình mạo, ta thấy ngàn sai muôn khác. Nhưng gom lại, chúng nằm gọn trong mười tám giới: Lục căn, lục trần, lục thức. Phật học gọi là “thập bát giới”.

Thế mà, qua cái nhìn của Bát Nhã Ba La Mật thì:
“...*Vô nhãn giới, nãi chí vô ý thức giới*”

Có nghĩa là 18 giới: **KHÔNG CÓ GÌ.** Vì tánh chất **DUYÊN SANH** của nó. Đã là duyên sanh thì không có một sự vật nào tự nó đứng yên bởi nó. Nếu nhìn một cách hời hợt với tâm trạng giản đơn, ta thấy nó có đứng yên tương đối, nhưng nó luôn luôn chuyển hóa từng sát na, theo luật vô thường vận động. Đó là nghĩa **KHÔNG** của Phật học nói. Đừng hiểu nghĩa **KHÔNG** của đạo Phật như cái không của sừng thỏ lông rùa, mà phỉ báng Như Lai!

Dù đạo Phật có đề cập nghĩa **KHÔNG** như thế, nhưng không được chấp có cái **KHÔNG** bất cứ dạng nào.

“...*Khí hữu trước vô bệnh diệt nhiên*”

Thí như tỵ nịch nhi đầu hỏa”....

Bỏ cái **CÓ** đi tìm cái **KHÔNG**, cũng là một thứ chết khô, như sợ chết nước, đâm đầu vào chết lửa, chẳng hơn kém chút nào!

Mà phải hiểu:

“...*Diệt Vi thị giả danh*”...

Cái KHÔNG cũng là giả danh. Vì không có cái thật không ở trên cõi đời này. Vì KHÔNG vẫn là một PHÁP. Đã là một PHÁP tức là một hình thức CÓ Nếu nó không là CÓ, làm sao bạn biết nó là KHÔNG?

Phải hiểu:

*“... Chúng nơn duyên sanh pháp
Ngã thuyết tức thị KHÔNG
Diệc vi thị giả danh
Diệc thị trung đạo nghĩa”...*

Thế thì:

SẮC tức thị KHÔNG
KHÔNG tức thị SẮC
SẮC là KHÔNG
KHÔNG là SẮC, vậy.

Thử tìm nghĩa DUYÊN SANH qua mười tám giới, ta thấy:

Thập bát giới là do = 6 căn + 6 trần + 6 thức thành 18 giới: nếu tách riêng CĂN , TRẦN, THỨC thì chẳng còn gì để gọi.

Tóm lại, Phật phủ định thập nhị nhập, thập bát giới là nhằm khẳng định lý: **“VẠN PHÁP DUYÊN SANH”**. Tất cả hiện tượng đều cùng một tính: **Y THA KHỔ**. Vì có nhân duyên nên Như Lai nói: **“Thập nhị nhập, thập bát giới đều KHÔNG”**.

---o0o---

XXXIII. PHÁP TỨ ĐẾ, THẬP NHỊ NHÂN DUYÊN LÀ PHƯƠNG THUỐC DĨ ĐỘC TRỊ ĐỘC CỦA NHƯ LAI

Xá Lợi Phát! Không có vô minh, hành, thức, danh sắc, lục nhập, xúc thọ, ái, thủ, hữu, sanh, lão tử.

Không có hết vô minh, hết hành, hết thức, hết danh sắc, hết lục nhập, hết xúc, hết thọ, hết ái, hết thủ, hết hữu, hết sanh, hết lão tử.

Không có khổ, tập, diệt, đạo.

Không có trí chứng và cũng không có sở đắc.

TRỰC CHỈ

Vô minh, hành, thức, danh sắc, lục nhập, xúc thọ, ái, thủ, hữu, sanh, lão tử. Đó là vấn đề hiện thực của kiếp con người. Trừ vô minh, mười một chi còn lại, làm nhân duyên cho nhau, tác động lẫn nhau, hình thành một con người, không còn có gì đáng chê trách.

Con người không còn có gì đáng chê trách.

Bởi vì:

Thanh văn, Duyên giác là ai?

- Là con người.

Bồ tát là ai?

- Là con người.

Phật là ai?

- Là con người.

*“...Tâm Phật cập chúng sanh
Thị tam vô sai biệt”....*

- Rời con người chúng sanh, không có Phật, không có tâm
- Rời tâm, không có chúng sanh, không có Phật.
- Rời Phật, không có chúng sanh, không có tâm

Do đó, không thể gán cho con người là tội lỗi xấu xa. Không có gì đáng chê trách con người, dù con người có sanh, lão tử. Nhàm chán chê trách sanh, lão tử vẫn là vô minh che lấp. Đó là người bi quan yếm thế. Người như vậy, chẳng những tu tam a tăng kỳ kiếp mà có tu “tứ”, “ngũ”, “lục” a tăng kỳ kiếp cũng không bao giờ biết Phật là gì. Họ không bao giờ tìm đâu cho ra Phật.

Trúc Lâm sơ tổ đã gặp Phật xuất hiện ở tại đất nước Việt Nam, ông Phật của chính mình qua chân lý:

***“...Nhất thiết pháp bất sanh
Nhất thiết pháp bất diệt
Nhược năng như thị giải
Chư Phật thường hiện tiền***

Hà khứ lai chi hữu”...

Thành Phật, không cần phải đi đâu, đến đâu cả. Phật vẫn hiện tiền, khi hành giả thể nhập được: sự sanh diệt của các pháp là sanh diệt trong cái không sanh diệt. Cái không sanh diệt, hiện hữu trong cái sanh diệt.

Sanh, lão, tử là một công lệ hiển nhiên, là qui luật chung của vũ trụ như sinh. Sống trong vũ trụ như sinh mà chê chán vũ trụ như sinh, lại gởi gắm tâm hồn trong cảnh hư vô, không dựa vào thực tế là sai lạc vào “không vô biên xứ”, “vô sở hữu xứ định” sẽ mãi mãi triền miên trong đau khổ, không có ngày biết Phật là ai!

A Nan, Ca Diếp, Xá Lợi Phất...là người thế nào?

- Vẫn không rời sanh, lão, tử, không rời vũ trụ nhân sinh.

Phật là người thế nào?

- Vẫn là con người sanh, lão, tử, không rời vũ trụ nhân sinh.

Khi được các thứ Niết bàn có phải chẳng các Ngài bay đến một cảnh giới nào xa lạ?

- Không. Các Ngài có Niết bàn ở tại cõi đời này. Phật có Bồ đề vẫn ở tại cõi đời này.

Theo giáo lý Phật, cái làm cho con người đáng chê trách **VÔ MINH**. **CHÍNH VÔ MINH** làm cho con người trở thành đáng chê đáng chán. Chính **VÔ MINH** làm cho cảnh giới này trở thành cảnh giới khổ đau.

Khổ vui là người, chứ không phải cảnh giới. Mê ngộ là ý thức tâm vương chứ không phải là người.

Các bạn muốn biết **VÔ MINH** là gì. Nó ở đâu phải không?

Vô minh thì “vô tại vô bất tại”, không ở đâu và không đâu chẳng ở.

Nó ở xa các bạn vô vàn vô vàn vũ trụ bao la. Nhưng nó đến với bạn rất nhanh trong chớp mắt, khi bạn bắt chọt lươn leo vật tư của xí nghiệp, nếu bạn là công nhân viên hay một ông giám đốc. Bạn bày ra trò nương sao giải hạn với ba bộ “tam sinh”, với năm bầy nô tỳ giầy, với con ngựa “thiên lý mã xương tre” là vô minh đến với bạn rồi đó, nếu bạn là trụ trì ở một ngôi chùa.

Nói như vậy, chứ vô minh chẳng có gì nguy hiểm lắm đâu.
Với người đạ đạo, nói thẳng thừng rằng: “Thật tánh vô minh là Phật tánh”

Cho nên, **VÔ MINH** còn không có, làm gì **HẾT VÔ MINH**.

Nói về tứ đế cũng vậy.

Không phải con người là **KHỔ**, không phải cõi đời là **KHỔ**.

Tôi nói vậy các bạn ngạc nhiên lắm phải không?

Các bạn hãy thật với lòng, trả lời vấn đề tôi nêu ra, tự khắc các bạn sẽ hết ngạc nhiên:

Xá Lợi Phất, Tu Bồ Đề, Phật Thích Ca là người hay không là người?

Khi được Bồ Đề Niết Bàn, các Ngài là người hay hết là người?

Khi các Ngài được Bồ Đề, Niết bàn ở tại cõi đời này, hay các Ngài đến một cảnh giới nào xa xăm khác?

Các bạn trả lời đi!

Các bạn hiểu rồi chứ!

Nếu chưa hiểu, mời các bạn tụng một bài kinh:

“...Nhất thiết chư pháp

Vô vi Phật pháp

Nhi ngã bất liễu

Tùy vô minh lưu

Thị tắc ư Bồ Đề Trung

Kiến bất thanh tịnh

Ư giải thoát trung

Nhi khởi triền phược”...

Tứ đế chỉ là pháp duyên sanh; vì có nhân duyên. Như Lai nói, nhưng đó là phương chước: **ĐĨ ĐỘC TRỊ ĐỘC** của bậc Vô Thượng Y Vương!

TRÍ để chiếu phá **VÔ MINH**. Mà Vô Minh thì không tự thể. Vô Minh không có, thì Phật tánh bản nhiên tự hiện. Người xưa nói:

“Thiên giang hữu thủy, thiên giang nguyệt.

Vạn lý vô vân, vạn lý thiên”

(Bao trăng có nước bao trăng hiện

Mây dậm không mây mây dậm trời)

Bây giờ **TRÍ** và **ĐẮC** không còn công dụng:

KHÔNG TRÍ CŨNG KHÔNG ĐẮC là như vậy.

---o0o---

XXXIV. BÁT NHÃ BA LA MẬT LÀ DUYÊN NHÂN CỦA VÔ THƯỢNG CHÁNH ĐẲNG CHÁNH GIÁC

Xá Lợi Phất! Vì không sợ đặc mà Bồ tát hành xử tốt Bát Nhã Ba La Mật, nhờ vậy tâm không quái ngại. Vì không quái ngại mà không có sự kinh hãi sợ sệt, xa lìa mộng tưởng điên đảo, cứu cánh Niết bàn.

Ba đời chư Phật, hành xử tốt Bát Nhã Ba La Mật mà được Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

Cho nên, Bát Nhã Ba La Mật là chú Đại thân, là chú Đại minh, là chú Vô thượng, là chú Tuyệt luân không gì so sánh. Nó hay trừ tất cả khổ, chân thật bất hư. Vì vậy gọi Bát Nhã Ba La Mật là chú:

Gate gate paragate parasamgate bodhi svaha (Yết đế, yết đế, ba la yết đế, ba la tăng yết đế bồ đề tát bà ha)

TRỰC CHỈ

Hành xử tốt Bát Nhã Ba La Mật, được thể hiện qua con người **KHÔNG SỢ ĐẶC**. Nói ngược lại, **KHÔNG SỢ ĐẶC** là biểu hiện hành xử tốt Bát Nhã Ba La Mật. Hành xử tốt Bát Nhã Ba La Mật cũng có nghĩa là **QUÁN CHIẾU** Bát Nhã đạt đến độ **HÀNH THÂM**.

“**HÀNH THÂM BÁT NHÃ BA LA MẬT ĐA THỜI CHIẾU KIẾN NGŨ UẨN GIAI KHÔNG**” thì còn có sợ đặc gì?

Vì **KHÔNG SỢ ĐẶC**, nên không có sự mắc mứu, vướng víu trong lòng, cho nên Bồ tát không còn gì để sợ sệt kinh hãi. Do vậy, xa rời tất cả mộng tưởng điên đảo, có Niết Bàn, đạt được Niết bàn.

Bồ tát đã vậy, Phật cũng vậy thôi. Cũng dựa vào Bát Nhã Ba La Mật mà được Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, có Niết bàn.

Niết bàn của Bồ tát có khác với Niết bàn Phật ở chỗ: vẫn cứu kính nhưng hữu thượng. Còn Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác và Niết Bàn Phật thì vô thượng.

Cái yếu tố kết hợp hình thành Bồ đề, Niết bàn là Bát Nhã Ba La Mật. Bát Nhã Ba La Mật là **DUYÊN NHÂN** Phật tánh.

Bát Nhã không phải là kinh, càng không phải là **CHÚ**. Nhưng vì phạm phu ngoại đạo họ chấp mắc, tự hào với những thứ chú: **ĐẠI THẦN ĐẠI MINH** của họ. Trong khi Bát Nhã Ba La Mật Đa, tuyệt diệu hơn, lợi lạc chúng sanh hơn gấp hàng hà sa số vạn ức tỷ lần. Vì lợi ích chúng sanh, vận dụng phương tiện, Phật phải nói lời so sánh:

Rằng: Bát Nhã Ba La Mật Đa là: Chú **ĐẠI THẦN**, là chú **ĐẠI MINH**, và còn hơn thế nữa, là: Chú **VÔ THƯỢNG** và chú **VÔ ĐẲNG ĐẲNG**, hết đường so sánh. Và nó có khả năng trừ hết khổ lụy chúng sanh. Nó là thứ chú: Gate gate paragate parasamgate bodhi svaha.

Đừng cắt nghĩa giải thích gì câu ấy cả. Nếu có thể làm được, ngắt lịm đi trong chừng một phút khi đọc:

Gate gate paragate parasamgate bodhi svaha

---o0o---

PHỤ LỤC

BÁT NHÃ BA LA MẬT, MỘT TRONG NHỮNG HỆ TƯ TƯỞNG GIÁO LÝ CỦA ĐẠI THỪA PHẬT GIÁO VIỆT NAM

Bài tham luận của Hòa Thượng Thích Từ Thông đọc trong cuộc Hội thảo tại Viện Khoa Học Xã hội Thành phố Hồ Chí Minh do Viện Triết học Trung ương tổ chức.

Qua đề tài này, tôi xin lần lượt nêu lên những điểm gợi ý như sau:

I. SỰ HIỆN DIỆN LÂU ĐỜI CỦA PHẬT GIÁO VIỆT NAM TRÊN ĐẤT NƯỚC

Phật giáo Việt Nam, đối với dân tộc, nó có một quá trình gắn bó lâu dài. Giai đoạn nổi nét nhất trong lịch sử Phật Giáo Việt Nam là những thời đại dân tộc

quạt cường, đứng lên dành độc lập, đòi chủ quyền đất nước qua những triều đại: Đinh, Lê, Lý, Trần, phong kiến thời xưa. Điều đó, người Việt chắc không ai phủ nhận. Còn sự đóng góp Phật giáo nhiều hay ít, tiêu cực hay tích cực đối với dân tộc Việt Nam thì khó mà phê phán và đánh giá trong một vài tiếng đồng hồ, trên năm mười trang giấy. Nhận xét và đánh giá về mặt tư tưởng và triết lý lại khó hơn nhiều.

Phật học có từ tam tạng. Có nghĩa là kinh điển Phật giáo nhiều lắm. Có thể trừ nó bằng kho, vì nó có cả tạng kinh, tạng luật và tạng luận. Cho nên muốn nhận xét, phê phán, và đánh giá tư tưởng về triết lý Đạo Phật, theo tôi nghĩ, không thể xem một vài bộ kinh, đôi ba quyển luận nào đó, mà đánh giá toàn bộ giáo lý Phật.

Bằng vào giáo lý Đại thừa, Tiểu thừa, Nguyên thủy hay không nguyên thủy, càng tỏ ra thiên cận hẹp hòi, không thể phê phán trúng đạo Phật.

Lần ra giảng cho Tăng Ni trường Phật học Cao cấp ở chùa Quán Sứ thủ đô Hà Nội, tôi rất tâm đắc ý nghĩa hai câu đối này:

**“LÃM NGŨ THỜI BÁT GIÁO, KỶ CƯƠNG KINH LUẬT LUẬN
CHƠN TAM MUỘI HẢI”**

**“CHIẾU THẮT ĐẠI TỬ KHOA, KHAI HỢP VĂN TỰ TU ĐỆ NHẤT
NGHĨA THIÊN”**

Muốn nhận thức Phật học toàn diện, tôi xin thưa: phải học cách tư duy đó rồi sau mới phê phán. Nếu không, tôi xin thưa: chúng ta sẽ bị sai lầm về Phật giáo theo kiểu của một anh chàng: cho con voi như cái quạt mo.

Cũng là một điều kiện tiên quyết, muốn hiểu giáo lý Phật, phải hiểu Phật chỉ là một Y Vương, là bậc Pháp Vương vô thượng như các đệ tử Ngài thường tôn xưng qua danh hiệu đó, kinh Kim Cang Bát Nhã Phật bảo: “N hư Lai sở thuyết pháp, giai bất khả thủ, bất khả thuyết, phi pháp, phi phi pháp. Sở dĩ giả hà? Nhất thiết thánh hiền giai dĩ vô vi pháp nhi hữu sai biệt”.

Rằng Như Lai thuyết pháp đều không được cố chấp bảo thủ. Cũng không nên vội cho pháp này là đúng, pháp kia không đúng. Vì sao vậy?

- Vì Phật nói một pháp thôi, mà kẻ chứng Thánh, có người chỉ đến bậc Hiền.

---o0o---

II. VẤN ĐỀ ĐẠI THỪA, TIỂU THỪA QUA LĂNG KÍNH BÁT NHÃ BA LA MẬT.

Trong kinh điển Phật, có đề cập về Đại thừa và Tiểu thừa. Thừa có nghĩa là chuyên chở, vận tải, ví như sự vận tải chuyên chở của một chiếc xe. Sức chở nhiều người là Đại thừa.

Chở ít gọi Tiểu thừa. Nghiêng về tự lợi ví như xe nhỏ. Tích cực vị tha ví như Đại thừa. Về mặt tư duy cũng thế. Tiếp thu có mức độ hạn hẹp, ví như xe nhỏ. Tiếp thu giáo lý thâm diệu cao siêu ví như xe lớn. Nhưng cả hai khuynh hướng, hai trình độ cũng là đệ tử Phật, là giáo lý của Phật mà thôi.

Người nghiên cứu tu học giáo lý Đại thừa, chê bai công kích hệ giáo lý Tiểu thừa là người chưa hiểu gì về đạo Phật. Ngược lại, người nghiên cứu tu học hệ giáo lý Tiểu thừa, chê bai công kích hệ tư tưởng Đại thừa cũng là người chưa hiểu gì về đạo Phật. Bảo rằng giáo lý này mới là nguyên thủy càng si mê thiển cận đến độ tham lam.

“Như Lai đản dĩ nhất Phật thừa cố, vị chúng sanh thuyết pháp, vô hữu dư thừa nhược nhị nhược tam”..

Như Lai trước sau như một, chỉ lấy pháp nhất thừa vì chúng sanh thuyết pháp, ngoài ra không có thừa nào khác để gọi là tam hay nhị.

Sử dụng Bát Nhã Ba La Mật, tất cả quả vị CHÚNG ĐẮC từ thấp tới cao đều là thứ danh ngôn ước định. Tam thừa, nhị thừa là “HÓA THÀNH”, là phương tiện của một đạo sư.

---o0o---

III. THẾ GIỚI QUAN CỦA PHẬT GIÁO QUA GIÁO LÝ BÁT NHÃ BA LA MẬT

Thế giới quan của một nền triết học là vấn đề rất lớn. Nó là then chốt của nền triết học đó. Sự thọ yếu của nền triết học đó tùy thuộc vấn đề thế giới nhân sinh quan của triết học đó hữu lý hay không, có được đồng đạo quần chúng tiến bộ trên thế giới chấp nhận hoan nghênh hay không.

Ngày xưa, khi còn tại thế, đức Phật có kể câu chuyện về những người mù sờ voi. Chỉ một con voi thôi mà mỗi người diễn tả hình dạng con voi không ai giống ai hết. Rồi họ bực tức đến nổi đấu đá nhau, làm cho những người sáng mắt chứng kiến một trận cười lý thú.

Theo sự hiểu biết của tôi, khi sinh thời, Phật thường không đề cập vấn đề thế giới quan, nhân sinh quan với các đệ tử mình. Nói cách khác, không đề cập vấn đề triết học, vì chưa cần thiết đặt vấn đề nghiên cứu trong giai đoạn ấy.

Vả lại các ngoại đạo: Bà La Môn, số luận v.v..họ đã đưa ra thế giới quan theo kiến giải của họ. Kết quả, đưa những người theo họ tôn thờ Thần Ngã, Phạm Thiên...mọi người trí đều cho là vô lý. Thế giới quan đưa ra, nhưng người nghe không có khả năng biện chứng trước khi tiếp thu về triết lý đó, thì có nói thế này thế nọ cũng bằng thừa, chẳng khác nào đưa những người bệnh hoạn thêm com, từ thứ trái độc này sang thứ trái độc khác.

Đức Phật dù không nói thế giới quan, không đề cập đến vấn đề triết học, nhưng khi hướng dẫn phương pháp diệt khổ cho đệ tử mình Phật nói:

... “ *Thế gian vô thường*

Quốc độ nguy thúy Tứ đại khổ không Ngũ ấm vô ngã ...”

Có nghĩa là: Các ông, đệ tử Phật phải học về sự thật của cuộc đời. Rằng thế giới là một sự thật, nó tồn tại khách quan. Nhưng nó luôn luôn ở trong quá trình vận động sanh diệt, diệt sanh không bao giờ đứng yên cố định.

Con người cũng là một hiện hữu, kết hợp bởi ngũ uẩn tứ đại hình thành. Trong một thể thống nhất của con người, luôn luôn chuyển hóa, từ thể chất đến tư duy, không có cái gọi là “bản ngã” đứng yên bất động.

Qua ý kinh ngắn ngủi đó, nếu phải dùng từ “thế giới quan” ta có thể nói: Thế giới quan của Phật giáo là **VŨ TRỤ VẠN HỮU ĐỀU LÀ PHÁP NHÂN DUYÊN SANH KHỞI**. Nên triết lý đó được biểu hiện qua giáo lý: **VÔ THƯỜNG, VÔ NGÃ** của thế giới và của con người.

---o0o---

IV. PHẬT GIÁO LÀ DUY VẬT QUA CÁI NHÌN BÁT NHÃ BA LA MẬT

Tôi xin đơn cử một thí dụ nhỏ nhoi. Dù nhỏ nhoi nhưng là giáo lý cơ bản của Phật giáo.

Qua cái nhìn Bát Nhã Ba La Mật Phật nói”

...NGŨ UẨN GIAI KHÔNG”...

Dưới mắt người Phật giáo có học Phật, người ta có thể cho Đức Phật là nhà triết học duy vật ở thời đại 25 thế kỷ trước. Bởi vì trong bốn chữ NGŨ UẨN GIAI KHÔNG: ta thấy Đức Phật dạy cho các đệ tử:

Một hiện tượng vật thể nào ra đời cũng từ một hiện tượng hoặc nhiều hiện tượng khác kết hợp mà thành.

Mọi sự vật hiện tượng đều tồn tại khách quan. Mọi sự vật hiện tượng luôn luôn trong quá trình vận động không ngừng. Sự vật này diệt đi, sanh lại sự vật khác, không có cùng tận.

Phủ định NGŨ UẨN GIAI KHÔNG, có nghĩa là đánh đổ về 3 lần rưỡi về tâm vương, tâm sở ở phía gọi là TÂM. Về vật chất chỉ phủ định có một lần rưỡi thôi

Thế thì dựa vào đâu mà người ta bảo đức Phật chủ trương DUY TÂM? Tại sao không nói Phật là nhà DUY VẬT hai mươi lăm thế kỷ trước?

Đành rằng trong kinh điển Phật rõ ràng có nói:

“NHẤT THIẾT DUY TÂM TẠO”

Nhưng không phải vì vậy mà ai muốn phê phán chê trách kiểu nào cũng được. Cái chữ TÂM trong Phật giáo có:

Nhục đoàn tâm

Duyên lự tâm -Chơn tâm

Vọng tâm

Tích tập tâm

Tích tụ tinh yếu tâm

Tâm vương

Tâm sở

DUY TÂM là thứ triết lý siêu hình. Mà siêu hình đồng nghĩa với hoang đường, viễn vông, không tư, hư tưởng. Những người Phật giáo có học giáo lý Phật, chúng tôi rất đồng ý về sự phê phán đó.

Nhưng nếu ai đó, bảo rằng giáo lý đạo Phật là duy tâm siêu hình, thì xin lựa dùm trong các thứ TÂM vừa nêu, Phật giáo DUY thứ TÂM nào? Và giải thích vì sao nó đáng chê trách?

“...Như Lai thuyết chư tâm giai vi phi tâm thị danh vi tâm. Quá khứ tâm bất khả đắc, hiện tại tâm bất khả đắc, vị lai tâm bất khả đắc”.

Qua cái nhìn Bát Nhã Ba La Mật, Đức Phật đã phủ nhận cái tâm như thế đấy, mà bảo Đạo Phật DUY TÂM, vậy Phật đã DUY thứ TÂM nào?

---o0o---

V. ĐẠO PHẬT LÀ VÔ THẦN VỚI NHẬN THỨC BÁT NHÃ BA LA MẬT

Vì rằng vũ trụ quan của Phật giáo là TỨ ĐẠI DUYÊN SINH, Y THA KHỔ TÁNH.

Vì rằng nhân sinh quan của Phật giáo là NGŨ UẨN HỢP THÀNH

Con người tự định đoạt số phận của mình qua giáo lý NHÂN QUẢ LUÂN HỒI, trong kinh điển Phật

“...Kim sanh tiệm tu quyết đoán, tướng liệu bất do biệt nhân”...

Qua cái nhìn Bát Nhã Ba La Mật: Quả VÔ THƯỢNG CHÁNH ĐẰNG CHÁNH GIÁC không phải địa vị dành riêng cho một Như Lai, hà huống có địa vị của một đấng “Thần linh” nào xen vào việc nội bộ của con người Phật giáo.

Tất cả giai vị, thấp nhất là Tu đà hoàn...cho đến Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, Phật, đều không được xem là quả vị CHÚNG ĐẮC. Không một ai có quyền ban phúc giáng họa cho ai.

- “Tu đà hoàn danh vị nhập lưu nhi vô sở nhập, bất nhập sắc thanh hương vị xúc pháp thị danh Tu Đà Hoàn”...

VI. ĐẠO PHẬT KHÔNG LÀ TÔN GIÁO

Vì Phật giáo không bao giờ chấp nhận quyền lực của bất cứ một “đấng Thần linh” nào.

Đệ tử Phật cũng không phải là loại: **TÍN NGƯỠNG**. Vì **TÍN NGƯỠNG** là thứ đức tin dành cho những người có tôn giáo. Tôn giáo và tín ngưỡng như bóng với hình.

Đức tin của những người Phật giáo không phải loại **TÍN NGƯỠNG** như người ta thường hiểu sai về nó. Đức tin của người Phật giáo phải được gạn lọc và tôi luyện sáu mặt vững chãi như sau:

TÍN TỰ

TÍN THA

TÍN NHÂN

TÍN QUẢ

TÍN SỰ

TÍN LÝ

Đủ sáu yếu tố đó, được gọi là người Phật tử có **CHÁNH TÍN**. Theo cái nhìn của người Phật giáo có học Phật, cái từ **TÍN NGƯỠNG** đồng nghĩa với **MÊ TÍN** rồi.

Vậy Đạo Phật phải chăng là triết học?

Theo định nghĩa ở tự điển Đào Duy Anh: Triết học là thứ học vấn nghiên cứu về nguyên lý vũ trụ và nhân sinh.

Theo định nghĩa của triết học **MÁC LENIN** do Ban Tuyên huấn Trung ương, xuất bản ở Hà Nội: Triết học là hệ thống những quan điểm và quan niệm chung của con người về thế giới là thế giới quan của một giai cấp hay một lực lượng xã hội nhất định.

Qua hai định nghĩa trên, ta thấy về cơ bản có giống nhau ở điểm: cùng nghiên cứu vũ trụ nhân sinh, để hệ thống những quan điểm và quan niệm chung của con người và vũ trụ.

Nhưng định nghĩa của Triết học Mác Lenin thì rõ ràng và cụ thể hơn nhiều. Ngay trong định nghĩa đã hé mở cánh cửa cho thấy: Rằng một triết học phải chú trọng đối tượng và mục tiêu của nó. Vì bất cứ một triết học nào cũng đều có đối tượng của triết học đó. Nó phục vụ cho một cái gì, cho một giai cấp nào, cho một lực lượng xã hội nào.

Phật giáo là triết học hay không là triết học phải giải quyết như thế này:

Phật có đề cập vấn đề thế giới qua giáo lý **TỨ ĐẠI DUYÊN SANH**, nhưng Phật không là nhà triết học có thế giới quan như vậy.

Phật có đề cập vấn đề NHÂN SINH, qua giáo lý NGŨ UẨN HỢP THÀNH, nhưng Phật không là nhà triết học NHÂN SINH QUAN như vậy.

Cho nên, Phật giáo là nền giáo lý Phật, là lời dạy của Đức Phật.

Đối tượng của đức Phật nghiên cứu và hệ thống là: nỗi thống khổ và nguồn gốc về nỗi thống khổ của con người.

Đức Phật không cho mình là nhà triết học, cũng như không muốn cho các đệ tử gọi Phật là nhà triết học thông thái vấn đề vũ trụ nhân sinh.

Kinh tạng A hàm có chép:

Ngày xưa, lúc còn tại thế, có lần các đệ tử tò mò hỏi Phật về vấn đề thế giới nhân sinh, tức là những thắc mắc về nguồn gốc vũ trụ và con người. Không giải đáp vấn đề, mà Đức Phật nói kinh Tiên dụ: lấy ví dụ một người phải tên độc, Phật nói: Một thầy thuốc giỏi, trước cảnh người bị phải tên độc sắp lâm nguy, là hành động. Hãy mau nhổ mũi tên độc ra và tra cho nạn nhân thứ thuốc cực kỳ công hiệu để chặn đứng khổ đau cho con bệnh. Chưa cần thiết điều tra chủng loại của mũi tên, cây tên, dây cung, gỗ làm cung và người bắn thuốc chủng tộc nào...

Phật nói các đệ tử: Các ông là những người bị phải tên độc. Công việc của Như Lai là công việc của y sư. Các ông nên siêng năng tu học để trị lành vết thương mà các ông đang đau khổ. Sau đó các ông sẽ được an vui. Vấn đề thế giới hữu biên, vô biên v.v..Như Lai chưa cần thiết phải nói với các ông về việc đó.

Bởi lẽ đó, kinh điển Phật thường gọi Phật là: VÔ THƯỢNG Y VƯƠNG mà không là NHÀ TRIẾT HỌC.

Đức Phật không là nhà triết học thì giáo lý của đạo Phật hẳn không là triết học rồi.

Nhìn qua lăng kính Bát Nhã Ba La Mật, ta thấy rõ thêm điều đó:

“...Tu Bồ Đề! Ông đừng cho rằng Như Lai có thuyết pháp. Nếu nói Như Lai có thuyết pháp là phỉ báng Như Lai: Thuyết pháp giả vô pháp khả thuyết, thị danh thuyết pháp. Thị cố Như lai thường thuyết: Nhữ đẳng Tỳ Kheo, tri ngã thuyết pháp như phiệt dụ giả...Pháp thượng ung xã hà hưởng phi pháp”.

Trên đây là những tri kiến của người nhìn giáo lý Phật, qua lăng kính Bát Nhã Ba La Mật. Với tầm hiểu biết hạn hẹp của mình, tôi nêu ra đây, hy vọng được xem là những gợi ý. Là những điều gợi ý thôi, để các đồng chí có trách nhiệm ở Viện Triết Học Trung Ương nghiên cứu các triết học, trong đó có thứ triết học mà không triết học của Phật giáo.

Thích Từ Thông

---o0o---

TÂN XUÂN TỰ CẢM

Thái tuế đáo xuân kỳ
Tâm như thiếu tiểu kỳ
Bất tăng hề bất giảm
Nhu nguyệt lãng thanh thiên
Thân như toàn hỏa chuyển
Tranh tợ bộc bố lưu
Thác bạch diện sô hồn bất cố
Ngao du tự tại nhận thi vi.

Dịch nghĩa

NĂM MỚI TỰ CẢM

*Sáu mươi lẻ một xuân tròn
Lòng sao như trẻ thuở còn ngây thơ
Thênh thang từ bấy đến giờ
Nhu vàng trắng bạc pha màu trời xanh
Thân như vàng lửa quay nhanh
Tựa hồ nước thác dệt thành vải trôi
Mặc cho tóc bạc da mồi
Ở đi theo ý làm thôi bởi mình*

Xuân Mậu Thìn - 1988
Thích Từ Thông

---o0o---

QUẢ VÔ THƯỢNG CHÁNH ĐẲNG CHÁNH GIÁC CỦA NHƯ LAI CHỈ LÀ KẾT QUẢ CỦA QUÁ TRÌNH CẢI TẠO, XÂY DỰNG VÀ SỐNG ĐÚNG, SỐNG HỢP VỚI CHÂN LÝ

I. ĐỨC PHẬT LÀ MỘT CON NGƯỜI NHƯ BAO CON NGƯỜI CÓ MẶT TRÊN QUẢ ĐẤT NÀY:

Tất cả đệ tử Phật đều biết. Đức Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật của chúng ta vốn là một con người, một con người như bao nhiêu con người khác, đã sanh ra và lớn lên trên mặt đất này cách đây 25 thế kỷ. Bằng lời nói kinh viện bóng bẩy, văn hoa, người ta nói Đức Phật Thích Ca Mâu Ni là con người có thật, mà lịch sử đã ghi chép trong kho tàng lịch sử của nhân loại: Rằng Đức Phật có mẹ cha, có vợ con, có quá trình xuất gia hành đạo và cuối cùng giác

ngộ chân lý (đắc đạo) dưới cội Bồ đề. Từ đó người ta bảo là Ngài thành Phật, được quả Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

Đó là chặng đường phân nửa trước, một vị Thái tử tên là Tất Đạt Đa con vua Tịnh Phạn và Hoàng hậu Ma Da, đã cải tạo và xây dựng (Tu = cải tạo. Hành = xây dựng) bản thân mình từ một con người thường, một người bất giác như bao người bất giác khác, trở thành một “Vị Phật”, một GIÁC GIẢ cho chính bản thân mình. Thế là Như Lai đã vượt qua một khúc quanh vô cùng quan trọng trong cuộc “cải tạo” và “xây dựng” bản thân. Ngài đã được “VIÊN THÀNH TỰ GIÁC”. Đoạn đường còn lại, đức Phật nêu ra phương hướng nhiệm vụ mới, là cải tạo và xây dựng môi trường sống, xây dựng xã hội con người. Đức Phật bắt đầu phát động tuyên truyền dây lên phong trào khuyến thiện: Tôi đã tu, các ông nên tu, tất cả mọi người hãy cùng tu. Tôi đã giải thoát giác ngộ, tất cả mọi người hãy học tu để được giải thoát giác ngộ. “Đây là khổ...đây là tập...đây là diệt...đây là đạo...”Người ta gọi Đức Phật bấy giờ làm cái việc “THUYẾT PHÁP ĐỘ SANH”. Suốt 49 năm (hay 45 năm) rày đây mai đó, có lúc gặp thuận cảnh, cũng có lúc gặp nghịch duyên. Bọn ngoại đạo Bà La Môn v.v...run sợ trước ánh sáng vàng vạc chói lòa chân lý của Đức Phật, rồi đây nèn giáo lý đó sẽ soi thủng những tấm màn thâm đen dày đặc vô minh rặc mùi mê tín dị đoan, mà chúng đang mê hoặc đầu độc mọi người. Tự thấy mình đang đứng trên bờ hổ thảm diệt vong, chúng ra sức phản tuyên truyền chống đối, và có nhiều lần ra tay hãm hại Phật. Nhưng tất cả âm mưu của chúng không thành. Với ý chí vị tha vô hạn kiên cường, bất khuất, đức Phật đã thành công, hàng Thanh văn, Duyên giác tiếp thu lời giáo huấn của Ngài và từ đó, đệ tử Phật chứng quả Bồ đề, Niết bàn hàng loạt. Đến đây, đức Phật hoàn thành nhiệm vụ “giác tha”. Cuối cùng, Ngài thị tịch an nhiên nơi rừng Ta La Song Thọ...kinh điển gọi là Phật Bát Niết Bàn.

---o0o---

II. QUẢ VÔ THƯỢNG CHÁNH ĐẲNG CHÁNH GIÁC LÀ MỘT SỰ THỂ HIỆN CÁCH SỐNG ĐÚNG VỚI CHÂN LÝ CỦA VỮ TRỤ VẠN HỮU KHÁCH QUAN:

Đề cập đến chân lý, nhiều khi người ta tưởng cái gì cao xa sâu thẳm...và huyền bí lắm. Sự thật thì không quá cao xa..như ai đó tưởng..Người ta có thể trả lời câu hỏi:

CHON LÝ LÀ GÌ?

CHON là thật, LÝ là lẽ. Chon lý là cái lý lẽ có thật của vạn tượng vạn hữu của của cuộc đời này...Ví dụ:

Sanh, lão, bệnh, tử của kiếp con người, nó thành một cái lẽ thật không có một thế lực nào hoá cái cho khác hơn được. Đó là một chân lý.

Thành, trụ, hoại, không của vũ trụ vạn hữu, không ai có thể làm cho nó đổi khác hơn được. Đó cũng là một chân lý.

Vì tất cả những điều đó là “lẽ thật”, nói một cách khác: đó là “quy luật” tất nhiên của hiện tượng vạn pháp.

Như Lai Thế Tôn chỉ là một con người có trí tuệ nhận thức tột cùng chân lý ấy và sống hợp, sống đúng với chân lý, với quy luật của hiện tượng vạn pháp ấy mà thôi. Để xác định rõ vấn đề, ta hãy đọc những lời dạy của Đức Phật dạy cho ông Tu Bồ Đề.

“Bach Thế Tôn! Quả Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác của Phật Như Lai không có được gì ư?” Ông Tu Bồ Đề thưa.

Phật bảo: “Đúng vậy, đúng vậy! Tu Bồ Đề, quả Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, Như Lai thật chẳng có được một tí ti gì, gọi là **VÔ THƯỢNG CHÁNH ĐẲNG CHÁNH GIÁC, VẬY THÔI**”.

“Tu Bồ Đề! tại vì Như Lai có cái nhận thức bình đẳng đối với hiện tượng vạn pháp. Như Lai không đánh giá vạn pháp quá thấp, cũng không đánh giá vạn pháp quá cao. Nhận thức hiện tượng vạn pháp Như Lai không có tướng ngã, tướng nhân, tướng chúng sanh và tướng thọ yếu giả. Như Lai hằng sống trong thiện pháp nên gọi là Như Lai “**TU NHẤT THIẾT THIỆN PHÁP VÀ NHƯ LAI ĐƯỢC VÔ THƯỢNG CHÁNH ĐẲNG CHÁNH GIÁC, VẬY THÔI**”.

“Tu Bồ Đề! Nói là “Thiện pháp” kỳ thật chẳng có “thiện pháp” gì mà gọi là “thiện pháp”, vậy thôi”.

Qua ý tứ, đoạn Kinh Kim Cang Bát Nhã Ba La Mật đó, người đệ tử Phật thấy rằng: hiện tượng vạn pháp vốn tồn tại khách quan. Đánh giá thấp hay cao đều là biểu hiện của nhận thức mê lầm, không nhận chân được thực tướng của sự vật hiện tượng. Xóa đi cái quan niệm chấp chặt, đánh giá hiện tượng vạn pháp qua Ngã, Nhơn, Chúng sanh và Thọ giả thì quả Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác tự có, mà không do ai ban cho, cũng không từ đâu đem đến cho bất cứ một Đức Phật nào. Làm được vậy, gọi là Như Lai “Tu tất cả thiện pháp”, kỳ thật Như Lai chẳng có tu “thiện pháp” gì. Như Lai không nghĩ sai, nói sai, làm sai chân lý nên gọi là “thiện pháp” vậy thôi.

Với hiện tượng vạn pháp, Như Lai sử dụng cách: NHƯ THỊ TRI, NHƯ THỊ KIẾN, NHƯ THỊ TÍN GIẢI, không sanh tướng phân biệt so bì của ý thức “biến kế chấp”. Người phạm phu cho là Như Lai chứng quả Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, kỳ thật Như Lai chẳng đắc một tí ti nào.

III. QUẢ VÔ THƯỢNG CHÁNH ĐẲNG CHÁNH GIÁC PHẬT CHỈ LÀ KẾT QUẢ CỦA QUÁ TRÌNH CẢI TẠO, XÂY DỰNG...

Đã là con người thì ai cũng có cái tốt và cái xấu. Người ta đánh giá tốt hay xấu của con người, phần lớn tùy phong tục tập quán và luật pháp của một xã hội. Tuy nhiên cái tiêu chuẩn cơ bản của vấn đề tốt xấu, tội phước thiện ác là: Ai làm những điều ích nước lợi nhà, đem lại những điều an vui hạnh phúc cho nhân quần xã hội, cho cả loài người thì người ta gọi đó là hành vi “thiện”, là con người tốt. Nếu ai đạt đến tột đỉnh của đặc tánh tốt của hành vi “thiện” thì người ta gọi đó là bậc thánh nhân, hay là một vị Phật, một bậc chứng quả VÔ THƯỢNG CHÁNH ĐẲNG CHÁNH GIÁC. Trái lại, là hạng người bất thiện, do có nhiều tham vọng thấp hèn. Hậu quả tất nhiên là họ trở thành hạng người mà người trí xa lánh, xã hội rẽ khinh và luật pháp nghiêm trị. Vì thế người ta có thể xác định: Tốt xấu do người, tội phước do người, thiện ác do người, phạm thánh do người, chúng sanh hay Phật cũng do con người quyết định.

Với nền giáo lý Phật: Phạm phu, Thanh văn, Duyên giác, Bồ tát, Phật, tất cả là con người. Vui khổ khác nhau, là do mê ngộ khác nhau, giải thoát giác ngộ khác nhau là tùy thuộc ở vô minh phiền não trừ diệt được nhiều hay ít.

Qua kinh điển Phật, ta có thể tìm thấy rõ những tác động của tâm sở hữu pháp sau đây, khiến cho con người mê mờ chân lý và tự ràng buộc, tự làm đau khổ lấy mình. Nhóm thứ nhất có tên là CĂN BẢN PHIÊN NÃO hay cũng gọi là Thập sử. Vì nó thường sai sử chúng sanh làm cho chúng sanh luôn luôn triền miên trong đau khổ:

Tham.

Sân.

Si.

Mạn

Nghi.

Thân kiến

Biên kiến.

Tà kiến.

Kiến thủ.

Giới cấm thủ

Nhóm thứ hai có tên là CHI MẠC PHIÊN NÃO hay cũng gọi là TÙY PHIÊN NÃO, vì chúng tùy thuộc CĂN BẢN PHIÊN NÃO mà sanh khởi. Những phiền não chi mặc này gồm có hai mươi món:

1. Phán. 2. Hận. 3. Phú. 4. Não. 5. Tật. 6. Xan. 7. Cuồng. 8. Xiêm. 9. Hại. 10. Kiêu. 11. Vô tầm. 12. Vô quý. 13. Trạo cử. 14. Hôn trầm. 15. Bất tín. 16. Giải đãi. 17. Phóng dật. 18. Thất niệm. 19. Tán loạn. 20. Bất chánh tri.

Đó là những điều mà mọi người đệ tử Phật cần phải “cải tạo” chuyển hóa chúng từ số lượng đến chất lượng, với một mức độ nào đó và dựa trên chất lượng được cải tạo chuyển hóa mà ước định quả vị với một danh ngôn tương đối có mức độ như: Tu Đà Hoàn, Tu Đà Hàm.... Đến khi nào thành Phật là quả vị cải tạo hoàn toàn, chuyển hóa sạch hết chất phiền não vô minh thì người ta gọi đó là quả VÔ THƯỢNG CHÁNH ĐẲNG CHÁNH GIÁC. Song song với quá trình cải tạo chuyển hóa vô minh, người hành giả đệ tử Phật còn xây dựng cho mình ý thức thường ở trong trạng thái chân chính. Đó là:

Chánh kiến

Chánh tư duy

Chánh ngữ

Chánh nghiệp

Chánh mệnh

Chánh tinh tấn

Chánh niệm

Chánh định

Gọi chúng là 8 con đường chính mà thuật ngữ Phật gọi là Bát Chánh Đạo, là chất liệu tinh túy để xây dựng cho con người trở nên Thánh thiện. Bồ thí, Trì giới, Nhẫn nhục, Tinh tấn, Thiền định và Trí tuệ cũng là những chất liệu kiên cố và quyết định để cho con người xây dựng nên quả VÔ THƯỢNG CHÁNH ĐẲNG CHÁNH GIÁC.

---o0o---

IV. NHỮNG NHẬN THỨC SAI LÂM CỦA MỘT SỐ NGƯỜI ĐỆ TỬ PHẬT TRÊN BƯỚC ĐƯỜNG TÌM ĐẾN QUẢ VÔ THƯỢNG CHÁNH ĐẲNG CHÁNH GIÁC

Trong toàn bộ kinh điển Phật, đạo lý nhân quả và vấn đề TRI HÀNH được xem là vấn đề then chốt. Đại Trí Văn Thù Sư Lợi Bồ tát được tiêu biểu cho TRI. Đại Hạnh Phổ Hiền Bồ tát tiêu biểu cho HÀNH. TRI mà không HÀNH ví như có mắt mà cụt chân. HÀNH mà thiếu TRI ví như đôi chân đi khỏe mà mù đôi mắt. Chỉ có khi nào TRI HÀNH hợp nhất mới đem lại kết quả mong muốn cho người con Phật. Khi kiểm điểm lại những ngày tháng trôi qua, sự TRI HÀNH của mình còn rời rạc, Huyền Giác thiền sư than thở viết:

“Ngô tảo niên lai tích học vấn

Diệc tăng thảo sở tâm kinh luận

Phân biệt danh tương bất tri hữu

Khước bị Như Lai khổ hà trách

***Sổ tha trần bảo hữu hà ích
Nhập hải toán sa đồ tự bì
Tùng lai tăng đẳng giác hư hành
Đa niên uổng tác phong trần tác .”***

TRI HÀNH chưa hợp nhất, kết quả còn thăm thẳm xa xôi. TRI sai, HÀNH quá hướng dẫn nhiều người cùng làm như vậy thì thiệt thòi cho những người đệ tử Phật từ thế kỷ này sang thế kỷ khác.

Là những người xuất gia, trưởng tử Phật có trách nhiệm hướng dẫn tinh thần cho Phật tử, truyền bá chánh pháp của Như Lai, chúng ta không thể lơ là, hời hợt để mặc tình cho tà giáo ngoại đạo lung lạc chánh pháp của Như Lai, bôi nhọ giáo lý, xuyên tạc kinh điển bằng những hình thức quá lỗi thời, những nghi lễ nặc mùi vụ lợi để cho người đệ tử Phật thực thà, chất phác, tiền mất tật mang, để cho đạo Phật, người đệ tử Phật, mang tiếng là hạng người mê tín dị đoan, là hạng ký sinh trùng trong xã hội.

Muốn được quả giải thoát giác ngộ phải tu nhân giải thoát giác ngộ. Phù nhận lý nhân quả, không còn là một đệ tử Phật. Chúng ta phải cần nói thẳng với Phật tử chúng ta rằng:

Muốn có giải thoát giác ngộ, không thể có mâm cao, lễ đầy hiến dâng cho Phật

Muốn có giải thoát giác ngộ, không thể có ở sự rải nước và chú nguyện ở các Thày

Muốn có giải thoát giác ngộ, không thể có ở những buổi trai tăng lăm tiền nhiều phẩm vật.

Muốn có giải thoát giác ngộ, không thể có ở những hành động đua tranh tạo tượng Phật lớn, xây chùa to.

Theo giáo lý Phật, tất cả mọi người, không phân biệt giai cấp, không luận giàu nghèo đều có thể đạt đến giải thoát giác ngộ thành tựu VÔ THƯỢNG CHÁNH ĐẲNG CHÁNH GIÁC bằng khả năng nghị lực của chính mình. Con người có khả năng hành động cải tạo những tư tưởng hành động có tánh hắc ám vô minh...Có khả năng xây dựng cho mình một nhận thức trong sáng. Đè cao cảnh giác với bọn giặc cướp: thập sử, thập triền. Thân cận những bạn hữu thuần lương: Tứ nhiếp, lục độ, thất bồ đề phần...và thẳng neo mà đi trên con đường BÁT CHÁNH ...Làm được vậy thì sự giác ngộ giải thoát là của chung của nhân loại, ai cũng có quyền xây dựng nên và tự thừa hưởng lấy. Quả VÔ THƯỢNG CHÁNH ĐẲNG CHÁNH GIÁC không phải là cái để dành riêng cho một Đức Phật hay đấng Như Lai Thế Tôn nào.

T.T.THÍCH TỪ THÔNG

---o0o---

HẾT